

# PHONG TRÀO DUY TÂN

---

TỰ DO – CÔNG LÝ – THỊNH VƯỢNG

[www.phongtraoduytan.com](http://www.phongtraoduytan.com)

Số Mùa Đông, 2025

Biên tập: Nguyễn Huy Vũ



Chủ nghĩa đa phương, vòng vây của Trung Cộng và chọn lựa nào cho Việt Nam

Đồng phục báo chí: Tin tức rập khuôn, dân chịu thiệt

Đấu tranh dân chủ ôn hoà và tình trạng của người tù

Tô Lâm và chọn lựa lịch sử

Sống trong vùng xám: Điều hướng để Việt Nam tự chủ giữa một thế giới bất định

50 năm sau: tương lai nào cho Việt Nam?

Việt Nam và thách thức trở thành nước thu nhập cao trong 20 năm

Nghĩ về việc sắp xếp các đơn vị hành chính của quốc gia

Giải Nobel Kinh Tế 2025 và Việt Nam

Tô Lâm muốn thành Phác Chính Hy và Lý Quang Diệu?

Hệ thống chính quyền của Hoa Kỳ

Hệ thống chính trị của Hàn Quốc (Cộng hòa Hàn Quốc)

Sai lầm chí mạng của Mô hình Trung Quốc

# Chủ nghĩa đa phương, vòng vây của Trung Cộng và chọn lựa nào cho Việt Nam

Trần Trung Đạo

*Giới thiệu: Ngày 24 tháng 9, 2025 tại Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc, tổng thống (TT) Phần Lan Alexander Stubb đã đọc một diễn văn được báo chí xem là “mạnh mẽ nhất” hay “thôi thúc nhất” trong số diễn văn của các nguyên thủ quốc gia, về một trật tự mới đang diễn ra trên thế giới.*

TT Alexander Stubb phát biểu: “Để hiểu những gì đang diễn ra trên thế giới, tôi muốn nêu ra ba diễn biến khác nhau nhưng có liên quan. Thứ nhất, tôi thấy rằng có một sự căng thẳng ngày càng gia tăng giữa những người ủng hộ chủ nghĩa đa phương (multilateralism), một trật tự dựa trên pháp quyền, và những người nói ngôn ngữ của chủ nghĩa đa cực (multipolarity) hoặc chủ nghĩa giao dịch (transactionalism). Tôi có thể hiểu được sự căm dỗ và lý lẽ của những người ủng hộ chủ nghĩa đa cực hoặc chủ nghĩa giao dịch. Nhưng liệu họ có thể giải quyết những thách thức lớn nhất của thế giới, chẳng hạn như biến đổi khí hậu hay phát triển bền vững?”

Tổng thống Alexander Stubb cảnh giác “Quyền lực xác định giới hạn khả năng của mỗi quốc gia. Tuy nhiên, các giá trị phải là nền tảng cho mọi việc chúng ta làm. Ngay cả một chính sách đối ngoại mang tính giao dịch hoặc đa phương thức cũng nên dựa trên cốt lõi của các giá trị cơ bản. Nếu không có chúng, chính sách đối ngoại cuối cùng sẽ gặp phải bế tắc.”

Từ nhiều năm nay, Nga tìm mọi cách để bao vây Phần Lan như ông nhắc lại: “Đối với tôi, một người Phần Lan, cuộc chiến tranh xâm lược của Nga vào Ukraine không chỉ gọi nhớ cho tôi về quá khứ của chúng tôi, mà còn liên quan trực tiếp đến an ninh của khu vực tôi đang sống.”

“Gọi nhớ” của TT Phần Lan là một nhắc nhở cho mọi người Việt Nam quan tâm đến vận nước.

So với Phần Lan, Việt Nam không có những lợi thế an ninh. Phần Lan là thành viên của NATO, An Ninh và Hợp Tác Châu Âu (the Organization for Security and Co-operation in Europe), Liên Hiệp Châu Âu (European Union) bên cạnh các tổ chức quốc tế khác.

Việt Nam một mình một thân trợ trụ. Dưới mắt Mỹ và Trung Cộng, Việt Nam không phải là một quốc gia mà là vùng trái độn được “đánh giá cao” khi cần và “không màng nhắc tới” khi không cần. Nhiều quốc gia hay lãnh thổ từng giữ các vị trí chiến lược đã không còn. Ví dụ, Afghanistan là một vùng trái độn vô cùng quan trọng trong Chiến Tranh Lạnh I nay trở lại trong bàn tay tàn bạo của Taliban nhưng gần như không còn ai quan tâm. Ba Lan từng là vùng trái độn quan trọng giữa Đế Quốc Nga và Đức nhưng giảm dần sau Thế Chiến Thứ Hai. Ukraine, một nước cựu CS đang là vùng độn chiến lược giữa Nga và Châu Âu.

Bài viết dưới đây đã được viết và đăng trong ba phần (1: Chủ Nghĩa Đa Phương, 2: Vòng Vây Trung Cộng và 3: Chọn Lạ Việt Nam), nay xin tổng kết thành một bài dài dành cho các bạn trẻ quan tâm đến địa chính trị.

## **1. SỰ QUAN TRỌNG CỦA CHỦ NGHĨA ĐA PHƯƠNG**

Cộng Hòa Kenya là thành viên không thường trực của Hội Đồng Bảo An LHQ. Buổi chiều tối ngày 21 tháng 2, 2022, trước giờ biểu quyết quyết nghị tố cáo Nga vi phạm Điều 2, phân đoạn 4 của Hiến Chương LHQ vì đã dùng vũ lực xâm phạm chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ của Ukraine, đại sứ Martin Kimani đã đọc một diễn văn để bày tỏ lập trường của quốc gia ông trong đó ông nhấn mạnh về tầm quan trọng của Chủ Nghĩa Đa Phương (Multilateralism).

Dưới đây là vài đoạn trích từ diễn văn hùng hồn, đầy thôi thúc của Đại Sứ Martin Kimani:

“Kenya và hầu hết các quốc gia châu Phi ra đời bởi sự sụp đổ của đế chế. Biên giới của chúng tôi không phải do chúng tôi vẽ mà được vẽ tại các đô thị mẫu quốc thuộc địa xa xôi của London, Paris và Lisbon, không liên quan gì đến các quốc gia thời cổ đại đã bị họ tách rời nhau.” (Kenya, and almost every African country, was birthed by the ending of empire. Our borders were not of our

own drawing. They were drawn in the distant colonial metropolises of London, Paris, and Lisbon with no regard for the ancient nations that they cleaved apart.)

“Chúng tôi bác bỏ chủ nghĩa phục hồi lãnh thổ và chủ nghĩa bành trướng trên bất kỳ cơ sở nào, bao gồm các yếu tố chủng tộc, dân tộc, tôn giáo hoặc văn hóa.” (We rejected irredentism and expansionism on any basis, including racial, ethnic, religious or cultural factors.)

“Chúng tôi cũng lên án mạnh mẽ xu hướng trong vài thập niên gần đây của các cường quốc, bao gồm cả các thành viên của Hội Đồng Bảo An, vi phạm luật pháp quốc tế mà không được quan tâm đúng mức.” (We further strongly condemn the trend — in the last few decades — of powerful states, including members of this Security Council, breaching International Law with little regard.)

“Đêm nay, chủ nghĩa đa phương nằm trên giường chờ chết. Ngày nay cũng như trong quá khứ gần đây, chủ nghĩa đa phương đã bị các cường quốc tấn công.” (Multilateralism lies on its deathbed tonight. It has been assaulted, as it has been by other powerful states in the recent past.) (Statement By Amb. Martin Kimani, during The Security Council Urgent, Meeting On The Situation In Ukraine, 21 February 2022).

Lý do người viết trích dẫn khá dài bởi vì diễn văn của Đại sứ Martin Kimani mang một tâm trạng rất Việt Nam, một dân tộc bị thực dân đô hộ suốt chiều dài thế kỷ. Thực dân Pháp rời Việt Nam 1954 và thực dân Anh rời Kenya 1963.

Một người Việt Nam yêu nước nào đọc diễn văn của đại sứ Martin Kimani cũng đều cảm thấy gần gũi, xúc động và cảm thông. Số phận những nước nhược tiểu từng bị thực dân bóc lột ở đâu cũng giống nhau.

Giống như dân tộc Kenya, dân tộc Việt Nam bị đô hộ, bị tàn sát chứ không hề ký vào các Hòa Ước Nhâm Tuất 1862 (nhượng Nam Kỳ cho Pháp), Hòa Ước Giáp Thân (Patenotre) 1884, Hiệp định Geneva 1954 hay Hiệp định Paris 1973. Tất cả đều là tác phẩm của các thực dân và đế quốc để phân chia quyền lợi và quyền lực bằng máu xương người Việt.

Một lý do khác, Đại sứ Martin Kimani nhấn mạnh đến sự quan trọng sống còn của chủ nghĩa đa phương trong quan hệ quốc tế ngày nay.

Diễn văn của đại sứ Martin Kimani cũng cho thấy khuôn mặt mới của thế giới đang định hình và một xu hướng mới đang mở ra cho các quan hệ đối ngoại. Kết quả hai cuộc biểu quyết ở LHQ cũng cho thấy sự cần thiết phải đẩy mạnh chủ nghĩa đa phương (multilateralism) để giải quyết các vấn đề chung của các quốc gia trong phạm vi một khu vực hay thế giới.

Chủ nghĩa đa phương (multilateralism) liên kết của các quốc gia qua hình thức của những tổ chức, những trung tâm, những cơ quan quốc tế, những nhóm liên kết của ba nước hay nhiều hơn. Khác với phương thức đơn phương (unilateralism) hay song phương (bilateralism), phương thức đa phương là cơ hội cho các quốc gia nhỏ có tiếng nói, có quyền hạn và trách nhiệm đối với cộng đồng nhân loại. LHQ hay WTO là những tổ chức đa phương. (James Scott, the Editors of Encyclopaedia Britannica on Multilateralism, Politics, Law & Government International Relations)

Đánh giá cao tầm quan trọng của Chủ Nghĩa Đa Phương, Liên Hiệp Quốc chọn ngày 24 tháng 4 mỗi năm như là Ngày Quốc Tế Chủ Nghĩa Đa Phương Và Ngoại Giao Vì Hòa Bình (the International Day of Multilateralism and Diplomacy for Peace). LHQ định nghĩa “Chủ nghĩa đa phương ngược với chủ nghĩa song phương và chủ nghĩa đơn phương. Nói đúng ra, chủ nghĩa đa phương biểu hiện một hình thức hợp tác giữa ít nhất ba quốc gia.”

Tháng Chín năm nay, 2024, lãnh đạo các quốc gia hội viên LHQ họp nhau tại Hội Nghị Thượng Đỉnh Vì Tương Lai “để tái khẳng định sự cống hiến của họ cho hòa bình, phát triển bền vững và bảo vệ nhân quyền, tầm quan trọng của chủ nghĩa đa phương và ngoại giao là điều quan trọng hơn bao giờ hết.” (The Virtues of Multilateralism and Diplomacy, UN)

## **2. TRUNG CỘNG VÀ CHỦ NGHĨA ĐA PHƯƠNG**

Trung Cộng (TC), hội viên LHQ, thành viên của Hội Đồng Bảo An, hội viên WTO và ký kết nhiều công ước quốc tế chưa bao giờ thực hiện chủ nghĩa đa phương dựa đúng tinh thần của công pháp quốc tế.

Alexander E. Gale, một nhà phân tích địa lý chính trị Anh bình luận một cách chính xác mưu đồ của TC: “Trung Quốc là một cường quốc xét lại, coi các thể chế đa phương hiện có là phương tiện để tăng cường ảnh hưởng. Trung Quốc tìm cách thay đổi các chuẩn mực quản trị toàn cầu để phù hợp hơn với mô hình độc tài lấy Trung Quốc làm trung tâm. Trung Quốc nhìn chung hài lòng với cấu trúc đa phương của hệ thống quốc tế nhưng mong muốn có thẩm quyền lớn hơn để định hình các chuẩn mực quốc tế và phù hợp với kỳ vọng của Bắc Kinh rằng sự phân bổ quyền lực toàn cầu

sẽ ngày càng chuyển dịch từ Mỹ sang Trung Quốc và từ phương Tây sang châu Á”. (China’s Multilateral Influence-Building Strategy: Threats to an Open and Stable International Order. Parliament. UK).

Council on Foreign Relations, một ‘think tank’ uy tín thế giới về chính sách đối ngoại đặt tại New York cho rằng TC chỉ áp dụng chủ nghĩa đa phương khi nào có lợi cho chính sách ngắn hay dài hạn của đảng CSTQ như việc ủng hộ World Bank, Paris Agreement về khí hậu nhưng tránh né hay chống đối các diễn đàn, các hội nghị quốc tế về nhân quyền. TC còn hợp tác với Nga và các nước độc tài để dựng nên các diễn đàn đa phương riêng phù hợp với mục tiêu riêng của họ. (China’s Approach to Global Governance, Council on Foreign Relations)

Với tư cách một cường quốc, TC không thể tự cô lập khỏi các diễn đàn đa phương quốc tế, tuy nhiên chiến lược đối ngoại chính trong nhiều năm nay của TC vẫn là song phương và trong nhiều trường hợp chỉ là đơn phương.

Đặc biệt đối với các nước nhỏ, sức yếu, thế cô, bị cai trị bởi các chế độ độc tài TC dùng tiền để giữ thế mạnh và quyết định kết quả của đàm phán. Ví dụ như trường hợp TC trong đàm phán với Brunei. Brunei coi Trung Quốc là một trong những nguồn đầu tư nước ngoài lớn nhất và là một lực lượng quan trọng trong nỗ lực tạo ra một nền kinh tế đa dạng hơn, với trữ lượng dầu thô dự kiến sẽ cạn kiệt hoàn toàn trong vài thập niên tới. (Reuters, China's Xi offers more investment in South China Sea claimant Brunei, 11 17, 2023)

Với các quốc gia tranh chấp khác cũng sức yếu thế cô nhưng không thể một sớm một chiều chiếm đoạt TC dùng phương pháp bao vây và trước hết bao vây Việt Nam.

### **3. TRUNG CỘNG BAO VÂY VÀ CÔ LẬP VIỆT NAM NHƯ THẾ NÀO**

Trong phần này, người viết tạm gác qua bên những vấn đề thuộc phạm vi tư tưởng, ý thức hệ để tập trung vào lãnh vực địa chính trị (geopolitics).

Bao vây, cô lập để kiểm soát Việt Nam, một vùng độn sinh tử ở phía Nam, là một phần quan trọng trong chiến lược Á Châu Thái Bình Dương trường kỳ của TC.

Chiến lược này không chỉ ra đời trong thời kỳ Tập Cận Bình mà có từ thời Mao qua Đặng và nhiều thời kỳ lãnh đạo đảng CSTQ khác. Học bài học chiến tranh Triều Tiên, Mao không muốn lôi kéo Mỹ vào một cuộc đối đầu trực diện lần nữa. Tuy nhiên, Mao đã chuẩn bị việc đưa quân TC ồ ạt vào miền Bắc Việt Nam để đánh Mỹ nếu cần. Theo sử gia Qiang Zhai, tác giả của tác phẩm sử học *China and the Vietnam Wars, 1950-1975*, Mao ra lệnh “chuẩn bị đề phòng chiến tranh với Hoa Kỳ. Ông ta đã chuyển các ngành công nghiệp, trường đại học và viện nghiên cứu ở vùng ven biển phía đông Trung Quốc đến vùng núi phía tây nam Trung Quốc. Mao ra lệnh cho dân chúng xây dựng các hầm trú ẩn phòng không trên khắp Trung Quốc.” (Qiang Zhai, *China Contributed Substantially to Vietnam War Victory*, Wilson Center, January 1, 2001)

Lê Duẩn cũng nghĩ tới việc ít nhất nửa triệu quân TC sẽ có mặt tại miền Bắc nếu Mỹ phát động chiến tranh toàn diện. Lê Duẩn nói với Đặng Tiểu Bình tại Bắc Kinh ngày 13 tháng 4, 1966.: “Hiện nay có hơn 100,000 quân Trung Quốc tại Việt Nam, nhưng chúng tôi nghĩ bất cứ khi nào có một biến cố trầm trọng xảy ra, có thể cần tới 500,000. Sự giúp đỡ này là từ một nước hữu nghị. Chúng tôi nghĩ rằng với tư cách một nước xã hội chủ nghĩa anh em, Trung Quốc có thể làm điều đó.” Phiên họp này có sự hiện diện của Nguyễn Duy Trinh, Bộ trưởng Bộ Ngoại Giao VNDCCH. Phía TC, ngoài họ Đặng, còn có Thủ tướng Chu Ân Lai và Phó Chủ tịch đảng CSTQ Khang Sinh. ( Digital History, Document 12. Zhou Enlai, Deng Xiaoping, Kang Sheng, Le Duan, Nguyen Duy Trinh, Beijing, 13 April 1966)

Giữ chặt sân sau Việt Nam trong gọng kìm là ưu tiên số một của TC, những khẩu hiệu “tinh thần quốc tế vô sản”, “xã hội chủ nghĩa anh em” hay hiện nay như “16 chữ vàng”, “cùng chung vận mệnh” chỉ là những khẩu hiệu tuyên truyền.

Sau cuộc Chiến Tranh Biên Giới với Việt Nam 1979 Đặng Tiểu Bình tiếp tục thúc đẩy bốn hiện đại hóa nông nghiệp, công nghiệp, quốc phòng và khoa học công nghệ. Để phù hợp với dòng phát triển của nhân loại trong quan hệ quốc tế, TC buộc phải tham gia các thỏa hiệp trong tinh thần của chủ nghĩa đa phương (multilateralism), ngoại trừ đối với Việt Nam. Riêng với Việt Nam, TC tiếp tục bao vây, cô lập qua nhiều hình thức.

#### **4. TRUNG CỘNG CÔ LẬP VIỆT NAM QUA NGÃ ASEAN**

Trong tranh chấp chủ quyền Biển Đông, ngày 4 tháng 11 năm 2002 TC cùng các nước ASEAN ký kết Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Nam Trung Hoa (Declaration on Conduct of the Parties in the South China Sea, viết tắt là DOC). Tuy nhiên đó chỉ là những thỏa thuận tổng quát, chung chung để “khẳng định cam kết đối với mục tiêu và các nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc, Công ước Luật Biển năm 1982 của Liên hợp quốc, Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á, năm nguyên tắc tồn tại hòa bình và các nguyên tắc phổ cập khác của pháp luật quốc tế.” (Declaration On The Conduct Of Parties In The South China Sea, ASEAN, May 14, 2012 )

Những cam kết đó của TC chỉ là đầu môi chót lưỡi. Trong thực tế, TC tránh né các hội nghị quốc tế nhằm giải quyết các xung đột, thay vào đó, họ áp dụng chính sách “chia để trị” đối với từng thành viên ASEAN tùy thuộc vào nhiều yếu tố và họ đã chứng tỏ khá thành công. Ba lý do chính cho việc từ chối tham gia các diễn đàn quốc tế về Biển Đông (1) TC không có đủ bằng chứng cụ thể, khoa học và tính thuyết phục để thắng bằng công pháp quốc tế, (2) ASEAN là một tổ chức hợp tác vì quyền lợi riêng của mỗi quốc gia thành viên hơn là vì quyền lợi chung lâu dài mà cả khối cùng hướng tới, (3) trong số 11 quốc gia thuộc ASEAN chỉ có 5 nước gồm Brunei, Nam Dương, Mã Lai, Philippines và Việt Nam trực tiếp liên quan đến tranh chấp chủ quyền Biển Đông và sáu nước còn lại không liên quan trực tiếp.

Mặc dù vẫn có nhiều bất đồng giữa hai nước về chủ quyền trên Biển Đông, hiện nay chỉ còn Việt Nam và Philippines là gần gũi nhau trong việc đối đầu với TC. Chín quốc gia hội viên còn lại vì quan hệ kinh tế thương mại với TC nên chọn ủng hộ TC như trường hợp Campuchia, Lào. Số còn lại hoặc có thái độ đứng ngoài cuộc tranh chấp hoặc tránh phê bình trực tiếp TC.

## **5. TRUNG CỘNG BAO VÂY VIỆT NAM TỪ HƯỚNG BẮC**

TC biết chính xác các yếu điểm của lãnh đạo đảng CSVN nên áp dụng hàng loạt các chính sách khi trừng phạt, khi vuốt ve, khi hợp tác, khi thỏa hiệp tùy thuộc vào các chính sách đối ngoại toàn cầu của TC trong mỗi thời kỳ. Nhưng dù khác nhau về chiến thuật, mục tiêu chiến lược của TC vẫn là bao vây để kiểm soát Việt Nam.

Trong tổng kết này, tạm lấy mốc thời gian từ “chiến tranh biên giới Việt-Trung 1979” để xem TC đã và đang bao vây Việt Nam cụ thể như thế nào.

- Cuộc chiến xâm lược Việt Nam của Đặng Tiểu Bình năm 1979 mang về cho TC một thảm bại nhục nhã nhưng đồng thời đó cũng là thời điểm đánh dấu những thay đổi lớn trong sách lược quốc phòng. Họ Đặng đẩy mạnh hiện đại hóa quốc phòng bằng cách trẻ trung hóa cấp chỉ huy và nâng cấp kỹ thuật chiến tranh trong quân đội. Hơn một triệu lính và sĩ quan già các cấp bị cho giải ngũ. Yếu tố phẩm chất được nhấn mạnh thay vì số lượng. Mặc dù thua to, họ Đặng không từ bỏ tham vọng bao vây Việt Nam.

- Những năm từ 1980 đến 1983, các trận pháo liên tục bắn vào lãnh thổ Việt Nam và các đụng độ nhỏ tiếp tục diễn ra dọc biên giới Việt-Trung. Theo Miles Maochun Yu, từng là cố vấn chính sách về Trung Quốc của Bộ Ngoại Giao Mỹ: “Chỉ trong năm 1985, Trung Quốc đã bắn một triệu quả đạn vào vùng Vị Xuyên của Việt Nam, sau đó là một loạt trận pháo kích dài ngày khác trong suốt hai năm sau đó, kèm theo các cuộc tấn công của Trung Quốc vào các vị trí của Việt Nam với sự tham gia của ít nhất 15 sư đoàn quân TC. Chỉ trong vòng 5 năm từ 1985 đến 1989, Trung Quốc đã bắn hơn hai triệu quả đạn pháo vào Việt Nam.” Hai triệu quả pháo là một con số lớn khủng khiếp trên một diện tích chật hẹp của miền Bắc Việt Nam. Con số đó chắc không ít hơn so với số lượng pháo TC bắn vào hai đảo Kim Môn và Mã Tổ trong đầu thập niên 1950. (Miles Maochun Yu, *America's Pivot To Vietnam*, Hoover Institution 2016)

- Sau 5 năm đổi mới kỹ thuật chiến tranh, Đặng Tiểu Bình muốn thử nghiệm hiệu quả của chính sách “hiện đại hóa quốc phòng” và lần nữa nơi thử nghiệm chẳng đâu khác hơn là Việt Nam. Ngày 24 tháng 12, 1983, họ Đặng tiếp Norodom Sihanouk, lúc đó đang là chủ tịch của Chính phủ Liên Hiệp Ba Thành Phần gồm Khmer Đỏ, Campuchia Dân Chủ và Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc Khmer, tại Bắc Kinh. Trong buổi tiếp xúc này, Norodom Sihanouk yêu cầu Đặng can thiệp bằng quân sự vì phía CSVN đang thắng thế trong nhiều mặt trận trên khắp lãnh thổ Cambodia. (Xiaoming Zhang, *Deng Xiaoping's Long War: The Military Conflict between China and Vietnam*, University of North Carolina Press, 2015)

- Đặng Tiểu Bình đồng ý giúp nhưng thay vì mở một cuộc chiến tranh biên giới khác, họ Đặng nhắm hai căn cứ chiến lược Lão Sơn (Laoshan) và Núi Bạc (Zheyinshan). Sau nhiều trận đánh suốt mùa hè 1984, Lão Sơn của Việt Nam đã bị TC chiếm ngày 16 tháng 7, 1984. Nhiều ngàn thanh niên Việt Nam đã chết trên đỉnh núi Lão Sơn. Đặng Tiểu Bình xem đây là một chiến thắng lớn. Viên tư lệnh sư đoàn tham dự mặt trận Lão Sơn được đặc cách lên chức Tư lệnh Binh Đoàn 11 của quân đội TC. (Charlie Gao, *China's Loss That You Have Never Heard About*, *The National Interest*, August 18, 2021)

- Theo Norodom Sihanouk, Đặng Tiểu Bình đã nói với ông ta rằng “Bắc Kinh sẽ không tiến hành cuộc tấn công thứ hai vì họ muốn cho thế giới thấy rằng họ cam kết tuân thủ Hiến chương Liên Hiệp Quốc và giải quyết xung đột một cách hòa bình. Tuy nhiên, Sihanouk nói thêm, Đặng cho biết Trung Quốc sẽ tiếp tục đụng độ dọc biên giới để gây áp lực buộc Việt Nam rút khỏi Campuchia.” Nguyên văn bản tiếng Anh đăng trên báo The Washington Post, 7 tháng 1, 1987” “Prince Norodom Sihanouk, the Cambodian resistance leader, has quoted Chinese leader Deng Xiaoping as saying Beijing will not launch a second attack because it wants to show the world it is committed to the United Nations Charter and to the peaceful resolution of conflicts. But, Sihanouk added, Deng said China would continue clashes all along the frontier to pressure the Vietnamese to withdraw from Cambodia.” (Vietnamese Stand Guard On Tense Chinese Border, Sporadic Violence Marks 800-Mile Frontier, The Washington Post, January 7, 1987)

## **6. TRUNG CỘNG BAO VÂY VIỆT NAM TỪ HƯỚNG ĐÔNG**

- Ngày 14 tháng 3, 1988, TC chiếm Gạc Ma. Cuộc thảm sát này hiện nay được nhắc lại trong các báo khá nhiều. Báo Lao Động ngày 13/03/2022 viết: “Ngày 14.3.1988, nhằm ngày 27 tháng giêng âm lịch, Trung Quốc đã dùng vũ lực đánh chiếm đảo đá chìm Gạc Ma, thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam. Trong một cuộc chiến không cân sức để bảo vệ đảo đá Gạc Ma, 64 chiến sĩ thuộc lực lượng Hải quân Nhân dân Việt Nam đã kiên cường chiến đấu và anh dũng hy sinh. Nhiều người trong số họ đã nằm lại mãi mãi nơi đáy biển sâu.” Cũng theo báo Lao Động, mãi tới 11 năm sau “những bài báo viết về các anh, các cựu binh Gạc Ma mới bắt đầu xuất hiện rải rác. (Lao Động, Chủ nhật, 13/03/2022). Chiếm Gạc Ma chỉ là đầu cầu cho chiến lược bành trướng Biển Đông của Đặng Tiểu Bình. Vào thập niên 1990, đối tượng cạnh tranh chiến lược của Đặng Tiểu Bình và các lãnh đạo TC sau ông ta là Mỹ, Nhật, Đức chứ không còn là Việt Nam. (34 năm sự kiện Gạc Ma: Giữ vĩnh cửu ngọn lửa yêu nước, Lao Động ngày Chủ nhật 13/03/2022)

- Cuối năm 1990, Liên-Xô (LX) đang trên đà sụp đổ. Sáu trong số mười sáu nước “Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa” thuộc LX đã tuyên bố độc lập, nền kinh tế LX đang thời kỳ suy thoái, bức tường Bá Linh đã bị đập đổ. Boris Yeltsin từ bỏ đảng CS và trở thành lãnh đạo của phong trào dân chủ Nga. CSVN trở thành con thuyền không bến và chiếc phao duy nhất còn lại là TC. Hội nghị Thành Đô trong hai ngày 3 và 4 tháng 9 năm 1990 đánh dấu cho ngày trở về của đảng CSVN dưới ảnh hưởng TC. Sau hội nghị Thành Đô, ngày 8 tháng 5 năm 1992 TC ký hợp đồng khai thác dầu khí với công ty năng lượng Crestone của Mỹ, cho phép công ty này thăm dò khai thác dầu khí trong thềm lục địa của Việt Nam, nằm ở phía Tây Nam của quần đảo Trường Sa. TC cũng hứa với công

ty Creston sẽ bảo vệ bằng vũ lực nếu Việt Nam can thiệp vào công việc của họ.

- Ngày 25 tháng 2, 1992, TC thông qua Luật Lãnh Hải và Vùng Tiếp Giáp (Law Of The People's Republic Of China On The Territorial Sea And The Contiguous Zone). Theo luật này, Biển Đông, trong đó có Hoàng Sa và Trường Sa, thuộc về TC. Văn bản này viết: “Lãnh hải của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là vành đai biển tiếp giáp lãnh thổ đất liền và nội thủy của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Lãnh thổ trên đất liền của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa bao gồm đất liền và các đảo ven biển; Đài Loan và tất cả các đảo bao gồm quần đảo Điếu Ngư; quần đảo Penghu; quần đảo Đông Sa; quần đảo Tây Sa; quần đảo Trung Sa và quần đảo Nam Sa; cũng như tất cả các đảo khác thuộc Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.” Theo phân tích của Council On Foreign Relations, một trung tâm nghiên cứu lớn tại Mỹ, ý đồ của TC không chỉ là kinh tế nhưng chính là quân sự. TC muốn khóa Biển Đông khỏi sự hải hành quân sự của Mỹ. (The Law on the Territorial Sea and the Contiguous Zone of the People's Republic of China, adopted at the 24th meeting of the Standing Committee of the National People's Congress on 25 February 1992, National legislation - DOALOS/OLA - United Nations)

- Quan trọng nhất là việc TC quân sự hóa Biển Đông qua việc xây dựng hàng loạt “đảo nhân tạo” và các căn cứ quân sự trên quần đảo Hoàng Sa từ 2013. Bảy đảo nhân tạo đó gồm: Johnson Reef South (Đá Gạc Ma), Subi Reef (Đá Xu Bi), Gaven Reef (Đá Ga Ven), Hughes Reef (Đá Tư Nghĩa), Fiery Cross Reef (Đá Chữ Thập), Cuarteron Reef (Đá Châu Viên) và Mischief Reef (Đá Vành Khăn). Trong số bảy đảo nhân tạo, ba đảo quan trọng nhất được xây trên các bãi đá Chữ Thập (Fiery Cross), Xu Bi (Subi) và Đá Vành Khăn (Mischief). Ba đảo nhân tạo này được báo chí quốc tế gọi là “Big Three” (Ba đảo nhân tạo lớn). Tại hội nghị Shangri-La 2015 (The IISS Shangri-La Dialogue) với cấp bộ trưởng quốc phòng của 50 quốc gia, Bộ trưởng Quốc Phòng Mỹ Ash Carter chính thức yêu cầu TC ngưng xây dựng các căn cứ quân sự nổi qua hình thức các đảo nhân tạo. Tuy nhiên, ngoại trừ các biện pháp cứng rắn của các quốc gia trực tiếp trong vòng tranh chấp, không một lời yêu cầu nào hay văn bản nào có thể làm thay đổi tham vọng của Tập Cận Bình. (China Island Tracker, Center for Strategic and International Studies CSIS)

- Ngày 14 tháng 2, 2016, TC đặt các giàn hỏa tiễn địa đối không (surface-to-air missiles) và chiến đấu cơ J-11 trên đảo Phú Lâm (Hoàng Sa). Tờ The Wall Street Journal trích dẫn nguồn tin quân sự cho biết đây là loại hỏa tiễn HQ-9 dài 6 mét, nặng hai tấn, tầm bắn từ trung bình tới xa. (China Positions Missiles on Disputed South China Sea Island, The Wall Street Journal, Feb. 17, 2016)

- Ngày 18 tháng 5, 2018, các oanh tạc cơ H-6 của TC cất cánh từ đảo Phú Lâm và đáp xuống một “đảo nhân tạo” của TC trên Biển Đông. Ấn bản điện tử của Nhân Dân Nhật Báo còn đăng cả một video ngắn cho thấy oanh tạc cơ H-6K có tầm bay xa 1900 hải lý hạ cánh xuống một trong những “đảo nhân tạo”. Với loại oanh tạc cơ này, tất cả các thành phố lớn, các quốc gia vùng Đông Nam Á đều nằm trong tầm oanh tạc của H-6K đừng nói chỉ là Việt Nam chỉ cách Hoàng Sa 121 hải lý. (China lands bomber on South China Sea island for first time, CNBC, May 18, 2018).

- Ngày 18 tháng 4, 2020, TC công bố thành lập hai đơn vị hành chính mới gồm Tây Sa bao gồm Hoàng Sa và Nam Sa bao gồm Trường Sa của Việt Nam. Trụ sở của hai đơn vị hành chính này đặt tại đảo Phú Lâm, trực thuộc tỉnh Hải Nam của TC. Nhiều người nghĩ tình trạng Covid-19 sẽ làm giảm chính sách bành trướng của Tập Cận Bình, nhưng không, họ Tập không những chậm mà còn lợi dụng khó khăn của thế giới để đẩy mạnh hơn tham vọng xâm thực chủ quyền của các nước chung quanh trong đó có Việt Nam.

- Đặc biệt tại Đá Vành Khăn (Mischief). Ngày 22 tháng 3, 2022, sau nhiều lần chối cãi, TC cuối cùng thừa nhận họ có quyền võ trang các đảo nhân tạo vì đó là quyền của TC để xây dựng “các cơ sở quốc phòng cần thiết trên lãnh thổ của mình là quyền của mọi quốc gia có chủ quyền và phù hợp với luật pháp quốc tế”. Tư lệnh khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương của Mỹ, Đô đốc John C. Aquilino cho biết TC đã trang bị cho các đảo hệ thống tên lửa chống hạm và phòng không, thiết bị gây nhiễu và ‘laser’ cũng như phi cơ chiến đấu, hành động ngày càng hung hãn đe dọa tất cả các quốc gia gần đó, gần nhất là Việt Nam. (AP, China says military development of islands within its rights, March 22, 2022)

## **7. TRUNG CỘNG BAO VÂY VIỆT NAM TỪ HƯỚNG TÂY**

- Dùng Campuchia để bao vây sườn Tây Nam của Việt Nam. Ngoài “bẫy nợ”, TC còn giúp Campuchia xây dựng căn cứ quân sự Ream Naval Base để bao vây Việt Nam từ biên giới phía Tây Nam. TC bác bỏ nhưng các không ảnh cho thấy các cơ sở được xây dựng trước đây do hợp tác với Mỹ từ năm 2010 đã bị phá hủy và các cơ sở mới đang được xây. Theo nhiều nguồn tin, năm 2017 một hiệp ước bí mật giữa Hun Sen và Tập đã được ký kết, qua đó, TC có quyền sử dụng căn cứ Ream Naval Base trong ba chục năm. Hun Sen từ chối yêu cầu của Mỹ được vào xem tận mắt. Các chính quyền Mỹ trong thập niên này cố gắng thuyết phục Campuchia duy trì vị trí “độc lập” nhưng đều thất bại. Lý do đơn giản là đi với Mỹ Hun Sen có hại nhiều hơn có lợi. TC không chỉ viện trợ kinh tế mà còn giúp duy trì chế độ Hun Sen, một chế độ độc tài do CSVN dựng lên và bảo vệ bằng

xương máu suốt mười năm đầu. (Deal for Naval Outpost in Cambodia Furthers China's Quest for Military Network, Wall Street Journal, July 22, 2019)

- Kể từ khi Thỏa hiệp Mậu dịch Công bằng Trung Quốc-ASEAN (The China-ASEAN Fair Trade Agreement) được ký kết năm 2010, các công ty TC đổ tiền như nước vào ASEAN và hiện nay là thành viên thương mại lớn nhất trong vùng. Năm 2023, mậu dịch giữa TC và ASEAN lên đến 468.8 tỷ dollar. Kết quả, các quốc gia như Thái, Miến, Brunei, Nam Dương, Singapore đã nghiêng về phía TC.

- Ngăn chặn mọi khả năng liên kết giữa Việt Nam – Lào – Campuchia. Qua hình thức “bẫy nợ”, TC siết vòng vây Lào và Campuchia quanh Việt Nam. Lào và Campuchia là hai nước có truyền thống gần bó nhưng hiện nay cả hai nước đều công nhận chủ quyền Biển Đông thuộc về TC. Lý do, Campuchia, nợ 4.5 tỷ dollar, Lào nợ 5.3 tỷ dollar là hai trong số 20 nước hàng đầu trên thế giới đang bị dính trong “bẫy nợ” của TC. Khác với các hình thức cho vay có tính cách viện trợ (aid-financed) của ngân hàng quốc tế hay các nước giàu có dành cho các nước nghèo để phát triển kinh tế, chiến lược “Bẫy nợ” của TC gắn liền với chính sách cho vay với lãi suất cao (debt-financed). (Marcus Lu, The Top 20 Countries in Debt to China, Visual Capitalist, April 29, 2024)

- Tháng 9, 2024 Campuchia đột ngột rút khỏi Tam giác Phát triển Campuchia-Lào-Việt Nam (Cambodia–Laos–Vietnam Development Triangle Area). Một đề án quốc tế có lịch sử 25 năm với nhiều tỷ dollar đầu tư bị gián đoạn mà không cần một phiên họp, một buổi thảo luận hay tham khảo gì của ba bên. Không phải chỉ Việt-Campuchia-Lào có sự hợp tác kinh tế theo dạng tam giác mà nhiều quốc gia có cùng biên giới cũng hợp tác tương tự như tam giác SIJORI giữa Nam Dương-Mã Lai- Singapore hay tam giác TIA-GT giữa Timor Leste–Nam Dương–Australia v.v... Hun Sen cho rằng “tam giác” đã hoàn thành nhiệm vụ và cũng đồ thừa một phần cho quyết định rút nhằm tránh các thành phần chống Việt Nam lợi dụng để tuyên truyền. Người mà Hun Sen ám chỉ là Sam Rainsy, cựu lãnh tụ đảng đối lập Cứu Nguy Dân Tộc Cambodia (CNRP). Sam Rainsy vẫn còn hoạt động chống lại Hun Sen nhưng không còn hiệu quả như hai chục năm trước. Trước đây, dù ủng hộ TC một cách nhiệt tình, Sam Rainsy đã bị TC bỏ rơi sau khi chiêu dụ được Hun Sen. Sau khi bị TC bỏ rơi, Sam Rainsy quay sang tố cáo TC âm mưu quân sự hóa vùng biển Campuchia. Việc rút lui “không kèn không trống” rõ ràng cho thấy có một lực tác động khác chứ không đơn giản là “hoàn thành nhiệm vụ” và việc chống đối cũng không phải mới đây. Hiện chưa có bằng chứng cụ thể nào cho thấy sự can thiệp của TC nhưng một ngày nếu có cũng không làm ai ngạc nhiên. TC không muốn thấy tinh thần “ba nước Đông Dương Việt Miên Lào” sống lại dưới

bất cứ hình thức nào và sự tan vỡ của “tam giác” sẽ là cơ hội tốt để TC thể chân. (Cambodia pulls out of a regional development pact after protests, AP, September 21, 2024)

Trên đây chỉ là vài sự kiện chính được các viện nghiên cứu, các hãng tin, các báo chí quốc tế ghi lại.

Sáng ngày 2 tháng 10, 2024, các ngư dân Quảng Ngãi đã bị các tàu TC đuổi bắt đánh đập một cách tàn nhẫn và cướp đoạt hết ngư cụ, máy móc. Giống như những cái chết oan ức của 9 ngư dân Thanh Hóa trước đây, sự chịu đựng của ngư dân Việt Nam các tỉnh ven biển trong suốt 47 năm qua không sách vở nào ghi hết như Nguyễn Trãi viết trong Bình Ngô Đại Cáo “Trúc Nam Sơn không ghi hết tội, nước Đông Hải không rửa sạch mùi”.

## **8. CHỌN LỰA CỦA VIỆT NAM: DÂN CHỦ HÓA**

Để thoát khỏi áp lực và ảnh hưởng chính trị của TC và mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam, không có con đường nào khác hơn là dân chủ hóa đất nước và về đối ngoại theo đuổi chính sách ngoại giao đa phương (multilateralism diplomacy).

Dân chủ hóa chính trị (political democratisation) là một tiến trình thúc đẩy những thay đổi căn bản và tận gốc rễ một cơ chế chính trị gồm hạ tầng cơ sở kinh tế và thượng tầng kiến trúc lý luận tư tưởng, từ độc tài chuyên chính sang dân chủ tự do.

Tiến trình dân chủ hóa có thể diễn ra bằng một cách mạng bùng nổ một cách đồng thời trên toàn quốc hay bằng sự phá vỡ từng mảnh một, từ các điểm yếu và mỏng nhất, trong cơ chế toàn trị cho đến khi sụp đổ hoàn toàn. Tiến trình đó vận dụng nhưng không lệ thuộc vào các điều kiện chính trị thế giới.

Nhiều quốc gia cựu CS Đông Âu và Baltics đã chọn con đường dân chủ hóa và hội nhập vào dòng phát triển đa phương ngay cả trước khi LX sụp đổ. Họ biết đất nước cần phải dân chủ hóa nhanh chóng để qua đó hội nhập vào dòng phát triển của kinh tế Châu Âu. Các chính sách tư hữu hóa nền kinh tế được thực hiện để mong đuổi kịp các quốc gia phát triển. Chọn lựa đi về hướng Tây của các nước cựu CS là một chọn lựa khôn ngoan, đúng lúc.

Từ bài học sụp đổ của Liên Xô chúng ta có thể rút ra bốn điều kiện để thoát ra khỏi sự khống chế và sẽ thắng được TC trong trận cuối cùng:

**(1) Việt Nam phải có dân chủ trước TC.** Phần đông các nhà phân tích chính trị Việt Nam đồng ý rằng Việt Nam phải có dân chủ mới bảo vệ được đất nước. Điều đó đúng nhưng cần phải nói thêm, dân chủ không chỉ giúp bảo vệ đất nước mà còn để thắng được TC. Ngoài ra, dân chủ phải đến sớm, đừng đợi đến khi chiến tranh Á Châu bùng nổ, máu đổ, thây phơi mới đến. Chỉ có một Việt Nam đoàn kết dưới ngọn cờ dân chủ mới thật sự tập trung được sức mạnh tổng hợp của dân tộc và là nền tảng cho một quốc gia dân chủ thịnh vượng lâu dài. TC không sợ USS George Washington hay bom nguyên tử mà sợ dân chủ và rất lo “sân sau” CSVN trở thành một nước dân chủ. Vũ khí dân chủ sẽ gây một phản ứng dây chuyền dẫn tới sự tan vỡ toàn bộ cơ chế CS. Một TC mệnh mông có nguy cơ tan thành nhiều mảnh, chủ quyền ngay tại lục địa còn không giữ được nói chi là chủ quyền trên hai nhóm đảo Hoàng Sa, Trường Sa xa xôi.

**(2) Đoàn kết dân tộc.** Dân chủ là điều kiện tiền đề trong chính sách đối ngoại nhằm tạo sự tin cậy nơi các nước dân chủ Tây Phương nhưng quan trọng nhất là nền tảng của đoàn kết dân tộc. Một dân tộc chia rẽ không thắng được ai. Đây là thời điểm để xác định lại lòng yêu nước. Yêu nước ngày nay không phải là sản phẩm của chủ nghĩa dân tộc cực đoan hay bùa mê CS mà gắn liền với với quyền lợi sống còn của đất nước và hướng đi dân chủ nhân bản của thời đại. Trong cuộc chiến tranh giữa Mỹ và Iraq, nhiều người nghĩ kẻ có lợi nhiều nhất sẽ là dân tộc Kurds. Nhưng không, họ là những người chịu đựng thiệt thòi nhiều nhất. Trong chiến tranh vùng Vịnh lần thứ nhất, Saddam Hussein tàn sát không thương tiếc các cuộc nổi dậy của nhân dân Kurds ly khai trước sự làm ngơ của Mỹ. Nhiều nhà phân tích cho rằng Mỹ phản bội lý tưởng độc lập của nhân dân Kurds. Điều đó chỉ đúng một nửa. Nửa còn lại là sự phân liệt vô cùng trầm trọng trong tập thể 35 triệu người Kurds sống trong nhiều quốc gia vùng Tây Á. Một dân tộc chia rẽ, cẩu xé nhau, không có một hướng đi chung, không thể vận dụng được sự ủng hộ từ quốc tế và cũng không xứng đáng để được quốc tế ủng hộ. Tương tự, Mỹ bỏ 900 tỷ Mỹ kim hay 3 ngàn tỷ Mỹ kim tùy theo cách tính và 4486 nhân mạng để lật đổ Saddam Hussein, không phải chỉ nhằm đem lại hòa bình dân chủ cho nhân dân Iraq. Tuy nhiên, nếu là một dân tộc khôn ngoan, đây là cơ hội giúp Iraq vượt qua những khó khăn trong vài năm nữa trở thành một cường quốc trong thế giới Ả Rập và nếu họ không làm được thì cũng đừng đổ thừa cho Mỹ, đổ tội cho Saddam Hussein mà phải trách ở chính mình.

**(3) Chủ động chiến lược hóa vị trí quốc gia.** Việt Nam chỉ trở thành một vị trí chiến lược sau khi TC thôn tính toàn lục địa Trung Hoa 1949 nhưng trước đó thì không. Tương tự, Ai Cập trước 1976 không quan trọng hơn Thổ Nhĩ Kỳ hay Iran nhưng sau khi Tổng thống Anwar Sadat bỏ đồng minh Liên Xô để bước sang phía thế giới tự do, Ai Cập trở nên một đồng minh chiến lược của Hoa Kỳ ở Trung Đông và được viện trợ ít nhất 1.5 tỷ Mỹ kim hàng năm từ đó đến nay. Vì lợi ích kinh tế

cũng như về các giá trị nhân quyền, Hoa Kỳ mong muốn được thấy TC trở thành một quốc gia dân chủ trong một châu Á và Thái Bình Dương ổn định. TC là nhà băng của nhiều quốc gia trên thế giới kể cả Mỹ, nhưng không giống như các công ty tài chính Lehman Brothers hay Merrill Lynch, khủng hoảng chính trị tại TC sẽ gây tác hại vô cùng trầm trọng đối với nền kinh tế thế giới không thể đo lường được. Biết chủ động chiến lược hóa, quốc tế hóa, quan trọng hóa vị trí của quốc gia cũng như biết khai thác mối lo của cường quốc sẽ làm cho vị trí của quốc gia quan trọng hơn trong tranh chấp quốc tế. Trái lại, chủ trương của lãnh đạo CSVN “không tham gia các liên minh quân sự, không là đồng minh quân sự của bất kỳ nước nào, không cho bất cứ nước nào đặt căn cứ quân sự ở Việt Nam và không dựa vào nước này để chống nước kia” là chủ trương tự cô lập, không đúng về lý thuyết lẫn thực tế chính trị và sẽ chết tức tưởi trong cô đơn mà không được ai ngó ngang.

**(4) Đoàn kết với láng giềng cùng hoàn cảnh và tham gia các liên minh tin cậy:** Việt Nam đang đứng trước những ngã ba, ngã năm trong bang giao quốc tế nhưng dù bao nhiêu ngã cũng chỉ có thể đi trên một con đường trong một thời điểm nhất định. Sự liên minh khôn khéo trong nhiều trường hợp giúp quốc gia tránh được chiến tranh hay có thêm thời gian để chuẩn bị chiến tranh. Giáo sư Alastair Smith thuộc đại học Washington đã công thức hóa toán học nhiều mô thức liên minh trong lịch sử bang giao quốc tế và kết luận các quốc gia có những liên minh không đáng tin cậy sẽ dễ bị tấn công hơn là các quốc gia có sự liên minh tin cậy. Hiện nay tại Á Châu có bốn liên minh quân sự gồm ba liên minh tin cậy Mỹ-Nhật, Mỹ-Phi, Mỹ-Nam Hàn và liên minh SCO về biên giới gồm TC, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Nga, Tajikistan và Uzbekistan. Khi chảo dầu Á châu được đun nóng hơn, nhiều liên minh quân sự mới tương tự như Tổ chức Liên phòng Đông Nam Á (SEATO) trong thời chiến tranh Việt Nam sẽ ra đời. Đối với Hoa Kỳ, vùng biển Đông Á là huyết mạch kinh tế lẫn an ninh của các nước đồng minh với Hoa Kỳ như Nhật Bản, Nam Hàn, Philippines, Indonesia, liên minh được với Hoa Kỳ vừa có thể thúc đẩy tiến trình hiện đại hóa đất nước vừa bảo đảm an ninh.

Việt Nam phải có dân chủ và dân chủ trước khi TC sụp đổ. “Thoát Cộng” và “Thoát Trung” là hai nhiệm vụ lịch sử của những người Việt quan tâm đến vận nước và phải được tiến hành song song và linh động.

TC tàn sát nhiều ngàn thanh niên, sinh viên Trung Quốc để ngăn chặn tiến trình dân chủ hóa tại Trung Quốc. Do đó, họ cũng không muốn thấy “sân sau Việt Nam” trở thành một nước dân chủ và hội nhập vào dòng phát triển của văn minh nhân loại. CSVN dĩ nhiên không muốn thấy ngày cáo chung của chế độ mà các thế hệ lãnh đạo đã nhờ đó vinh thân phì da từ 1975 trên phạm vi cả nước. Nhưng cho dù CSTQ và CSVN không muốn thấy, dân chủ vẫn là xu hướng, chọn lựa và cách sống của con người trong thời đại ngày nay.

Kinh nghiệm của các nước cựu CS cho thấy con đường dân chủ có nhiều ổ gà, nhiều gai góc nhưng là con đường đúng. Người chăn cừu trên thảo nguyên Mông Cổ trước năm 1990 chỉ là một công cụ sản xuất giống như cừu, hôm nay ông ta là một con người tự do. Tương tự, Cộng Hòa Botswana, cách đây không lâu đồng nghĩa với nghèo đói, chậm tiến, đời sống bộ lạc, ngày nay là một trong những quốc gia dân chủ nhất tại Phi Châu.

Hai ví dụ trên cho thấy dân chủ là một tiến trình và mọi tiến trình đều cần được hoàn thiện nhưng luôn thích nghi với con người dù trong trình độ giáo dục nào, nhận thức nào và đang sống ở đâu trên mặt đất này. Ngoài các giá trị có tính phổ quát như tự do, bình đẳng và quyền sống của con người, dân chủ còn là lối thoát cho nhiều vấn nạn mà dân tộc Việt Nam đang chịu đựng từ Thực Dân đến Cộng Sản.

Trong phạm vi đối nội, chỉ có dân chủ mới có thể tạo điều kiện cho sức mạnh dân tộc được phát huy một cách tối đa và tích cực làm nền tảng cho một quốc gia thịnh vượng lâu dài.

Dân chủ giúp xóa dần những dị biệt về vùng miền, tôn giáo, sắc tộc, quá khứ và thổi vào đất nước một luồng gió mới đầy lạc quan, hy vọng cho tương lai. Yêu nước ngày nay gắn liền với yêu dân chủ chứ không phải là sản phẩm của chủ nghĩa dân tộc cực đoan hay bùa mê “chống Mỹ cứu nước” như trong thời chiến.

Trong phạm vi quốc tế, dân chủ là điều kiện tiền đề trong chính sách đối ngoại nhằm tạo sự tin cậy nơi các nước dân chủ. Phần lớn các nước cựu CS Đông Âu không phải tự nhiên được mời vào NATO nếu không phải là những quốc gia dân chủ và giữ vị trí chiến lược bao quanh Nga. Vị trí chiến lược của mỗi quốc gia tùy thuộc vào tình thế chính trị thế giới trong mỗi thời kỳ.

Ngày nay chẳng ai còn nghe nhắc tới số phận của trên 3 triệu dân Tây Tạng dưới sự cai trị hà khắc của Tập Cận Bình, 11 triệu dân Cuba phải sống không có điện ba giờ mỗi ngày, 7 triệu dân Nicaragua nghèo nhất Nam Mỹ do độc tài Daniel Ortega làm tổng thống và vợ ông ta làm phó tổng thống suốt 28 năm qua. Cu Ba và Nicaragua từng là trong số vài điểm nóng nhất trong thời kỳ Chiến Tranh Lạnh nhưng nay đã rơi vào quên lãng. Việt Nam hiện nay vẫn còn giữ vị trí chiến lược tại Biển Đông nhưng nếu không biết khai thác và vận dụng, một khi xung đột quốc tế mở rộng và các “tình trạng đang hiện hữu” (status quo) thay đổi, Việt Nam có thể không còn giữ vị trí chiến lược nữa vì bị các nước đối đầu với TC xem như nằm hẳn trong vòng đai an ninh sinh tồn của TC như trường hợp Mỹ không nhúng tay vào cuộc nổi dậy Hungary 1957 vì quốc gia này được xem như nằm hẳn trong không gian sinh tồn của LX.

Ngoài ra, dân chủ phải đến sớm, đừng đợi đến khi chiến tranh Á Châu bùng nổ, máu đổ, thây phơi mới đến. Dân chủ là vũ khí giúp Việt Nam có cơ hội thuận lợi để giành lại chủ quyền Hoàng Sa và các phần của Trường Sa đã mất vào tay TC.

CSVN và CSTQ có mối quan hệ hữu cơ về tư tưởng, lý luận và cơ chế chính trị. Dân chủ tại Việt Nam sẽ gây một phản ứng dây chuyền dẫn tới sự lung lay toàn bộ đế quốc TC. Một TC mệnh mông có nguy cơ tan thành nhiều mảnh, chủ quyền ngay tại lục địa còn không giữ được nói chi là chủ quyền trên hai nhóm đảo Hoàng Sa, Trường Sa xa xôi. Giành lại Hoàng Sa, Trường Sa không phải là ảo tưởng.

Một số quan điểm cho rằng vì sự sống còn của cơ chế CS, TC không bao giờ để Việt Nam trở thành một nước dân chủ, và điều này có nghĩa TC sẽ làm mọi cách để bảo vệ đảng CSVN. Quan điểm đó không đúng về cả lý luận lẫn thực tế. Với các cơ chế độc tài, mối lo của giới lãnh đạo không phải là gìn giữ các quyền lợi vùng ngoại biên xa xôi mà là bảo vệ trung tâm quyền lực. Nếu sự can thiệp có thể dẫn tới bất ổn tại trung tâm quyền lực, các chế độ độc tài thường có khuynh hướng nhân nhượng, thỏa hiệp hay bỏ cuộc. Các nước vùng Baltic giành được độc lập và dân chủ tháng 3, 1990, gần hai năm trước khi Liên Xô sụp đổ vào tháng 12, 1991. Mối lo chính của Mikhail Gorbachev khi đó là sự sụp đổ từ trung tâm nên buộc ông ta phải “hy sinh các quyền lợi Liên Xô” ở xa.

Sau gần nửa thế kỷ chịu đựng, nhưng một số người vẫn còn ít nhiều niềm tin nơi giới lãnh đạo CSVN và hy vọng Tô Lâm sẽ nhận ra con đường mà dân tộc phải đi qua để mong đuổi bắt nhân loại. Lịch sử các quốc gia CS kể cả LX cho thấy giới lãnh đạo CS không bao giờ từ bỏ chiếc ghế quyền lực nếu không bị bệnh trầm trọng như Enver Hoxha của Albania hay bị đẩy sát bên bờ vực thẳm như Gorbachev và lãnh đạo các quốc gia CS khác.

Quyền lực là một loại sâu vô cùng độc hại. Một khi loài sâu quyền lực đã ăn vào tận xương tủy rất khó có thể diệt trừ được. Một điểm nhiều người hiểu lầm, Mikhail Gorbachev chưa bao giờ chính thức từ chức Tổng Bí Thư đảng CS. Ngày 25 tháng 12, 1991, Gorbachev chỉ từ chức Chủ tịch Liên Bang Xô Viết. Trong buổi phỏng vấn dành cho báo The Guardian ngày 16 tháng 8, 2011, Mikhail Gorbachev hối tiếc phải chi ông rời đảng CS vào tháng Tư, 1991, để lập một đảng dân chủ cải cách. Điều đó cho thấy các lãnh tụ CS dù Stalin hay Gorbachev đều cố bám vào quyền lực khi còn bám được. (Jonathan Steele, Mikhail Gorbachev: I should have abandoned the Communist party earlier, The Guardian 8-16-2011)

Phân tích tương tự, cuộc đấu tranh vì dân chủ của nhân dân Ba Lan bắt đầu từ đầu thập niên 1970 đến 1981 khi Liên Xô còn chế ngự bởi chủ thuyết Leonid Brezhnev. Tuy nhiên việc can thiệp quân sự vào Ba Lan đã không diễn ra như đã từng diễn ra tại Hungary 1956 hay Tiệp Khắc 1968. Nhiều lý do được đem ra để giải thích nhưng yếu tố chính vẫn là sức mạnh của nhân dân Ba Lan. Ba Lan không phải là Tiệp hay Hung. Phong trào dân chủ Ba Lan mạnh hơn, không sợ hãi và kiên trì kéo dài cuộc đấu tranh suốt hai mươi năm qua nhiều thời kỳ tổng thống Mỹ. Công Đoàn Đoàn Kết (Solidarity) vận dụng mọi biến chuyển và ảnh hưởng quốc tế vào cuộc đấu tranh nhưng không lệ thuộc vào quan điểm của các lãnh đạo nước ngoài. Họ dựa vào nội lực và tinh thần đoàn kết của dân tộc Ba Lan. Cuối cùng như lịch sử thế giới đang chứng minh một cách hùng hồn, nội lực của một dân tộc là vũ khí quyết định số phận của dân tộc đó.

Khi nói đến dân chủ, chúng ta thường phân tích trên lợi tức kinh tế và không đặt nặng các yếu tố văn hóa, giáo dục và phẩm chất của cuộc sống con người. Giá trị đích thực của dân chủ là văn minh và nhân bản. Theo phân tích của tổ chức LivingCost, 50 nước dân chủ, trong đó có Đài Loan, là những nơi người dân có phẩm chất cuộc sống cao. Tương tự, theo nghiên cứu của Tổ Chức Văn Hóa Khoa Học và Giáo Dục Liên Hiệp Quốc (UNESCO), dân chủ và phát triển có quan hệ hỗ tương vì dân chủ giúp cho người dân có cơ hội tham gia một cách sáng tạo và tự do vào sự phát triển đất nước trong mọi lãnh vực.

Đời sống và phẩm chất của cuộc sống cũng giúp gia tăng tuổi thọ của người dân. Theo công trình nghiên cứu 29 quốc gia CS của hai giáo sư Zafar Nazarov tại Purdue University và Anastassia Obydenkova tại Uppsala University, Uppsala, Sweden, tuổi thọ của người dân trong giai đoạn chuyển tiếp (1990–1995) từ CS qua dân chủ đã giảm xuống nhưng sau đó tuổi thọ đã gia tăng một cách đáng kể và tỉ lệ chết trong tuổi sơ sinh đã giảm xuống rất nhiều. (Zafar Nazarov and Anastassia Obydenkova, *Public Health, Democracy, and Transition: Global Evidence and Post-Communism*, Published: 26 September 2021)

## **9. PHƯƠNG PHÁP ĐẤU TRANH CHO DÂN CHỦ TẠI VIỆT NAM**

Khi các điều kiện hội đủ, những người Việt quan tâm đến vận nước có thể xây dựng các tổ chức chính trị công khai đối đầu với bạo quyền CS nhưng khi chưa họ có thể xây dựng các mạng lưới không quá nặng ở trung tâm có khả năng tự tồn tại một cách độc lập. Nếu không tham gia các tổ chức hay mạng lưới, họ cũng có thể tạo nên một mặt trận riêng phù hợp với khả năng, hoàn cảnh hay ngành nghề của mình. Cuộc đấu tranh ngày nay là đấu tranh đa phương và toàn diện.

Trong điều kiện địa chính trị tại Đông Nam Á Châu hiện nay khi nhiều nước nhỏ bị một nước lớn hà hiếp, chủ nghĩa đa phương trở thành một nhu cầu bức thiết và sống còn. Chủ nghĩa đa phương (multilateralism) liên kết của các quốc gia qua hình thức của những tổ chức, những trung tâm, những cơ quan quốc tế, những nhóm liên kết của ba nước hay nhiều hơn. Khác với phương thức đơn phương (unilateralism) hay song phương (bilateralism), phương thức đa phương là cơ hội cho các quốc gia nhỏ có tiếng nói, có quyền hạn và trách nhiệm đối với cộng đồng nhân loại. LHQ hay WTO là những tổ chức đa phương. (James Scott, the Editors of Encyclopaedia Britannica on Multilateralism, Politics, Law & Government International Relations )

Những người có nhiệt tâm thường mơ “đội đá vá trời” nhưng lịch sử nhân loại cho thấy sự chuyển hóa xã hội thường không bắt đầu từ cao xuống thấp mà từ những việc làm nhỏ, trong phạm vi nhỏ của mỗi người, mỗi gia đình, thôn xóm, trường học, quận huyện, thành phố và tiến dần đến phạm vi toàn xã hội.

Không giống các hình thức đấu tranh cách mạng trước đây, cuộc vận động dân chủ ngày nay không chỉ là môi trường dành riêng cho những người ly khai khỏi mọi ràng buộc, dâng hiến trọn vẹn đời mình cho lý tưởng tự do mà là vận hội mới của toàn dân, diễn ra ở mọi nơi, mọi chỗ và mọi người đều có thể tham gia.

Không cần phải là một nhà phân tích chính trị hay một giáo sư kinh tế học, bất cứ ai với những hiểu biết căn bản đều có thể nhận ra rằng ngọn núi đang chắn ngang con đường tiến hóa của dân tộc Việt Nam không có tên nào khác hơn là ngọn núi độc tài, độc đảng. Nói một cách tương tự, ngày nào cơ chế chính trị độc đảng, độc tài, độc quyền như hiện nay tại Việt Nam chưa được thay đổi ngày đó sẽ không có một hướng đi đích thực nào dành cho dân tộc Việt Nam. Và do đó, thái độ chính trị của một người Việt Nam, trước hết, là thái độ chấp nhận hay không chấp nhận cơ chế chính trị độc tài CS hiện nay tại Việt Nam.

Việt Nam sẽ không bao giờ trở thành hưng thịnh như Singapore, Nam Hàn, Đài Loan, Mã Lai hay tương đối ổn định như Nam Dương, Philippines nếu nhân dân Việt Nam không đập vỡ được chiếc vỏ sắt đang siết chặt họ. Các quan sát viên quốc tế biết thế. Đa số người Việt Nam trong và ngoài nước cũng biết thế. Nhưng bắt đầu từ đâu và làm thế nào để tháo gỡ chiếc còng sắt đã ăn sâu vào xương thịt của dân tộc Việt Nam mà khỏi phải chặt bỏ, khỏi phải lóc đi chính da thịt của mình là trách nhiệm khó khăn, nhứt nhối và một thách thức thời đại của những người Việt Nam yêu nước, và cũng chỉ có những người yêu nước bằng một tình yêu trong sáng, bao dung, vượt thoát mới làm được công việc tháo gỡ đó.

Mỗi người Việt, dù phải ở lại trong nhà tù lớn CSVN hay may mắn được thoát ra hải ngoại, ít nhiều đều mang trên lưng những vết hằn của cuộc chiến, những kinh nghiệm hải hùng trong những cuộc hải hành khủng khiếp trên Biển Đông hay những chuyến đi bộ đầy lo sợ qua các bãi mìn biên giới Thái-Miên. Những kinh nghiệm sinh tử và đau đớn đó chi phối cách nhìn, cách suy nghĩ, cách nhận xét của người Việt về mọi phương diện.

Việc thiếu đoàn kết trong cộng đồng người Việt, ngoài kinh nghiệm chiến tranh và vượt thoát, còn phát xuất từ khác biệt về giáo dục và điều kiện trưởng thành. Quá khứ khác nhau, giáo dục khác nhau, kinh nghiệm sống khác nhau nên khó có thể có một cái nhìn về tương lai giống nhau. Cả hai thực tế nêu trên đều có tính khách quan và không tránh khỏi. Do đó, việc xây dựng một lớp người vượt qua được mọi tiêu cực để tập trung vào các mục tiêu chung là một nỗ lực vô cùng khó khăn nhưng đồng thời vô cùng cấp bách.

- **Vượt qua được mọi tiêu cực về đoàn thể, tổ chức, đảng phái, vùng miền, tôn giáo**

Những người Việt quan tâm đến vận nước trong thời điểm lịch sử này là những người vượt qua được mọi tiêu cực, nói một cách cụ thể biết gác qua bên những đau nhức cá nhân, những dị biệt tôn giáo, những quyền lợi đảng phái, những ganh tị vùng miền để tập trung vào một nỗ lực chung là tháo gỡ cơ chế chính trị, kinh tế và văn hóa độc quyền cộng sản và từ đó xây dựng một tương lai tự do, dân chủ và phát triển toàn diện cho dân tộc Việt Nam. Dân chủ cũng không giới hạn trong đời sống con người mà áp dụng với cả thiên nhiên. Các thế hệ Việt Nam mai sau không chỉ lớn lên trong một xã hội tự do nhân bản mà còn trong môi trường sạch, biết chăm nom và bảo vệ hệ sinh thái và tài nguyên.

- **Xác định các mục tiêu ưu tiên cụ thể trong mỗi giai đoạn, trong mỗi thời kỳ**

Mỗi người chúng ta có những quan điểm khác nhau, quá khứ khác nhau nhưng rõ ràng chúng ta có những cái chung rất lớn. Một trong những cái chung đó là làm mọi cách để tập trung sức mạnh vào việc thay đổi cơ chế chính trị CS tại Việt Nam. Và nếu chúng ta đồng ý thì phải gác qua bên những cái khác biệt nhỏ nhất, riêng tư để và hướng tới các mục tiêu ưu tiên cụ thể. Ba Lan hiện nay có 19 đảng chính trị có đại diện trong quốc hội và 59 đảng chính trị không có đại diện nhưng vào giai đoạn của Công Đoàn Đoàn Kết (Solidarity) lần thứ hai (1988-1989) hầu hết các thành phần dân chúng quan tâm đến tương lai Ba Lan đều tập trung sau lưng một phong trào duy nhất là Công Đoàn Đoàn Kết. Nhờ vậy mà họ thắng được CS. Chúng ta cũng không thể mong có được một môi trường đấu tranh lành mạnh chỉ toàn là những điều tích cực. Nhưng thay vì dành thời gian vốn ít ỏi của mình để chống những hiện tượng tiêu cực, hãy tập trung vào các điểm tích cực, các đề án tích cực có lợi cho đất nước Việt Nam. Chúng ta cũng không thể làm tất cả công việc hay có thể trả lời tất cả câu hỏi mà mọi người cần được trả lời. Mỗi thế hệ Việt Nam có trách nhiệm phải hoàn thành. Chúng ta không nên lãng phí thời gian để bàn những vấn đề chỉ có thể giải quyết được sau khi chế độ CS sụp đổ.

Thế hệ Việt Nam hôm nay, có người đang ở trong tù, có người đang tranh đấu ngoài tù, có người đang dấn thân ở hải ngoại. Mỗi người, tùy theo khả năng và hoàn cảnh để đóng góp phần mình. Không có việc nào lớn hay việc nào nhỏ, mọi việc đều là phần của công cuộc phục hưng và thăng tiến Việt Nam. Chúng ta không có Nelson Mandela, không có Andrei Sakharov, không có những “minh quân” để dẫn dắt, chẳng lẽ ngồi đó chờ họ đến. Chúng ta vẫn có thể tự đặt ra cho mình những nguyên tắc chỉ đạo và hoạt động chung quanh các nguyên tắc đó.

- **Thái độ chính trị dứt khoát, không thỏa hiệp**

Thái độ chính trị dứt khoát và cương quyết bám lấy những mục tiêu cụ thể mới thắng được bộ máy cai trị CS được tổ chức tinh vi với hàng ngũ cán bộ đầy kinh nghiệm sau nhiều chục năm cầm quyền. Tiến sĩ Sakharov hợp tác với những người đang chống lại Gorbachev để thành lập một liên minh đối lập. Những người này có quá khứ, nghề nghiệp, tham vọng và cá tính rất khác nhau. Yuri Afanasyev là nhà nghiên cứu sử, Boris Yeltsin là cựu đảng viên CS cao cấp, Viktor Palm là học giả người Estonia và Andrei Sakharov là nhà vật lý nguyên tử. Họ lãnh đạo khối chống độc tài CS gồm 566 đại biểu còn khá ô hợp trong Đại hội Đại biểu Nhân dân Nga vừa được bầu 1988. Mục tiêu duy nhất của nhóm năm người này là giới hạn sự độc quyền lãnh đạo đất nước của đảng CS Liên Xô, cụ thể là xóa bỏ điều sáu hiến pháp, tương tự như điều bốn trong hiến pháp CSVN.

Sau đó nhóm lãnh đạo cánh đối lập với đảng CS có thể lập đảng chính trị riêng và thậm chí chống nhau nhưng trong thời điểm 1988, họ rất đoàn kết và biết một cách chính xác thứ tự của các ưu tiên cần phải hoàn thành. Tiếc thay bệnh tim đã cướp đi của phong trào dân chủ Nga một lãnh tụ tài đức vẹn toàn. Nhà vật lý nguyên tử và nhà tranh đấu cho quyền làm người Andrei D. Sakharov qua đời tối ngày 14 tháng 12, 1989 thọ 68 tuổi. Andrei D. Sakharov ra đi nhưng để lại cho các phong trào dân chủ tại các nước độc tài nhiều bài học lớn trong đó gồm (1) đoàn kết qua hành động, (2) có thái độ chính trị dứt khoát, không thỏa hiệp (3) có mục đích đấu tranh cụ thể và (4) theo đuổi lý tưởng phục vụ con người.

Người Việt yêu nước không có những tên tuổi lớn như tiến sĩ Andrei D. Sakharov nhưng vẫn có được những chọn lựa sống như ông. Họ có thể đang sống trong nước hay tại hải ngoại; có thể đang đấu tranh trực diện với chế độ hay vận động trong âm thầm, kín đáo; họ có thể đã từng chịu đựng hàng chục năm lao lung, cực khổ trong nhà tù Cộng Sản và cũng có thể là những đảng viên Cộng Sản đã nhận ra con đường sai trái mà họ vừa đi qua; họ có thể là những giáo sư đại học đang giảng dạy tại các đại học và cũng có thể là những trí thức Việt Nam mang quốc tịch Anh, Mỹ, Pháp đang sẵn lòng cứu giúp quê cha đất tổ; họ có thể là những nông dân lam lũ trên cánh đồng khô cháy ở Nghệ An, Hà Tĩnh và cũng có thể là những công nhân đang đổ mồ hôi trong nhà máy dệt ở khu công nghiệp Biên Hòa; họ là những thanh niên, sinh viên mang thao thức thời đại đi vào xã hội Việt Nam đầy bất công sai trái và cũng có thể là những sinh viên gốc Việt sinh ra ở hải ngoại đang mơ ước làm một điều gì tốt đẹp cho quê hương.

Bài học Andrei D. Sakharov cũng cho chúng ta thấy, những người Việt quan tâm đến vận nước không chỉ là những người đang công khai chống đảng, những người đứng ngoài cơ chế lãnh đạo, những người không Cộng Sản mà là bất cứ ai nhận thức được dã tâm của chủ nghĩa bành trướng TC, sai lầm mang tính bản chất trong cơ chế độc tài đang thống trị Việt Nam và chọn lựa dứt khoát đứng về phía dân tộc. Thấy được con đường dân tộc phải đi và dâng hiến tình yêu cho đất nước không bao giờ quá trễ.

Chọn lựa của thời đại ngày nay không chỉ là chọn lựa giữa dân chủ hay độc tài thôi mà quan trọng hơn thế nữa, là mất hay còn, tồn tại hay diệt vong của một dân tộc. Chúng ta có nhiều quá khứ nhưng đất nước chỉ có một tương lai, đó là tương lai tự do, dân chủ, nhân bản và thịnh vượng cho dân tộc Việt Nam.

# Đồng phục báo chí: Tin tức rập khuôn, dân chịu thiệt

Nguyễn Hà Hùng

“Trước đây, mỗi sáng về nhà sau khi đi bộ là tôi pha trà, rồi bật VTV1”, anh Cường\* ở Hà Nội kể. Nhưng anh nói mình không còn xem VTV nữa và đã bỏ thói quen này vì tin tức “báo nào, đài nào cũng giống nhau y chang!”

Khác với không khí báo chí trong nước, cô Diễm, sống ở California chia sẻ: “Ở đây, cùng một sự kiện, nhưng tường thuật của giới truyền thông luôn luôn khác nhau. Chỉ ít là CNN và Fox News là hai tờ báo có cách nhìn khác biệt nhau, thậm chí đối lập ấy chứ.”

Giống nhau từ trung ương xuống địa phương. Sự đoàn kết chung chí hướng của “báo chí cách mạng Việt Nam”, được họ nói là đã có truyền thống 100 năm “một chặng đường vinh quang”. Tại sao có tình trạng đồng phục thông tin như vậy?

Từ sự kiện đến tin tức

Lỗi đưa tin của báo chí Việt Nam về hành giả Minh Tuệ là một bằng chứng về sự đồng nhất, không những về nội dung, mà còn về quy trình làm báo. Họ đều dẫn nguồn Ban Tôn giáo Chính phủ và xuất bản sau khi ban này ra [thông cáo](#).

Để có sự thống nhất nội dung từ một nguồn này, chỉ có ba khả năng sau khi có quyết định của Ban Tôn giáo Chính phủ: Một là cơ quan này gửi quyết định đến toàn bộ hệ thống báo chí; Hai là, từng báo, đài đến nhận quyết định. Ba là áp dụng cả hai cách song song.

Ngoài thông điệp chính mà các báo nêu bật: Minh Tuệ [không phải là tu sĩ](#), những người đi theo ông là [cuồng tín](#)... Quá trình làm tin nêu trên như khuôn đúc — phổ biến quyết định và thông cáo của chính phủ.

Đây là cách làm báo không thể chấp nhận được ở những quốc gia phát triển, báo chí tự do. Ngay cả Thái Lan, dù là một quốc gia quân chủ, truyền thông nước này cũng thường xuyên đưa tin nhiều chiều.

Hồi giữa năm nay, [báo chí Thái](#) đã phanh phui một vụ tổng tiền các sư sãi với số tiền lên tới 11 triệu Baht. Sự tức giận của công chúng, dẫn đến các cuộc điều tra về tài chính ở các chùa chiền, nhiều cao tăng bị tước bỏ danh hiệu.

Ngược lại, báo chí quốc doanh Việt Nam, không đưa tin trái chiều, thậm chí không có dòng tin nào về những sự kiện mà chính quyền không muốn. Chẳng hạn họ hoàn toàn im lặng trong nhiều giai đoạn về hành giả Minh Tuệ, vụ cờ lờ mờ vờ, hoặc vụ Tô Lâm bò đất vàng.

Ai làm chủ tin tức?

“Tôi không hiểu sao mỗi khi có chuyện gì đó ồn ào. Thì ngay sau khi chính quyền nói sẽ thi hành chính sách hạn chế xe xăng chẳng hạn, thì báo đài thường nói là “đồng loạt ra quân”. Ai có thể xua các ông ấy đồng loạt như thế?”- anh Cường nói.

Đài Truyền hình Việt Nam (VTV), Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV) thuộc Chính phủ; Báo Nhân Dân thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam; các báo địa phương thuộc UBND tỉnh, thành phố, công khai trên các trang của họ.

Để quản lý một bộ máy báo chí lên tới [hàng chục ngàn](#) nhân viên, chính quyền sử dụng ngân sách nhà nước, tức là tiền thuế của dân, để cấp cho hệ thống báo chí. [Theo TTXVN](#), riêng năm 2023, ngân sách chi cho hệ thống này 7.800 tỷ.

Không những cấp tiền, nhà nước còn cấp đất cho các báo, đài trong nước làm trụ sở và nhà ở cho nhân viên. Bằng chứng về những khu nhà ở tập thể của các tờ báo này độc giả có thể tìm [ở đây](#), hoặc ở [đây](#).

Chính quyền giữ được sự “đoàn kết” của các “nhà báo quốc doanh”, ít nhất trên bề mặt, vì [họ trả lương](#) cho “đội quân” này. Chính quyền cũng là người đóng tiền bảo hiểm, phụ cấp... Họ cũng chính là người ra quyết định [tuyển dụng hay sa thải](#) người làm báo.

Vì phụ thuộc vào chính quyền, ngoài nội dung giải trí “vô thưởng, vô phạt”, báo chí Việt Nam không thu hút khán giả vào những “vụ việc nhạy cảm”. Vì vậy, tuy có rất nhiều nhà báo, nhà đài, đăng tải rất nhiều, nhưng lại thiếu thông tin đa chiều.

Cuộc “tinh giản” bộ máy truyền thông gần đây cũng [nhằm](#) “giúp báo chí phát huy tốt hơn vai trò định hướng dư luận, bảo vệ an ninh thông tin”. Nghĩa là củng cố sự trung thành của báo chí với lợi ích của chế độ.

Để đảm bảo sự phụ thuộc vào chính quyền, ngoài việc phân bổ ngân sách, họ giữ quyền cấp, hoặc thu hồi [giấy phép hoạt động báo chí](#) và thẻ nhà báo. Mọi manh nha xuất bản những tiếng nói khác biệt đều bị [chính quyền](#) ngăn chặn.

Nếu không được chính phủ Việt Nam cho phép, không có tờ báo, đài truyền hình hay truyền thanh nào được hoạt động. Truyền thông quốc tế muốn hoạt động tại Việt Nam cũng không phải ngoại lệ, như BBC, VOA hay RFA.

Cô Diễm, người có tới 50 năm sống tại Hoa Kỳ nói: “Báo chí Việt Nam hoàn toàn xa lạ với báo chí tự do ở phương Tây. Ý tôi là họ loan truyền thông tin có lợi cho họ. Nếu vụ chuyển xe xăng sang xe điện mà ở California này thì báo chí họ làm ầm lên rồi”.

Thực vậy, tại Mỹ, mô hình nhiều chủ sở hữu các báo đài ở đây cho phép CNN thuộc về Warner Bros., Fox News thuộc về Fox Corp. Tương tự, ở Đức có cả đài công là ARD, ZDF và đài tư RTL, ProSieben...

Vì đa dạng sở hữu nên báo chí ở những nơi này không phải phục vụ một ông chủ duy nhất như Việt Nam. Do đó họ phản ánh nhiều quan điểm khác nhau, thậm chí đối nghịch. Độc giả vì thế học hỏi được kiến thức, nắm được thông tin, giúp họ quyết định đúng.

Tin tức giống nhau có hại ra sao?

Nông dân trồng sầu riêng đã bị thua thiệt nhiều vụ, vì [thiếu thông tin](#), hoặc thông tin [quá lạc quan](#). Vụ [2025](#), hàng ngàn xe sầu riêng không qua được cửa khẩu với lý do được nêu là nhiễm kim loại nặng. Vụ [2021](#), nông sản bị ách lại tại cửa khẩu với lý do dịch bệnh.

Dù có đàm phán giữa viên chức Việt Nam và Trung Quốc, hàng hóa là trái cây tươi, không thể nằm chờ kết quả thương lượng, phải bán tống bán tháo, hoặc bỏ đi, dân chịu thiệt. Nếu báo chí luôn cảnh báo rủi ro từ trước, thiệt hại của bà con có thể đã không xảy ra.

Để dân có quyết định đúng đắn: Nuôi, trồng, sản xuất hay kinh doanh loại hàng hóa nào, số lượng bao nhiêu? Mức giá? Thời điểm tiến hành và kết thúc? Bà con cần thông tin nhiều chiều, đặc biệt là những ý kiến phản biện, kịp thời và không hạn chế.

Báo chí Việt Nam chỉ cạnh tranh sự chú ý của khán giả ở những chủ đề có tính chất giải trí, vụ việc nhỏ. Do vậy, họ không đăng tải ý kiến trái chiều về những vấn đề “nhạy cảm” như giá xăng, điện, nước, hay các dự luật, chính sách ảnh hưởng đến quyền lợi của dân.

Nếu báo chí Việt Nam chỉ thờ một chủ — Đảng Cộng Sản Việt Nam, thì tình trạng báo chí mặc đồng phục, không phục vụ độc giả còn tác hại lâu dài, đặc biệt với con em họ. Vì vậy, dân có quyền yêu cầu chính quyền chấm dứt trả lương cho các “nhà báo cách mạng”.

*Chú thích: \*Tên đã thay đổi theo yêu cầu của người được phỏng vấn.*

# Đấu tranh dân chủ ôn hoà và tình trạng của người tù

Lê Anh Hùng

## Phần 1: Đấu tranh dân chủ ôn hoà và nhân văn, vì sao?

Trong một xã hội thiếu dân chủ, cuộc sống của những người dân thường bị chi phối bởi một hệ thống quyền lực tập trung, độc đoán và khép kín. Họ dĩ nhiên là nạn nhân của hệ thống quyền lực bất công đó.

Song có một điều mà ít ai để ý là: không chỉ người dân bình thường – những người bị cai trị – mà ngay cả tầng lớp cầm quyền cũng là nạn nhân của chính hệ thống quyền lực ấy. Đây là điều tưởng như phi lý, nhưng thực ra lại không khó lý giải.

Trong một hệ thống phi dân chủ, những kẻ nắm giữ quyền lực buộc phải đánh đổi nhiều thứ quý giá: tự do cá nhân, lương tri, đạo đức, thậm chí là cả nhân tính, để có thể bước vào và duy trì vị trí của mình trong guồng máy cai trị. Một khi đã dấn thân vào con đường quyền lực, họ có thể dần dần bị quyền lực nhào nặn thành những con người khác hẳn – lạnh lùng, vô cảm, đầy tính toán, thậm chí bị quyền lực lưu manh hoá – và không còn là chính mình nữa.

Từ góc nhìn đó, đấu tranh dân chủ không chỉ là một hành trình giành lại công lý, tự do và phẩm giá cho những người bị trị, mà nó còn là một nỗ lực nhằm thức tỉnh, giải thoát cả những người đang cai trị – những kẻ đang bị quyền lực tha hoá – ra khỏi vị thế phi nhân mà bản thân họ không hẳn là mong muốn, không lường trước khi bắt đầu bước chân vào con đường chính trị, hoặc đơn giản là không còn lựa chọn nào khác.

Nếu nhận thức như vậy, chúng ta sẽ thấy rõ: đấu tranh vì tự do, dân chủ và nhân quyền là hành động vì con người – vì tất cả mọi chúng sinh – chứ không phải là cuộc đối đầu một mất một còn giữa cái thiện và cái ác, giữa “chúng ta” và “chúng nó”.

Chính vì thế, con đường đấu tranh ôn hoà và nhân văn là con đường đúng đắn và bền vững nhất. Sự cực đoan, hận thù, bạo lực không thể là chất liệu để xây dựng nên một xã hội dân chủ thật sự, mà chỉ tái tạo vòng luẩn quẩn của bạo lực, bởi bạo lực sẽ lại sinh ra bạo lực. Một khi những người đấu tranh mang trong mình nỗi căm hận, họ rất dễ sa vào chính lối mòn của những gì mà họ đang

lên án. Ngược lại, nếu giữ được tinh thần nhân văn, cảm thông và tỉnh thức, họ có thể làm lay động lương tri con người – kể cả lương tri của chính những kẻ vẫn đang ngày đêm bị quyền lực cùng những lợi ích của nó làm cho mờ mắt.

Lịch sử thế giới đã từng chứng kiến những phong trào dân chủ thành công bằng tinh thần bất bạo động, lấy lòng kiên nhẫn và nhân hậu làm sức mạnh – như cuộc đấu tranh của Mahatma Gandhi ở Ấn Độ, hay phong trào dân quyền do Martin Luther King Jr. lãnh đạo tại Hoa Kỳ. Họ không chỉ thay đổi thể chế, mà còn thức tỉnh đạo đức của toàn xã hội.

Cuối cùng, mục tiêu của cuộc đấu tranh vì tự do, dân chủ và nhân quyền không phải là để tiêu diệt kẻ thù, mà là để xoá bỏ bất công, bảo vệ phẩm giá con người, và thiết lập nên một nền dân chủ - tự do (liberal democracy) mà ở đó, những giá trị tự do – dân chủ – nhân văn sẽ là kim chỉ nam dẫn dắt xã hội phát triển lành mạnh và bền vững, và ở đó, tất cả mọi người, cả người bị trị lẫn những người từng cai trị trước kia, đều có thể chung sống với nhau, đều bình đẳng trước pháp luật và đặc biệt là đều có thể phát huy được hết những phẩm chất tinh túy nhất của mình.

Đó là những lý do vì sao, công cuộc đấu tranh vì tự do, dân chủ và nhân quyền cần được thực hiện bằng tinh thần ôn hoà và nhân văn – không phải vì chúng ta yếu đuối, mà vì chúng ta tin vào những giá trị phổ quát và trường tồn của con người.

## **Phần 2: Tình trạng ngược đãi tù nhân trong các cơ sở giam giữ ở Việt Nam**

Tình trạng vi phạm nhân quyền, ngược đãi tù nhân trong các cơ sở giam giữ tại Việt Nam từ lâu đã là một vấn đề gây lo ngại cho nhiều tổ chức nhân quyền quốc tế cũng như giới quan sát trong nước. Bản chất khép kín của hệ thống quản lý nhà tù, cùng với việc thiếu các cơ chế giám sát độc lập và hiệu quả, thường tạo môi trường thuận lợi cho sự lạm quyền và che giấu những sai phạm diễn ra bên trong.

Mới đây, việc tù nhân lương tâm Trịnh Bá Phương bị Trại giam An Điền (Đà Nẵng) vu cho là tác giả của một tấm biểu ngữ không do anh viết ra (để rồi vì thế mà anh bị Toà án Nhân dân Đà Nẵng “tặng” thêm bản án 11 năm tù), hay việc Trại giam số 6 (Nghệ An) cho tù nhân ăn gạo mốc (để rồi người báo thông tin ra bên ngoài bị trại biệt giam) lại một lần nữa gióng lên hồi chuông báo động về tình trạng lạm dụng quyền lực hay sự xuống cấp của đạo đức công vụ trong hệ thống nhà tù ở Việt Nam.

## **1. Trại giam/trại tạm giam: những “vương quốc riêng” xa trung tâm**

Một đặc điểm đáng chú ý của phần lớn các trại giam, trại tạm giam ở Việt Nam là vị trí địa lý hẻo lánh, xa khu dân cư và cách biệt khỏi sự quan sát của công chúng, đặc biệt là các trại giam. Khi một cơ sở giam giữ nằm ở những vùng xa xôi như vậy, khả năng tiếp cận thông tin, kiểm chứng độc lập hay can thiệp từ bên ngoài trở nên hạn chế.

Điều này càng nghiêm trọng hơn khi cơ chế giám sát đối với các trại giam/trại tạm giam hiện nay là rất lỏng lẻo. Về mặt lý thuyết, Viện Kiểm sát Nhân dân có nhiệm vụ kiểm sát hoạt động giam giữ. Tuy nhiên, thực tế cho thấy quyền lực và ảnh hưởng của Viện Kiểm sát không đủ mạnh để kiểm soát hệ thống trại giam vốn thuộc quyền quản lý trực tiếp của lực lượng Công an.

Ở Việt Nam quyền lực của ngành Công an lớn hơn hẳn so với quyền lực của ngành Kiểm sát. Sự chênh lệch quyền lực này khiến việc kiểm sát nhiều khi chỉ mang tính hình thức, không đủ để đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Trong Bộ Công an cũng có cơ quan giám sát nội bộ riêng – đó là Thanh tra Bộ Công an. Tuy nhiên, giống như tất cả các cơ quan thanh tra nội bộ của các cơ quan bộ ngành khác, hiệu quả của Thanh tra Bộ Công an trong việc giám sát và kiểm soát quyền lực nội bộ cũng hạn chế.

Hệ quả là mỗi trại giam, trại tạm giam vận hành gần như một “vương quốc riêng”, nơi quyền lực tập trung trong tay ban quản giáo và thiếu sự giám sát thích đáng từ bên ngoài.

## **2. Quyền lực tha hoá khi thiếu sự giám sát**

Các cán bộ quản giáo được trao quyền lực rất lớn đối với phạm nhân: từ việc bố trí chỗ nằm, chỗ ở, phân công lao động, xét giảm án, đến việc xử lý kỷ luật hay cho phép gặp thân nhân. Trong khi đó, các cơ chế kiểm soát quyền lực gần như không tồn tại hoặc hoạt động kém hiệu quả.

Trong bối cảnh như vậy, quyền lực rất dễ tha hoá những người được giao phó quyền lực. Những người mới vào nghề, cho dù không có tâm địa xấu, cũng dễ bị cuốn vào môi trường vốn tồn tại nhiều chuẩn mực lệch lạc, dẫn đến hành vi lạm quyền, tham nhũng vặt, hoặc đối xử tàn tệ với người bị giam giữ.

Hiện tượng “làm ăn trên thân xác phạm nhân” – chẳng hạn, thông qua việc ép buộc lao động nặng nhọc, yêu cầu đóng tiền để được đối xử tốt hơn, những nhiễu, thậm chí dùng tù nhân hành hạ tù nhân “cho ra tiền” mới thôi — đã trở thành những thực tế âm thầm nhưng phổ biến.

Sự thiếu minh bạch khiến những hành vi này rất khó bị phát hiện và xử lý. Tù nhân, vốn là nhóm yếu thế nhất trong hệ thống, hầu như không có khả năng khiếu nại hay tố cáo mà không sợ bị trả thù. Các tù nhân chính trị, tù nhân lương tâm là những người thường lên tiếng đấu tranh chống lại những hành vi sai trái của quản giáo, nên họ hay bị trả thù dưới chiêu bài “kỷ luật”.

### **3. Vì sao cần cải cách căn bản hệ thống quản lý trại giam**

Một thực tế mà ai cũng dễ nhận thấy là mức độ hà khắc không chỉ khác nhau giữa các cơ sở giam giữ, mà còn khác nhau giữa các phân trại trong từng trại giam/tạm giam. Chẳng hạn, thời gian tôi ở Trại giam Nam Hà (20/12/2022 – 5/7/2023) thì phân trại 1 lại “dễ thở” hơn phân trại 2, nơi tôi bị giam giữ. Ở đây, cán bộ quản giáo thích thì cho tù nhân nhận quà thăm nuôi, không thích thì thôi, không ai làm gì được họ.

Điều này cho thấy Bộ Công an không chủ trương ngược đãi tù nhân, mà hiện tượng tù nhân bị ngược đãi là do xã hội thiếu sự giám sát đối với các cơ sở giam giữ. Hậu quả là hệ thống chính trị nói chung và Bộ Công an nói riêng phải mang tiếng xấu vì tình trạng vi phạm nhân quyền trong các trại giam/tạm giam, khiến pháp luật mất đi tính nghiêm minh, đạo đức xã hội bị xói mòn.

Trong khi đó, các cán bộ quản giáo, những người vốn có đạo đức trong sáng và ôn áp trong mình những hoài bão cao đẹp trước khi bước vào nghề quản giáo, lại bị hệ thống tha hoá, biến thành những kẻ bất lương, ngày đêm nghĩ cách làm tiền trên thân xác phạm nhân.

Những vấn đề nêu trên không đơn thuần là sai phạm cá nhân, mà phản ánh bất cập mang tính hệ thống. Điều cốt lõi nằm ở việc lực lượng Công an – cơ quan khởi tố, bắt giữ và điều tra – đồng thời cũng là cơ quan quản lý hệ thống trại giam/tạm giam. Hiện tượng “vừa đá bóng vừa thổi còi” này tạo ra sự xung đột lợi ích và làm suy yếu nghiêm trọng tính độc lập, khách quan trong quá trình giam giữ.

Trên thế giới, thông lệ phổ biến là giao hệ thống trại giam cho Bộ Tư pháp hoặc cơ quan dân sự độc lập quản lý. Mục tiêu là bảo đảm nguyên tắc tách biệt giữa khâu điều tra – xét xử – giam giữ, tránh việc tập trung quá nhiều quyền lực vào một cơ quan duy nhất.

Việc chuyển giao quyền quản lý trại giam/tạm giam từ Bộ Công an sang Bộ Tư pháp tại Việt Nam sẽ đem lại một số lợi ích quan trọng:

- Tăng cường tính minh bạch và giám sát độc lập.
- Giảm nguy cơ lạm quyền, bạo lực, và ngược đãi trong trại giam.
- Tạo môi trường giam giữ nhân đạo hơn, phù hợp chuẩn mực quốc tế.
- Cải thiện uy tín quốc gia về nhân quyền.

Đây là bước cải cách quan trọng để đảm bảo quyền con người cho những người bị tước tự do – một nhóm đối tượng dễ bị tổn thương nhất và thường bị gạt ra ngoài sự chú ý của xã hội.

#### **4. Kết luận**

Tình trạng vi phạm nhân quyền, ngược đãi tù nhân trong các trại giam ở Việt Nam không phải là vấn đề nhất thời, mà là hệ quả của cấu trúc hệ thống thiếu minh bạch và thiếu giám sát. Khi các trại giam/tạm giam vận hành như những “lãnh địa khép kín”, khi cán bộ quản giáo nắm trong tay quyền lực lớn mà thiếu sự kiểm soát thích đáng thì hiện tượng tha hoá và lạm quyền là kết cục khó tránh khỏi.

Vì vậy, cải cách cơ chế quản lý trại giam – đặc biệt là chuyển giao cho Bộ Tư pháp theo thông lệ quốc tế – là một bước đi cần thiết và cấp thiết nhằm cải thiện hệ thống tư pháp Việt Nam, ngăn chặn sự tha hoá của quyền lực, bảo vệ sự nghiêm minh của pháp luật, quyền con người, cũng như đạo đức và trật tự xã hội.

# Tô Lâm và chọn lựa lịch sử

Vũ Đức Khanh

## Phần 1: Lựa chọn lịch sử: Cải cách thật hay chỉ là cải lương để bảo vệ Đảng

Ngày 3/8/2024, Tô Lâm chính thức trở thành Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam sau một chuỗi biến động quyền lực chưa từng có kể từ thời Lê Duẩn. Là một tướng công an, ông bước lên đỉnh cao quyền lực không phải từ một nền tảng tư tưởng vững chắc hay một học thuyết cải cách kinh tế – chính trị, mà từ một hệ thống kiểm soát chính trị–an ninh tinh vi, trung thành với ý chí kiểm soát tuyệt đối của Đảng.

Tuy nhiên, thời thế đang đặt ông vào một lựa chọn lịch sử: hoặc thực hiện một cuộc cải cách thực chất để đưa Việt Nam vào quỹ đạo hiện đại hóa dân chủ – hoặc tiếp tục con đường bảo thủ, duy trì sự cai trị độc quyền của Đảng, và rồi trượt dài trong khủng hoảng thể chế.

### 1. Vì sao Tô Lâm không thể tiếp tục “giữ nguyên hiện trạng”?

Từ Đại hội XIII, Việt Nam lún sâu vào một cuộc khủng hoảng lãnh đạo và niềm tin. Quyền lực cá nhân hoá, sự thanh trừng nội bộ theo mô thức “chống tham nhũng có chọn lọc” đã phá vỡ tính thể chế của Đảng. Không ai còn tin vào sự tự diễn biến lành mạnh bên trong nội bộ nữa.

Tô Lâm lên thay Nguyễn Phú Trọng không chỉ để duy trì di sản, mà còn để giải quyết một bài toán hóc búa: Làm sao để Đảng vẫn “lãnh đạo toàn diện” nhưng tránh sụp đổ niềm tin của nhân dân và sự cô lập từ quốc tế?

Câu trả lời không nằm ở các khẩu hiệu đạo đức mòn cũ, mà ở khả năng đưa ra một lộ trình cải cách thực chất, can đảm và chiến lược.

### 2. Cải cách nửa vời là con đường diệt vong

Mọi cuộc cải cách nửa vời đều dẫn đến hai nguy cơ: (1) gây bất ổn nội bộ vì phá vỡ thể cân bằng quyền lực cũ mà không tạo lập được cấu trúc mới; và (2) không đủ sâu để thuyết phục người dân, các tầng lớp trí thức và cộng đồng quốc tế rằng Việt Nam đang tiến tới dân chủ hoá một cách nghiêm túc.

Diễn hình là mô hình “trị quốc bằng an ninh trị” của ông Tô Lâm có thể tạo ra ổn định ngắn hạn, nhưng không thể giải quyết những vấn đề cốt lõi: thiếu lòng tin vào thể chế, bất bình đẳng trong tiếp cận quyền lực và cơ hội, tụt hậu giáo dục và đổi mới sáng tạo, cũng như nguy cơ bị cô lập trong một trật tự quốc tế đang tái cấu trúc theo hướng dân chủ và pháp quyền.

Vì vậy, để tránh số phận như các chế độ toàn trị khác đã từng sụp đổ, ông Tô Lâm cần một lựa chọn khác – một lộ trình cải cách thực chất và kiểm soát được.

### **3. LỘ TRÌNH CẢI CÁCH THỰC CHẤT CHO VIỆT NAM DƯỚI THỜI TÔ LÂM**

**Cải cách thể chế quyền lực:** Thiết lập cơ chế phân quyền – kiểm soát – minh bạch.

Tô Lâm có thể khởi đầu bằng một đạo luật mới về tổ chức quyền lực nhà nước, tách biệt các chức năng lập pháp – hành pháp – tư pháp, trao quyền giám sát thực chất cho Quốc hội, đồng thời kiến tạo vai trò độc lập thực sự của toà án và viện kiểm sát.

Một hệ thống quyền lực biết kiểm soát và bị kiểm soát là tiền đề cho mọi nền dân chủ hiện đại.

#### **Tự do báo chí và xã hội dân sự: Khai mở không gian phản biện công khai và hợp hiến**

Thay vì duy trì mô hình “quản lý bằng công an tư tưởng”, Việt Nam cần luật hoá quyền tự do biểu đạt, cho phép báo chí tư nhân hoạt động, và công nhận vai trò hợp pháp của các tổ chức xã hội dân sự độc lập.

Nếu không có phản biện xã hội, mọi quyết sách đều bị dẫn dắt bởi vòng lặp của tuyên truyền và sợ hãi.

#### **Công khai tài sản và minh bạch hoá bổ nhiệm cán bộ**

Không ai tin vào chống tham nhũng nếu giới tinh hoa vẫn “giàu không rõ lý do”. Việt Nam cần xây dựng cơ chế công khai tài sản lãnh đạo và người thân, thiết lập các chuẩn mực về xung đột lợi ích, và chọn lọc cán bộ bằng tiêu chí năng lực – uy tín chứ không phải dòng tộc, vùng miền hay phe nhóm.

Bổ nhiệm minh bạch không chỉ là đạo đức chính trị, mà là yêu cầu để tránh tan rã từ bên trong.

#### **Cải cách giáo dục: Chuyển từ đào tạo thần dân sang công dân**

Hệ thống giáo dục hiện nay của Việt Nam đào tạo ra những “người học thuộc lòng” chứ không phải công dân sáng tạo. Một cuộc cải cách giáo dục toàn diện phải đưa triết lý khai phóng, nhân quyền và pháp quyền vào chương trình, khuyến khích tư duy phản biện, tôn trọng khác biệt, và thúc đẩy năng lực lãnh đạo thế hệ mới.

Một quốc gia không thể hiện đại nếu thanh niên không được tự do tư duy và tranh luận.

### **Tiến tới cạnh tranh chính trị có kiểm soát**

Cải cách cuối cùng nhưng then chốt nhất là mở đường cho một hệ thống chính trị có cạnh tranh lành mạnh. Trước mắt, Việt Nam có thể cho phép thành lập các đảng phái độc lập trong khuôn khổ hiến pháp sửa đổi, thí điểm bầu cử tự do ở cấp địa phương và quốc hội.

Không có cạnh tranh, không có tiến hoá. Không có áp lực phản biện, quyền lực sẽ tha hoá.

### **4. Tô Lâm: Nhà cải cách bất đắc dĩ hay người bảo vệ thể chế đến cùng?**

Không ai nghi ngờ rằng ông Tô Lâm là một người thông minh, thực dụng và có bản lĩnh tổ chức. Nhưng lịch sử không ghi nhớ những người chỉ biết bảo vệ cái cũ. Lịch sử chỉ ghi danh những ai dám vượt lên chính mình, biết chuyển hoá quyền lực thành một năng lượng cải cách để đưa đất nước thoát khỏi mê lộ.

Nếu ông tiếp tục duy trì hệ thống an ninh trị như một phương thức trị quốc lâu dài, thì Việt Nam sẽ dậm chân tại chỗ, tụt hậu trước làn sóng công nghệ – trí tuệ – dân chủ đang cuốn trào trên toàn cầu.

Nếu ông chọn con đường cải cách thực chất như đề xuất ở trên – có thể ông sẽ đối mặt với phản kháng từ nội bộ bảo thủ, nhưng sẽ đi vào lịch sử như một nhà lãnh đạo biết đặt lợi ích dân tộc lên trên quyền lực phe nhóm.

### **5. Cơ hội cuối cùng cho một cuộc “đổi mới lần hai”?**

Việt Nam đang đứng trước một thời điểm bản lề, tương tự như năm 1986. Nhưng lần này, đổi mới không chỉ là đổi mới kinh tế, mà phải là đổi mới toàn diện về tư duy chính trị và thiết kế thể chế.

Tô Lâm đang nắm giữ cả quyền lực và thời cơ. Nhưng lịch sử không đợi ai quá lâu. Nếu không hành động kịp thời và đúng hướng, không những ông đánh mất cơ hội đi vào lịch sử, mà còn để lại một di sản của sự sợ hãi, phản dân chủ và trì trệ kéo dài.

Chỉ có cải cách thật – chứ không phải cải lương – mới cứu được Việt Nam, và cả chính ông.

## **Phần 2: Một Việt Nam Hiện Đại: Khi Tự Do Là Điều Kiện Cần, Dân Chủ Là Điều Kiện Đủ**

Lịch sử không phải là định mệnh, nhưng nếu một dân tộc không chủ động tư duy về tương lai của chính mình, thì lịch sử sẽ quay lại như một vết lặp nguy hiểm.

Việt Nam đang đứng trước ngã ba của thế kỷ XXI – nơi không chỉ cần một chiến lược kinh tế đúng, mà hơn hết, là một mô hình thể chế dung hòa giữa giá trị truyền thống và tinh thần hiện đại, giữa trí tuệ phương Đông và chuẩn mực phương Tây, giữa pháp trị và nhân trị.

### **1. Cái gọi là “đặc thù Việt Nam” không thể là lý do để trì hoãn tự do và dân chủ**

Việt Nam là một trong những xã hội hiếm hoi trên thế giới đã trải nghiệm sâu sắc cả hai luồng văn hóa Đông–Tây. Trải nghiệm thuộc địa với Pháp, giao thoa với Mỹ trong thế kỷ XX, và sự học hỏi từ Nhật, Hàn Quốc, Singapore trong thế kỷ XXI khiến người Việt có một năng lực đặc biệt: chấp nhận sự pha trộn – không rập khuôn, không cực đoan, và luôn sẵn sàng cải biến.

Không nên xem điều này là bất lợi.

Trái lại, đó là vốn văn hóa nền tảng để xây dựng một nền hành chính công hiện đại kiểu Việt Nam, không chỉ hiệu quả như Singapore, mà còn có chiều sâu nhân bản như Bắc Âu.

Một nền công vụ nơi công chức không phải là “quan phụ mẫu” mà là “công bộc phục vụ dân”, nơi luật pháp không phải để cai trị mà để bảo vệ quyền lợi người dân – chính là bước khởi đầu của một nhà nước hiện đại.

### **2. Sự đồng nhất dân tộc không phải là giấy phép cho sự chuyên quyền**

Việt Nam tự hào là một quốc gia về cơ bản đồng chủng, đồng văn, đồng ngôn ngữ.

Nhưng điều đó không có nghĩa là đồng tư duy chính trị.

Thực tế văn hóa Việt vẫn mang đậm dấu ấn của làng xã khép kín, của thứ “chủ nghĩa cộng đồng vị kỷ” hậu phong kiến – cộng với hậu quả của mô hình toàn trị suốt gần một thế kỷ – khiến cho bất kỳ mô hình “minh quân” hay “độc tài khai sáng” nào cũng dễ biến tướng thành độc tài cá nhân hoặc nhóm lợi ích.

Bài học của thế kỷ XX cho thấy: không có một “nhà độc tài tốt bụng” nào tồn tại lâu dài.

Điều duy nhất kiểm soát được quyền lực, là thể chế pháp trị, tam quyền phân lập, và truyền thông – xã hội dân sự độc lập.

Tự do là điều kiện cần, dân chủ là điều kiện đủ.

Không có tự do thì không thể có dân chủ thật sự.

Và không có dân chủ, thì không một hệ thống công quyền nào có thể thực sự phục vụ người dân thay vì phục vụ chính mình.

### **3. Không nhất thiết đa đảng ngay, nhưng phải có cơ chế kiểm soát quyền lực**

Tư tưởng chính trị phương Đông – đặc biệt là Khổng giáo – vẫn có giá trị nếu được cải biên và cập nhật trong bối cảnh hiện đại.

Khái niệm “người quân tử hành chính trị” hoàn toàn có thể trở thành nguyên lý cho một nền chính trị phục vụ, hành chính phi chính trị, và công chức phi đảng phái.

Nhưng điều đó chỉ khả thi nếu có một hệ thống kiểm tra – giám sát độc lập, cơ chế phản biện công khai, và nền tư pháp hoàn toàn tách khỏi hành pháp.

Đây không chỉ là lý tưởng, mà là điều kiện sinh tồn của một nhà nước hiện đại.

Một hệ thống chỉ trích – phản biện – giám sát công khai không làm suy yếu chính quyền, mà giúp chính quyền trưởng thành, chính sách hiệu quả và xã hội bớt cực đoan.

### **4. Hành chính công hiện đại kiểu Việt Nam: Đông Tây hoà hợp, nhân bản và hiệu quả**

Không phải ngẫu nhiên mà các nền hành chính thành công nhất thế giới hiện nay đều hội tụ ba yếu tố:

- Luật pháp minh bạch và nhất quán
- Công chức chuyên nghiệp, tuyển chọn công bằng, và chịu trách nhiệm giải trình
- Công nghệ và dữ liệu phục vụ minh bạch hoá và hiệu quả hoá quản trị

Việt Nam không thiếu nhân tài.

Vấn đề là môi trường để nhân tài có thể phục vụ đất nước mà không bị bóp méo bởi quyền lực đảng phái hoặc quan hệ thân hữu.

Một “Bộ máy công quyền kiểu Việt Nam” lý tưởng trong thế kỷ XXI phải là nơi:

- Công chức không cần thẻ đảng để thăng tiến, mà cần năng lực và kết quả.
- Bộ trưởng không chỉ là chính khách, mà là chuyên gia chính sách.
- Dân không cần “xin – cho” mà được “bảo đảm quyền”.

## **5. Một Việt Nam hiện đại phải đặt con người làm trung tâm**

Không thể có một đất nước hiện đại nếu nhà nước không xem con người là chủ thể, chứ không phải là đối tượng quản lý.

Mọi cái cách thể chế, hành chính, pháp luật – dù mang màu sắc nào – đều phải hướng tới một điều duy nhất: "Làm cho người dân được sống tự do, có phẩm giá, và có cơ hội phát triển trọn vẹn năng lực con người."

Đó không phải là khẩu hiệu, mà là tiêu chuẩn cho một quốc gia văn minh.

Không thể tiếp tục “cai trị nhân dân bằng tình cảm cách mạng” hoặc những khẩu hiệu sáo mòn.

Việt Nam cần một cuộc chuyển hoá từ căn bản – không phải để trở thành Singapore hay Bắc Âu, mà để trở thành chính mình, một Việt Nam tự do, dân chủ và thịnh vượng của thế kỷ XXI - một Việt Nam độc lập, tự chủ, khai phóng, nhân bản và bền vững.

# Sống trong vùng xám: Điều hướng để Việt Nam tự chủ giữa một thế giới bất định

Tác giả: Đinh Hoàng Thắng

**Tóm tắt:** Bài viết định hướng một chiến lược mới trong kỷ nguyên “Phục Hưng Việt Nam” dựa trên năm trụ cột: tái định vị bản sắc, làm chủ hỗn mang bằng phân tích và dự báo, kiến tạo giá trị của chủ nghĩa trường tồn, cải cách ĐCSVN thành đảng kiến tạo phục vụ và điều hướng nền ngoại giao mềm, nhằm chủ động tạo ảnh hưởng. Kết luận: trong vùng xám hiện nay, khả năng sinh tồn và phát triển không đến từ sức mạnh đơn thuần mà từ minh triết, năng lực quan sát và kiến tạo đồng thuận.

“Huyền nhiệm nào dẫn ta về Thượng Đế,  
Thoát trần gian xóa bỏ mọi xiềng mê,  
Hạnh phúc nào cho tình yêu diễm lệ?  
Mà không xây mộng mị giữa cuồng điên –  
Con tìm phàm và tình yêu thế tục!”

(Phỏng dịch Pierre Corneille, *Polyeucte*, 1642) [1]

## Dẫn nhập

Trong thế giới đương đại đầy bất định, ranh giới giữa chiến tranh và hòa bình, giữa đồng minh và đối thủ, giữa trật tự và hỗn mang đang dần bị xóa nhòa. Không còn một cung đường thẳng tiến nào dẫn tới tương lai, chỉ còn những khúc quanh, những vùng xám – nơi bản lĩnh chiến lược và sự minh triết chính trị trở thành yếu tố sống còn.

Hội nghị thượng đỉnh Mỹ – Nga tại Alaska (16/8/2025) hé lộ một chỉ dấu: Nếu Moscow có thể hợp pháp hóa vùng đất chiếm đóng ở Ukraine bằng thỏa thuận do hai cường quốc dẫn dắt, liệu Bắc Kinh có thử áp dụng “tiền lệ” ấy đối với Đài Loan hay Biển Đông? [2] Khi một trật tự dựa trên pháp quyền, nhân quyền và bình đẳng quốc gia nhường chỗ cho trật tự mới – nơi sức mạnh quyết định tất cả – thì thông điệp phải chăng là: các quốc gia vừa và nhỏ sẽ bị áp đặt số phận nếu không biết tự định đoạt cho mình?

Trong vùng xám ấy của lịch sử, sẽ là thảm họa nếu Việt Nam chỉ đứng bên lề các sự kiện. Để tránh tình huống ấy, cần thoát khỏi chủ nghĩa giáo điều, phải dũng cảm xây dựng hệ hình tư duy mới: dựa trên minh triết bản sắc, năng lực phán đoán, coi biến động là quy luật, gấp rút cải cách thể chế và phải điều hướng một nền ngoại giao thức thời.

## **1. Tái định vị bản sắc để xác lập chiến lược quốc gia**

Bản sắc nào là nền tảng để định hình chiến lược? [3] Việt Nam phải trả lời câu hỏi cốt lõi: Ta là ai trong kỷ nguyên mà trật tự pháp lý quốc tế suy yếu, sức mạnh cường quyền có xu hướng lên ngôi?

Trong truyền thống, người Việt không coi hỗn mang là vô nghĩa. Kinh Dịch dạy rằng hỗn mang là một loại trật tự động, với quy luật biến dịch có thể nắm bắt. Từ đó, sự minh triết trở thành điều kiện sinh tồn: biết nhận diện xu hướng, biết giữ cái bất biến trong cái vạn biến. Chính nhờ vậy, các bậc tiền nhân mới có thể tự khẳng định bản sắc trong cơn xoáy của quyền lực toàn cầu.

Chiến lược quốc gia hôm nay, vì vậy, không thể chỉ là phản ứng tình thế. Nó phải bắt đầu từ tái định vị bản sắc: Việt Nam là một quốc gia yêu chuộng hòa bình nhưng không chấp nhận bị khuất phục, một quốc gia tầm trung nhưng không chấp nhận bị định đoạt.

## **2. Làm chủ hỗn mang – Xây dựng năng lực phân tích và phán đoán**

Khúc quanh hiện nay của thế giới hậu-hiện đại khiến con người ta dễ loại bỏ cả lý trí lẫn niềm tin, khiến trật tự không còn mục đích cao cả, còn hỗn mang lại được tôn vinh như tự do vô độ. Trong hỗn mang ấy, nếu không có năng lực phân tích và phán đoán, mọi dân tộc đều dễ bị cuốn trôi.

Người Việt có truyền thống “đọc được” hỗn mang để tìm lối đi. Các hệ thống tri thức và phương pháp quan sát – dù xuất phát từ nhiều nguồn gốc khác nhau – đã từng mang lại cho tổ tiên khả năng tìm điểm tựa trong bất định. Phan Bội Châu từng học Dịch để suy ngẫm về con đường đấu tranh [4]. Đó là minh chứng: Ngay cả khi luật pháp quốc tế sụp đổ, dân tộc vẫn có thể bám vào năng lực quan sát – phân tích – dự báo để sinh tồn.

Ngày nay, tinh thần ấy nên được hiện đại hóa thành một hệ thống phân tích chiến lược: Đọc xu hướng cường quyền, dự báo rủi ro toàn cầu, và chủ động “đi trước một nước” trong mọi kịch bản. Không phải là huyền học, mà là một dạng tri thức hệ thống hiện đại bằng trí tuệ Việt Nam và khoa học phân tích – phán đoán toàn cầu. Chúng ta không thể thay đổi bàn cờ thế giới, nhưng chúng ta sẽ hiểu và đối mặt hiệu quả hơn với các nước cờ trên đó.

### **3. Chuyển từ phản ứng sang kiến tạo – Chủ nghĩa trường tồn mới**

Việt Nam lâu nay thường phản ứng trước các biến cố. Nhưng cứ thụ động phản ứng hoài thì chỉ chạy sau lịch sử. Thế giới bất định buộc chúng ta phải chuyển từ phản ứng sang kiến tạo – từ phòng thủ sang xây dựng những giá trị trường tồn.

Chủ nghĩa trường tồn mới mà Việt Nam cần chính là tinh thần không sợ biến động, tinh thần coi biến động là quy luật. Trong sự giao thoa của âm và dương, trật tự và hỗn mang, luôn ẩn chứa cơ hội để kiến tạo.

Điều này đòi hỏi một sự thay đổi tư duy: Thay vì tư duy co cụm và ngắn hạn để bảo toàn, Việt Nam phải dẫn thân để kiến tạo – kiến tạo chuẩn mực, kiến tạo giá trị, kiến tạo ảnh hưởng. Đây không chỉ là sự tồn tại, mà là biểu hiện sinh động của một chủ nghĩa trường tồn có từ lâu đời [5].

### **4. Cải cách thể chế – Từ đảng cách mạng sang đảng phục vụ**

Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo nếu chuyển đổi từ một đảng cách mạng thành một đảng phục vụ. Đại hội XIV không chỉ là một cột mốc; nó phải trở thành điểm khởi đầu. Để duy trì vai trò trung tâm, Đảng cần vượt trên mô hình “lãnh đạo tập trung” và trở thành “kiến trúc sư của các tiểu hệ thống.”

ĐCSVN có thể cải cách thể chế dựa trên nguyên lý “tích – tản” [6]. Tích tụ nguồn lực: Từ tri thức, niềm tin đến sáng kiến xã hội. Tản quyền điều hành: Trao quyền cho địa phương, xã hội dân sự, doanh nghiệp, báo chí, minh bạch hóa quản trị nhà nước. Chuyển từ toàn trị sang kiến tạo, Đảng phải biết ủy quyền, biết điều chỉnh chính sách dựa trên dữ liệu. Đảng “tích tụ” nguồn lực (nhân tài, tri thức, lòng tin), kiến trúc hệ thống vận hành (pháp luật, quy tắc, phản hồi), và sau đó “tản quyền” – trao lại sức mạnh cho xã hội.

Một đảng cầm quyền hiện đại phải giải trình bằng hiệu quả, vận hành dựa trên dữ liệu, và đối thoại thay vì áp đặt. Trọng tâm của cải cách thể chế không phải là mở rộng quyền lực trung tâm, mà là thiết kế lại hệ thống để tích tụ và lan tỏa sức mạnh từ bên dưới – từ cá nhân, từ doanh nghiệp, từ địa phương. Chỉ khi coi nhân dân là chủ thể để phục vụ – chứ không chỉ là đối tượng kiểm soát – Đảng mới có thể trở thành lực lượng kiến tạo.

Để phát huy vai trò lãnh đạo, ĐCSVN không thể vận hành bằng các công thức chính trị – kinh tế cứng nhắc từ thế kỷ trước. Trở thành bộ tham mưu kiến tạo để phục vụ – Đảng cần đi đầu trong dự báo tình hình, biết thích nghi để mở đối thoại với người dân và thế giới. Trong quá trình này rất cần sự linh hoạt: Dám thay đổi khi hoàn cảnh thay đổi, nhưng vẫn kiên định với cái bất biến – lợi ích dân tộc và chủ quyền quốc gia. Đây không phải là sự từ bỏ quá khứ cách mạng, mà là sự tiếp biến từ cách mạng chuyển sang kiến tạo [7].

Một yêu cầu cấp bách khác của cải cách thể chế là hòa hợp và hòa giải dân tộc. Cải cách thể chế không chỉ là kỹ thuật quản trị, mà còn phải là hàn gắn và mở lòng. Chúng ta đã có thể kiến tạo quan hệ “đối tác chiến lược toàn diện” với những cựu thù lớn nhất trong lịch sử, thì có sao vẫn chưa đạt được sự hòa giải và hòa hợp trọn vẹn ngay trong quốc nội, cũng như giữa quốc nội với cộng đồng kiều bào bên ngoài? Chỉ khi gỡ bỏ thành công những rạn nứt từ quá khứ, năng lượng xã hội mới thực sự được giải phóng để cùng nhau kiến tạo tương lai.

## **5. Ngoại giao thức thời – Từ phòng thủ sang xây dựng ảnh hưởng mềm**

Ngoại giao Việt Nam trong kỷ nguyên mới phải vượt khỏi tuyến phòng thủ. Truyền thống “dĩ bất biến ứng vạn biến” cần được nâng cấp: Không chỉ “ứng”, mà phải “biến hóa” để tạo ảnh hưởng mềm [8].

Tinh thần của hệ hình tư duy mới khẳng định rằng âm và dương luôn vận động, tiếp biến trong mối quan hệ đối lập – bổ sung. Ngoại giao Việt Nam cũng nên như thế: Mềm dẻo trong chi tiết, kiên định trong nguyên tắc; biết hợp tác khi cần, biết kiềm chế khi bắt buộc, khi “tạm dừng” hay khi “tâm công” đều là những hình thức nhằm hướng tới việc bảo vệ độc lập – chủ quyền.

Muốn thế, Việt Nam cần phát triển ngoại giao ở cả ba cấp độ: Quốc gia – khu vực – toàn cầu. Trong quá trình kiến tạo luật chơi, ở tầng nấc kỹ thuật hay chiến thuật, có thể linh hoạt, nhưng ở tầm chiến lược thì quyết không thể “đi hàng hai”, bám giữ triết lý nguy hiểm, “không chọn bên, chọn lẽ phải...” [9].

## **6. “Phục Hưng Việt Nam”: Vận dụng lợi thế từ nền minh triết Đông Á**

Dựa trên năm trụ cột của hệ hình tư duy mới, tại sao chính quyền Hà Nội lại không khát vọng khởi xướng một “Phục Hưng Việt Nam”, để góp phần kiến tạo an ninh bền vững và thịnh vượng lâu dài cho Đông Á trong kỷ nguyên biến động nối tiếp biến động này?

Bất định vẫn có cơ mở ra cánh cửa cho thành tựu, nếu chúng ta hành động với đức hạnh và minh triết. Nếu nhà lãnh đạo dám “vượt qua sông lớn”, biết lấp đầy cái còn trống và định hướng các sự kiện bằng viễn kiến, sẽ thu về thành quả to lớn.

Cốt lõi của minh triết Đông Á chính là sự cân bằng. Trung Hoa có Đạo giáo và Trung dung. Ở Việt Nam, Thái Lan, Campuchia và Lào, Phật giáo truyền giảng “Con đường Trung đạo” dẫn tới thịnh vượng và hạnh phúc. Ở Nhật Bản, Thần đạo tìm kiếm sự hài hòa giữa con người và thiên nhiên. Tại Malaysia và Indonesia, Kinh Qur'an răn dạy chúng ta phải luôn tôn trọng “sự quân bình”.

## **Kết luận**

Việt Nam hoàn toàn có thể đăng cai một cuộc gặp thường niên của các nhà lãnh đạo chính phủ, các nhà tư tưởng, học giả, triết gia – một “DAVOS của Đông Á” chẳng hạn – để tìm các ứng xử minh triết trước những biến đổi đang đến với cộng đồng toàn cầu. Cụ thể hơn, Việt Nam có thể đóng vai là người bạn tin cậy, thúc đẩy sự đồng thuận giữa Nhật Bản, Hàn Quốc và ASEAN. Điều này sẽ góp phần hình thành một thể quân bình quyền lực trấn an, đem lại lợi ích cho các quốc gia vừa và nhỏ trong một Đông Á hòa bình và giàu bản sắc văn hóa.

Việt Nam cũng từng có những đóng góp vượt ra ngoài biên giới. Giáo sư Võ Tòng Xuân đã đạt thành công vang dội ở Sierra Leone và nhiều quốc gia châu Phi, khi đưa các giống lúa cao sản sang giúp họ gây dựng nền nông nghiệp lúa nước [10]. Tại Mỹ, Pháp, Úc và Canada... cộng đồng người Việt cũng đã thành công rực rỡ trong kinh tế, văn hóa và chính trị. Những minh chứng ấy khẳng định, ngay cả ở những vùng đất xa xôi, Việt Nam vẫn không bị lãng quên.

Thế giới tuy đang ở trong vùng xám của lịch sử, nhưng vùng xám không phải là bế tắc – đó là khoảng không gian mở, nơi mọi lựa chọn đều có thể trở thành bước ngoặt. Muốn tự chủ giữa bất định, Việt Nam phải tái định vị bản sắc, làm chủ hỗn mang, kiến tạo giá trị, cải cách thể chế, và mở rộng ảnh hưởng mềm. Trên tất cả, phải nuôi dưỡng một hệ hình tư duy mới – vừa thấm đẫm hồn cốt Việt, vừa gắn kết với trí tuệ nhân loại, để có thể tạo dựng lên một “Đồng thuận Đông Á”!

Lược giải về “trật tự” và “bất định” không nhất thiết dừng lại ở các kết luận của Dr. Kissinger [11]. Điều quan trọng hơn là phải thẩm định được năm trụ cột trong hệ hình tư duy nói trên trước ngưỡng trật tự mới [12]. Và như trí khôn phương Đông từng nhấn mạnh: Biến động là vĩnh cửu. Nhưng trong biến động, dân tộc nào có được minh triết, dân tộc ấy sẽ trường tồn.

---

Tiến sĩ Đinh Hoàng Thắng là cựu Đại sứ Việt Nam tại Hà Lan, từng là Trưởng Nhóm Tư vấn Lãnh đạo Bộ Ngoại giao Việt Nam và hiện là Thành viên của CRT. Một phiên bản tiếng Anh của bài viết có thể đọc tại đây: [https://www.cauxroundtable.org/author/cauxroundtable\\_agmls4/](https://www.cauxroundtable.org/author/cauxroundtable_agmls4/)

### **Chú thích:**

[1] <https://suckhoedoisong.vn/cao-thom-lan-gio-corneille-nghi-gi-169124712.htm> Pierre Corneille, Polyeucte: Pierre Corneille (1606 – 1684) là người mở đầu bi kịch cổ điển, đồng thời là nhà thơ lớn của nước Pháp. Polyeucte là nhân vật chính trong vở bi kịch cùng tên “Polyeucte”, biểu tượng cho tinh thần tử vì đạo và sức mạnh niềm tin Cơ Đốc. Khổ thơ trên phỏng dịch từ “Quel charme me conduit vers le Dieu que j’adore? / Je triomphe du monde, et je sors de ses fers / Heureux qui peut aimer d’une amour toute pure, / Mais malheureux celui qui fonde son bonheur” — Adapted from Pierre Corneille, Polyeucte (1642).

[2] Thượng đỉnh Trump-Putin: thách thức trật tự tự do và cơ hội cho Việt Nam: <https://www.bbc.com/vietnamese/articles/c626dg13kx0o>

[3] <https://nhandan.vn/khang-dinh-vi-the-van-hoa-viet-nam-trong-ky-nguyen-moi-thuong-hieu-van-hoa-gia-tang-uy-tin-quoc-gia-post889560.html>

[4] [https://www.chungta.com/nd/tu-lieu-tra-cuu/phan\\_boi\\_chau-nha\\_van\\_hoa.html](https://www.chungta.com/nd/tu-lieu-tra-cuu/phan_boi_chau-nha_van_hoa.html)

[5] <https://www.voatiengviet.com/a/co-mot-chu-nghia-truong-ton-viet-nam/7961206.html>

[6] TS. Nguyễn Thế Hùng: Tích Tản – Một nguyên lý, một tầm nhìn, một con đường (NXB Thông Tin 2010)

[7] <https://tuoitrethudo.vn/chuyen-doi-trang-thai-sang-kien-tao-chu-dong-phuc-vu-nhan-dan-280478.html>

[8] Việt Nam với ‘ngoại giao thức thời’: từ hình tượng cây tre đến chiến lược quốc gia: <https://www.bbc.com/vietnamese/articles/cdx5v0448wyo>

[9] “Không chọn phe, chọn chính nghĩa...” – Một triết lý ngoại giao nguy hiểm! <https://boxitvn.online/?p=94713>

[10] [https://siwrp.org.vn/tin-tuc/giao-su-vo-tong-xuan-va-tam-nhin-cay-lua-xuyen-bien-gioi\\_4333.html](https://siwrp.org.vn/tin-tuc/giao-su-vo-tong-xuan-va-tam-nhin-cay-lua-xuyen-bien-gioi_4333.html)

[11] Sách “Trật tự Thế giới của Henry Kissinger” (Penguin Books, 2015) tổng hợp tư tưởng ngoại giao toàn cầu và cấu trúc địa chính trị qua nhiều thế kỷ thông qua các nghiên cứu điển hình lịch sử. Mặc dù mang tính nền tảng, nhưng nó là điểm khởi đầu—chứ không phải điểm kết thúc—cho việc suy ngẫm chiến lược: [https://www.academia.edu/118015198/Kissinger\\_Henry\\_World\\_Order\\_New\\_York\\_Penguin\\_Press\\_2014](https://www.academia.edu/118015198/Kissinger_Henry_World_Order_New_York_Penguin_Press_2014)

[12] Việt Nam Trước Ngưỡng Cửa Của Trật Tự Thế Giới Mới, Đinh Hoàng Thắng (2017), Thời Đại số 36. Tác giả nhấn mạnh tính linh hoạt của cả Việt Nam và trật tự toàn cầu đang tiến triển, đề xuất một khung khổ khái niệm (hệ hình “P&DOWN”) để điều hướng quá trình chuyển đổi: [https://tapchithoidai.diendan.org/ThoiDai36/201736\\_DinhHoangThang.pdf](https://tapchithoidai.diendan.org/ThoiDai36/201736_DinhHoangThang.pdf)

# 50 năm sau: tương lai nào cho Việt Nam?

---

## Từ Thức

Tại sao, mỗi năm, tới ngày 30 tháng Tư, chính quyền Cộng sản vẫn tiếp tục ngạo nghễ “hát trên những xác người”, không tìm cách xoá bỏ hận thù, hướng về tương lai, như Nelson Mandela đã làm ở Nam Phi sau cuộc chiến chống *apartheid* ?

Một nửa thế kỷ đã trôi qua, bất cứ một chính quyền bình thường nào, cũng tìm cách xoá bỏ hận thù, quên thảm kịch bi đát của hàng triệu người đồng hương, quên một cơn ác mộng, xương chất đầy đồng, máu đổ thành sông, tang tóc trong mỗi gia đình, để “*nối vòng tay lớn*”, cùng nhau xây lại một đất nước rách nát.

Chính quyền Cộng sản (CS) làm ngược lại.

Có hai lý do:

Thứ nhất : Bởi vì hận thù là năng lực, là vũ khí của những người CS.

Một chế độ độc tài, phải luôn luôn có kẻ thù, để hướng những bất mãn của người dân tới một kẻ thù chung, khiến quên thân phận tù đầy của mình.

Khi dân Nga bắt đầu hoài nghi, Staline tạo ra nạn đói giết hàng triệu người ở Nga, ở Ukraine. Khi kế hoạch nhảy vọt thất bại, dẫn nông nghiệp Tàu tới phá sản, Mao phát động Cách mạng Văn hoá, tàn sát tất cả những người bị coi là phản cách mạng.

Thứ hai: sau 50 năm cai trị, chế độ không có thành quả gì đáng khoe khoang cả, chỉ còn chuyện đánh nhau, chém giết 50 năm trước, như một cái vốn kinh doanh (*fonds de commerce*), mỗi năm phải đem ra đánh bóng, phô trương, nhắc nhở công trạng, để tiếp tục kinh doanh.

Tổ chức chào mừng chiến thắng 30/4 khơi lại ngọn lửa hận thù, cũng là một cách để đánh bóng chế độ đang đưa đất nước vào ngõ cụt, một mũi kim châm vào mông để kích thích một dân tộc mệt mỏi, không biết đang đi về đâu, không biết phải hãnh diện về cái gì.

Hãnh diện về mình là một nhu cầu của con người, sau cơm ăn áo mặc.

## VIỆT NAM, 50 NĂM SAU

Xã hội băng hoại, văn hoá suy đồi, bất công khủng khiếp, tham nhũng trở thành một nghệ thuật sống, Việt Nam chỉ có cái gọi là thành tựu kinh tế, nhưng chính cái thành quả đó, mà báo chí Đảng, và hàng ngũ dư luận viên ra rả hát từ nhiều năm nay, vừa bị chính ông Tổng Thư Ký Đảng Tô Lâm đổ vào sọt rác, báo động một nền kinh tế giả tạo, tụt hậu, hoàn toàn tùy thuộc vào nước ngoài.

Với 100 triệu dân, đa số là người trẻ, với tài nguyên đủ loại phong phú, kể cả đất hiếm, với thời cơ thuận lợi của thế giới hoá, với gần 20 tỷ đô-la của người Việt ở hải ngoại gửi về hàng năm, với hàng triệu nhân công bỏ nước đi làm thuê ở xứ người, VN vẫn là quốc gia nghèo nhất trong vùng.

Không phải những người chống Cộng, nhưng chính ông Tô Lâm nói: *khi mở cửa, Trung quốc có tình trạng kinh tế tương đồng, thì giờ đây thu nhập quân bình hàng năm trên đầu người của họ lên tới 15.000 đô-la, chúng ta chưa được 4300. Khi xưa, người Singapour nói được sang Chợ Rẫy chữa bệnh là một mơ ước, ngày nay mình lại mơ ước được sang Singapour chữa bệnh.*

Những hãng xưởng, địa ốc kinh doanh “hoành tráng”, những khách sạn to lớn, những xa lộ dọc ngang xây dựng bất chấp môi trường, tàn phá danh lam thắng cảnh, chôn vùi di tích lịch sử, đa số là những công trình của người ngoại quốc, đứng đầu là người Tàu, hay người Việt đứng tên cho người Tàu kinh doanh, tạo ra để phát triển kinh doanh của chính họ.

Cũng chính ông Tô Lâm nói: *“một đất nước với 100 triệu dân, với hàng ngàn kỹ sư tài năng lại chỉ làm những việc nấu cơm, dọn rác, canh gác cho các tập đoàn nước ngoài. Việt Nam (VN) là một bãi rác công nghiệp của thế giới, vì trên 80% doanh nghiệp xuất cảng từ VN là của người nước ngoài, chúng ta chỉ đổ mồ hôi làm chuyện lắp ráp; lợi nhuận khổng lồ trong ngành xuất cảng VN đều rơi vào tay các tập đoàn ngoại quốc.”*

Thủ tướng Mã Lai Á nói với ông Tô Lâm, do chính ông Tô Lâm kể lại: *Nếu các ông tiếp tục chính sách lỗi thời, các ông sẽ không bao giờ đuổi kịp chúng tôi. Nếu các ông cải thiện VN sẽ vượt chúng tôi rất nhanh, vì có gấp 3 dân số và tài nguyên (1).*

Lần đầu tiên, một ông lãnh đạo trong hàng ngũ những “*đỉnh cao trí tuệ loài người*” từ bỏ lối gổ, gọi con mèo là con mèo. Hy vọng từ nay các dư luận viên bớt hung hăng hơn trong nghĩa vụ đánh bóng chế độ

## **MỘT QUỐC GIA VÔ GIÁO DỤC, VÔ VĂN HOÁ**

Nhưng ngoài kinh tế, hiện trạng của đất nước còn bi đát hơn , trên mọi lãnh vực.

VN đứng hàng đầu, cùng với Trung Hoa, Bắc Hàn về tự do báo chí, tự do tôn giáo là những quyền tự do căn bản của con người.

VN đứng trong số những quốc gia tham nhũng nhất thế giới.

Xã hội VN là một xã hội băng hoại. Bạo lực, lường gạt, ngay cả trong trường học, chùa chiền.

VN là một nước không có giáo dục, chỉ có nhồi sọ.

Giáo dục VN cấm trẻ em phát huy trí tuệ, khả năng phán đoán, suy luận là động lực để phát triển con người và đất nước, nhưng là điều cấm kỵ trong một chế độ độc tài toàn trị. Mục đích tối hậu của một nền giáo dục toàn trị đào tạo một lớp người suy nghĩ như nhau, nghĩa là như Đảng. Mơ ước của một học sinh VN là trở thành công an, quan thuế, để có cơ hội bóc lột, đàn áp người đồng hương, mơ ước của một nữ sinh là có nhan sắc để lấy chồng Đài Loan, Hàn quốc.

VN không có văn hoá, nghệ thuật, bởi vì nghệ thuật cần sáng tạo, sáng tạo cần tự do. Thế giới không nghe nói tới một tác phẩm nghệ thuật VN, trừ khi tác giả là người Việt hải ngoại. Không phải người Việt hải ngoại có tài năng hơn, nhưng bởi vì họ có tự do sáng tạo. Trong cùng một môi trường, người Việt không thua kém ai, nhưng trong môi trường toàn trị, văn hoá, nghệ thuật VN là một vùng lạc hậu, đứng bên lề thế giới.

Trong khi một nước như Nam Hàn có một chính sách đại quy mô, một ngân sách khổng lồ để sản xuất, xuất cảng phim ảnh, đĩa nhạc, các tác phẩm nghệ thuật, vừa là mối hãnh diện của quốc gia, một *quyền lực mềm (soft power)*, vừa là một nguồn ngoại tệ vô giới hạn, Việt Nam, ở thế kỷ 21, cấm đoán, hành hạ, bỏ tù những người không viết văn, vẽ tranh, làm phim, ca hát theo ý Đảng.

Trong bối cảnh đó, làm cách nào để vươn lên, để sống ngang hàng với thế giới, đương đầu với hiểm họa ngoại xâm, nhất là khi Đảng là con ngựa thành Troie, đưa giặc ngoài vào lòng đất nước. Trong khi biển đảo bị chiếm đoạt, Hà Nội mời quân đội Tàu tới diễn hành mừng chiến thắng 30/4.

Đó, đại khái, là hiện hình đất nước. Bì đất, nhưng trung thực, dựa trên những dữ kiện khách quan.

## **TƯƠNG LAI NÀO CHO VIỆT NAM?**

Nhiều người hy vọng ông Tô Lâm sẽ làm một cuộc cách mạng nội bộ, kiểu Gorbachev ở Nga. Bởi vì thấy ông Tô Lâm nhìn thấy, và cảnh cáo không úp mở, về tình trạng tụt hậu thê thảm của VN, với lối nói thẳng, khác hẳn ngôn ngữ lưỡi gươm của người Cộng Sản. Bởi vì thấy ông Tô Lâm phát động chiến dịch “tinh gọn” quy mô, nhằm cải thiện guồng máy quốc gia.

Đó là một việc làm cần thiết, khẩn cấp, vì VN có hệ thống hành chánh rườm rà, quan liêu nhất thế giới. 70 phần trăm ngân sách quốc gia dùng để nuôi hệ thống công chức, quan lại lớn nhỏ. Chỉ còn 30% ngân sách dành cho việc công ích, từ giáo dục y tế, xã hội, trong đó tham nhũng gặm nhấm một phần lớn.

Nhưng trong khi nhìn nhận VN tụt hậu, thừa nhận Xã hội Chủ Nghĩa lạc hậu, ông Tô Lâm không đã động gì tới chuyện cải tổ. Hàng trăm người còn nằm trong tù đã không nói gì khác hơn là những điều chính ông nhìn nhận.

Trong khi “tinh gọn” guồng máy chính quyền, cho về vườn hàng trăm ngàn người, ông Tô Lâm vẫn giữ nguyên vẹn hàng ngũ công an đông đảo khủng khiếp nhất thế giới. Trong khi nước Đức ( 83 triệu dân), có 300.000 cảnh sát, VN có 1.500.000 công an, mà nhiệm vụ chính là kiểm soát, đàn áp dân.

Đại hội Đảng kỳ tới sẽ đông hơn bao hết, vì ngoài đại biểu các tỉnh đã xóa bỏ, có thêm đại biểu các đơn vị hành chánh mới.

Ông Tô Lâm kêu gọi toàn dân đứng lên dựng lại đất nước đang tụt hậu, nhưng những người còn có tâm, bày tỏ lòng yêu nước vẫn bị bỏ tù, hay bị trục xuất. Chính sách đàn áp đối lập gia tăng hơn bao giờ hết.

Người ta nói ông Tô Lâm muốn xoá bỏ cái gọi là Xã hội Chủ Nghĩa, đã lỗi thời. Đó là một tin mừng, vì từ nay hy vọng sẽ không bị nhức đầu, vì suốt ngày đọc báo đảng, nghe dư luận viên ca tụng một mô hình xã hội kỳ quái, ngớ ngẩn.

## **TỪ CHỦ NGHĨA TỚI TƯ CÁCH CS**

Vấn đề là Việt Nam vẫn không từ bỏ chế độ Cộng sản. Nói đúng hơn, không từ bỏ tư cách và phương pháp hành động CS, bởi vì sau Nguyễn Phú Trọng, ít ông lãnh tụ nào còn mơ tưởng XHCN.

Khi bàn về bất cứ vấn đề gì ở VN, người ta cũng phải đi tới một kết luận: khi nào chế độ CS còn, sẽ không có thay đổi gì ở VN. VN của ông Tô Lâm vẫn là một chế độ CS. Tệ hơn nữa, một chế độ công an trị.

Nếu không từ bỏ chế độ công an trị, chiến dịch gọi là “tinh gọn” của ông Tô Lâm, trên lý thuyết là một kế hoạch cần thiết để cải tổ hệ thống cai trị năng nề, quan liêu, sẽ chỉ là một cuộc thanh trừng nội bộ để củng cố quyền lực, theo một truyền thống Cộng sản, từ thời Lenin, Staline, Mao. Tập Cận Bình đã bỏ tù trên 100.000 cán bộ các cấp, Nguyễn Phú Trọng, bắt chước Tập, đã hăng say đốt lò, nhưng tham nhũng còn ghê rợn hơn trước.

Trong tương lai gần, VN sẽ gặp khó khăn nghiêm trọng, trước cuộc chiến tranh thương mại dữ dội giữa Tàu và Mỹ. Cây tre VN không biết ngã về phe nào.

Hôm trước sang Mỹ chấp nhận mọi yêu sách của Trump với hy vọng thoát khỏi cái ách gia tăng thuế quan 46% của Trump, sẽ gây điều đứng cho kinh tế, vì xuất cảng sang Mỹ chiếm trên 30% GDP, hãng xưởng sẽ đóng cửa, thất nghiệp tràn lan. Hôm sau long trọng đón tiếp Tập Cận Bình, chấp nhận mọi yêu sách của Bắc Kinh, vì lệ thuộc chính trị, vì đe dọa an ninh, vì đại đa số công nghiệp ở VN là của người Tàu, các chất liệu để chế tạo hàng hoá đều nhập cảng từ Tàu.

VN lệ thuộc nghiêm trọng về kinh tế cả Hoa Kỳ lẫn Tàu, sẽ cực kỳ khôn đồn khi cả hai, Trump và Tập, không chấp nhận một quốc gia đi hàng hai, lừng khừng đứng giữa để hưởng lợi.

VN quá yếu về kinh tế để độc lập.

Muốn ra khỏi sự lệ thuộc quá đáng vào xuất cảng, nghĩa là lệ thuộc ngoại quốc, một quốc gia phải có mức tiêu thụ nội địa ít nhất 70% GDP.

Bắc Kinh coi đó là mục tiêu hàng đầu từ hàng chục năm nay, nhưng mức tiêu thụ nội địa vẫn chưa tới 40%, vì người dân mất tin tưởng, lo sợ cho tương lai, không dám tiêu thụ nữa.

VN tệ hại hơn.

Ông Tô Lâm than phiền bình quân đầu người của VN lẹt đẹt dưới 4300 đô-la mỗi năm, thuộc loại thấp nhất thế giới, mặc dù với chiến tranh thương mại Tàu-Mỹ, VN đã trở thành trung tâm sản xuất thứ hai cho thế giới.

Con số 4300 đô-la chỉ là số trung bình trên đầu người. Với tham nhũng và bắt công khủng khiếp, đại đa số còn xa mới với tới lợi tức đó.

Một phần lớn tài nguyên, tiền bạc của quốc gia nằm trong tay một thiểu số liên hệ xa gần với chế độ. Những “đại gia” này không dùng tiền để đầu tư, hay tiêu thụ trong nước, nhưng tìm cách gởi ra ngoại quốc. Người ta chứng kiến một hiện tượng quái gở, không biết nên cười hay nên khóc: người Việt tỵ nạn, hay lao công VN đi lao động ở nước ngoài, phụ nữ bị gả bán cho người nước ngoài gởi một số tiền khổng lồ về nước, để giới lãnh đạo gởi ra ngoại quốc mua nhà, mua thương xá hay đầu tư ở những nước tư bản.

Với chiến tranh thương mại, phần lớn hàng hoá Tàu không vào nổi nước Mỹ, sẽ tràn sang các nước khác. Âu Châu sẽ áp dụng những biện pháp tương tự để thị trường của họ khỏi bị tràn ngập hàng hoá Tàu. Hiện nay, mỗi ngày 600 chuyến máy bay vận tải chở hàng hoá Tàu ra nước ngoài. Chỉ riêng ở nước Pháp, mỗi năm 800 triệu gói hàng (Shein, Temu, Alibaba) được gởi thẳng từ Tàu sang, không thuế má, không kiểm soát, bên cạnh hàng hoá nhập cảng chính thức.

Tất cả những hàng hoá Tàu đó sẽ tràn sang các nước lân cận, đặc biệt là những nước đàn em của Bắc Kinh, không dám có biện pháp quyết liệt với đàn anh, như VN, Miên, Lào. Kinh tế VN, đang phát triển giả tạo, sẽ khôn cùng, nếu không phá sản.

Đó là tương lai gần. Trong tương lai xa, VN sẽ mãi mãi là một nước tụt hậu, một quốc gia không có giáo dục, không có văn hoá, không có quyền làm người, nếu chế độ Cộng sản tiếp tục tồn tại.

**TỪ CỘNG SẢN TỚI MAFIA ĐỎ**

Đừng hy vọng một vị anh hùng nào trong lòng chế độ, đứng dậy để phá đổ xiềng xích. Nếu một ngày nào đó, họ xoá bỏ Xã hội Chủ nghĩa, bởi vì ý thức rằng chủ nghĩa đó sẽ đưa họ đến ngõ cụt, đe dọa sự sống còn của Đảng, không phải để xây dựng một đất nước tốt đẹp hơn, dân chủ hơn, nhưng để biến thể quốc gia thành một mafia đỏ, như nước Nga của Putin, để tiếp tục nắm quyền.

Ngày nay, chắc không còn ông già VN ngồi đan rổ, mơ nước Nga như trong thơ Tố Hữu, nhưng giới lãnh đạo vẫn tìm cách chuyển nước Việt thành một mafia đỏ để tiếp tục cai trị.

Cũng đừng hy vọng những người ngoại quốc thay mình để xây dựng dân chủ. Không một người ngoại quốc nào coi trọng quyền lợi hay quyền làm người của người Việt. Tương lai của người Việt Nam trong tay người Việt. Nếu người Việt bỏ cuộc, nước Việt sẽ bị diệt vong, sẽ bị nô lệ, dưới hình thức này, hay hình thức khác.

Trong một bài báo trên blog cá nhân (2), tác giả bài này đã nói về hiểm hoạ mô hình Huxley, Orwell cho Việt Nam (3).

Aldous Huxley, George Orwell là hai tác giả người Anh, thế kỷ 19, đã tiên đoán về các chế độ toàn trị.

Orwell, tác giả *Trại Súc Vật* (Animal Farm), “1984” nói các chế độ độc tài sẽ dùng bạo lực, khủng bố, gây kinh hoàng, tẩy não, xuyên tạc, dối trá, viết lại lịch sử, để cai trị.

Huxley, đi xa hơn, nói một chế độ toàn trị hoàn hảo là một chế độ đã thành công trong việc biến người dân thành những người hài lòng với thân phận tù đầy của mình, cho người dân hưởng thụ vật chất, những thú vui vô bổ, để họ có ảo tưởng mình là người tự do, trở thành những tù nhân không muốn phá tường ngục tù nữa, hay đi xa hơn, trở thành thành trì của chế độ để bảo vệ đôi chút quyền lợi của chính mình.

Sau gần một thế kỷ cai trị miền Bắc, sau 50 năm cai trị miền Nam, chế độ CS đã gần như thành công trong việc thực hiện mô hình Orwell, Huxley ở VN. Một mặt đàn áp, khủng bố để người dân sợ, không dám nghĩ tới việc nước nữa, chỉ mong được yên thân làm ăn. Một mặt được tự do ăn nhậu, giải trí, shopping, thoả mãn với thân phận nô lệ, không muốn, hay không còn nghị lực để đòi thay đổi.

Đó cũng là một hiện tượng gọi là “hội chứng Stockholm”, những người bị bắt cóc, dần dần nghe theo và đứng về phe bọn bắt cóc (4)

Ai cũng biết VN chỉ ra khỏi ngõ cụt nếu từ bỏ chế độ Cộng sản, cởi trói cho người dân, để xây dựng lại đất nước, phải liên kết với các quốc gia trong vùng như Nhật, Nam hàn, Ấn Độ, Úc để lập một khối đủ mạnh để đương đầu với kẻ thù chung là Tàu.

Nhưng việc đó không từ trên trời rơi xuống. Nó không đến từ những người CS, vì điều đó đi ngược lại quyền lợi của họ.

Tương lai của VN hoàn toàn nằm trong tay người Việt.

Đó là chuyện lâu dài, cực kỳ khó khăn, nhưng là cái giá phải trả, nếu không muốn xã hội VN tan rã, nước Việt giải thể.

Chuyện căn bản là thay đổi tư duy.

Cuộc chiến ngày nay trước hết là cuộc chiến tư tưởng. Mỗi người Việt phải ý thức được thân phận nô lệ của mình, ý thức trong lịch sử, không có chế độ độc tài nào tồn tại vĩnh viễn, ý thức rằng các độ độc tài chỉ tan rã nếu người dân tranh đấu dưới hình thức này hay hình thức khác, ý thức rằng thù địch góp đôi chút còn hơn là buông tay, ngồi nguyên rửa bóng tối.

## “TÚI KHÔN” CỦA NGƯỜI VIỆT

Cái túi khôn của người Việt khiến chúng ta khuyên nhau: *khó lắm, không làm gì được đâu ông ơi*.

Nếu người Nam Phi nghĩ như vậy, chế độ *apartheid* vẫn tồn tại. Nếu người Đài Loan, Singapour cũng khôn như người Việt, nghĩ: *mình yếu quá, chỉ là một đảo nhỏ, không làm gì được đâu ông ơi*, ngày nay Đài Loan, Singapour vẫn còn là những làng đánh cá nghèo khổ, không phải là những trung tâm kinh tế hàng đầu của thế giới.

Chế độ CS đang bị lúng túng, sẽ cực kỳ lúng túng với cuộc leo thang chiến tranh thương mại Mỹ-Tàu, với cục diện thế giới thay đổi mỗi giờ.

VN sẽ ra khỏi bóng tối, nếu người Việt ý thức được thân phận tù đầy của mình, nếu người Việt không muốn con cháu mình sống trong một quốc gia không có giáo dục, không có văn hoá, tương lai mù mịt, xã hội không còn lương tri, chùa chiền hoành tráng chỉ có sư giả, trường học chỉ là một tổ chức kinh doanh, nếu người Việt nghĩ đời mình đã bỏ đi, vì một sai lầm tập thể, nhưng con cháu

mình đáng sống, và có đủ khả năng trong một xã hội lành mạnh hơn.

Chuyện thay đổi phải đến từ dân. Trước hết là thay đổi tư duy, ý thức được cái bệnh hoạn tâm thức của chính mình là một chuyện khó, một hành trình lâu dài, nhưng nếu không ý thức rõ ràng, không chuẩn bị, không thấy rõ đường đi, người Việt sẽ tiếp tục là nạn nhân của thời cuộc.

Thời cuộc sẽ biến chuyển rất nhanh, vì chúng ta đang bước sang một thời đại khác, tất cả đảo lộn, từ đồng minh tới những giá trị hôm qua còn là nền móng của bang giao thế giới.

Không chuẩn bị một tư duy minh bạch, trước những thay đổi bất ngờ, dù chế độ CS sụp đổ, VN sẽ rơi vào tay mafia đỏ, như nước Nga của Putin. Không chuẩn bị tư tưởng, như Antonio Gramsci nói, tất cả biến chuyển sẽ chỉ là những cuộc đảo chánh (5).

Paris, 29/04/2025

### **Chú thích:**

(1) Mã Lai: 35 triệu dân, PIB hàng năm trên đầu người: 11.000 dollars. Singapoer: 5,9 triệu dân, 84.000 dollars. Đài-Loan, 23 triệu dân, PIB:145.000 dollars. VN 100 triệu dân, PIB 4200 dollars.

(2) [tuthuc-paris-blog.com](http://tuthuc-paris-blog.com).

(3) <https://www.tuthuc-paris-blog.com/post/huxley-orwell-ionesco-mô-hình-nào-cho-vn>

(4) Hội chứng Stockholm nói về chuyện 2 tù nhân vượt ngục làm hold-up trong một ngân hàng ở Stockholm, năm 1973, giữ 4 con tin để thương thuyết với cảnh sát. Sau 6 ngày chung sống, các con tin trở thành có cảm tình với người giam giữ mình, chống lại ngân hàng và cảnh sát. Sau 50 năm, với hệ thống tẩy não đại quy mô, con số những người mắc hội chứng Stockholm ở VN chắc chắn rất đáng kể.

(5) Trên đây là tóm tắt bài nói chuyện của tác giả tại Paris, Pháp, nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày CS chiếm miền Nam.

# Việt Nam và thách thức trở thành nước thu nhập cao trong 20 năm

Nguyễn Huy Vũ

Ngày 17/11/2022, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã thông qua Nghị quyết số 29 trong đó đưa ra [tầm nhìn](#) đến năm 2030 và kéo dài đến năm 2045.

Theo Nghị quyết số 29, mục tiêu tổng quát của Việt Nam đến năm 2030, tức còn 5 năm nữa, đó là: Việt Nam cơ bản đạt được các tiêu chí của nước công nghiệp, là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đời sống của nhân dân được nâng cao. Và tầm nhìn đến năm 2045 đó là Việt Nam trở thành nước phát triển, có thu nhập cao, thuộc nhóm các nước công nghiệp phát triển hàng đầu khu vực châu Á.

Đây không phải là lần đầu tiên đảng Cộng sản đưa ra tầm nhìn chiến lược.

Hai mươi năm trước, năm 2006, cựu tổng bí thư Nông Đức Mạnh đã thay mặt đảng Cộng sản đưa ra [tầm nhìn chiến lược trong Đại hội X](#) mà theo đó Việt Nam sẽ ra khỏi tình trạng kém phát triển, để đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp hiện đại. Mục tiêu này ngày nay đảng Cộng sản đã thừa nhận thất bại, như đã được công khai trong Nghị quyết 29: “mục tiêu trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 không hoàn thành; tăng trưởng kinh tế không đạt mục tiêu chiến lược đề ra, tốc độ có xu hướng giảm dần theo chu kỳ 10 năm; có nguy cơ tụt hậu và rơi vào bẫy thu nhập trung bình.”

Dù đặt ra một mục tiêu mới nhưng những dữ liệu kinh tế trong những năm vừa qua không cho thấy Việt Nam đã thiết lập được những nền tảng vĩ mô ổn định để đưa Việt Nam trở thành một nước kinh tế phát triển trong tương lai gần.

Trong 4 năm từ 2021-2024, [tăng trưởng kinh tế không ổn định](#) với biến động tương đối lớn. Nếu năm 2025 tăng trưởng GDP là 7% thì tăng trưởng trung bình trong giai đoạn 2021-2025 chỉ đạt 5,93%; nếu đạt 8% thì tăng trưởng GDP bình quân 5 năm tăng hơn 6,2%; thấp hơn so với mục tiêu 7-7,5%.

Việc được công nhận là một nền kinh tế phát triển và thuộc nhóm thu nhập cao được Ngân hàng Thế giới phân loại dựa vào các tiêu chuẩn khác nhau và nó thay đổi theo thời gian.

Năm 2013, [một nghiên cứu](#) của Ngân hàng Thế giới chỉ ra rằng chỉ có 13 trong số 101 nền kinh tế có thu nhập trung bình đã chuyển đổi thành công thành những nền kinh tế phát triển, thuộc nhóm thu nhập cao trong khoảng thời gian từ 1960 đến 2008. Những nước ở châu Á trong nhóm này có Nhật Bản, Hồng Kông, Singapore, Hàn Quốc, và Đài Loan.

Tuy vậy, vào tháng 8 năm 2024, [Báo cáo Phát triển Thế giới](#) thường niên của Ngân hàng Thế giới đã khuấy động dư luận khi cho rằng đã có 34 nền kinh tế thoát khỏi tình trạng là những nước có thu nhập trung bình để vươn lên trở thành những nước có thu nhập cao trong giai đoạn từ 1990 đến 2022.

Trong nhóm quốc gia mở rộng này có các quốc gia vùng Vịnh như Ả Rập Xê-út và Oman, ba quốc gia vùng Baltic, các quốc gia Trung và Đông Âu như Ba Lan và Romania, và các quốc gia Mỹ La Tinh như Chile và Uruguay.

Tại sao lại có sự thay đổi lớn như vậy? Lý do là Ngân hàng Thế giới đã hạ thấp ngưỡng để đánh giá một quốc gia có phải là quốc gia có thu nhập cao hay không. Vì vậy mà nhiều nước hơn đã có dịp được ghi tên mình trở thành một quốc gia phát triển và có thu nhập cao.

Thật vậy, vào năm 2012, ngưỡng để được coi là một nước có thu nhập cao khi nước đó có thu nhập bình quân đầu người [vượt quá 24% mức thu nhập quốc dân bình quân đầu người \(GNI per capita\) của Hoa Kỳ](#). Ngưỡng của năm 2012 này thấp hơn ngưỡng mà Ngân hàng Thế giới đặt ra vào năm 1990 là 30% GNI của Hoa Kỳ. Và ngưỡng của năm 2024 chỉ còn là 20% GNI của Hoa Kỳ, tức là 13.845 USD.

Năm 2023, [mức thu nhập quốc dân bình quân đầu người \(GNI per capita\) của Việt Nam](#) là 4.110 USD, chưa bằng một phần ba của tiêu chuẩn một nước thu nhập cao hiện nay là 13.845 USD.

Giả sử mức tăng trưởng trung bình của thu nhập quốc dân trên đầu người của Hoa Kỳ [là 2% một năm](#) như trong lịch sử. Năm 2023, [GNI per capita của Hoa Kỳ](#) là 80.300 USD. Vào năm 2045, tức 22 năm sau, GNI per capita của Hoa Kỳ sẽ là 124.142 USD.

Nếu như Ngân hàng Thế giới tiếp tục duy trì ngưỡng 20% GNI per capita của Hoa Kỳ để một nước được gọi là có thu nhập cao như trong năm 2024, mức này tương đương với 24.828 USD, hay xấp xỉ 25 ngàn USD.

Như vậy, trừ khi Ngân hàng Thế giới hạ thấp ngưỡng để được coi là một nước có thu nhập cao, Việt Nam cần phải nâng thu nhập bình quân đầu người của mình lên xấp xỉ 6 lần trong vòng 20 năm để có thể gia nhập vào nhóm thiểu số nước được xem là có thu nhập cao. Để có thể đạt được một mục tiêu như vậy, Việt Nam cần nâng mức tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người của mình lên xấp xỉ 10% mỗi năm trong suốt 20 năm tới.

Đây quả thực là một thách thức to lớn mà những mức tăng trưởng trong những năm vừa qua không cho thấy Việt Nam có đủ đòn bẩy để đạt tới. Trong suốt giai đoạn từ năm 1990 cho đến nay, mức [tăng trưởng GNI per capita của Việt Nam](#) chỉ dao động từ 3% đến 6%, hay xấp xỉ trung bình 5% mỗi năm, tức mức tăng trưởng hiện nay chỉ bằng một nửa yêu cầu tối thiểu để trở thành một nước thu nhập cao vào năm 2045.

Vì vậy mà có thể kết luận rằng trừ khi có những đột biến trong cải cách thể chế để có thể đưa Việt Nam sang một lộ trình tăng trưởng mới, Việt Nam sẽ không thể đạt được ngưỡng để được coi là nước có thu nhập cao vào năm 2045 và vì vậy chắc chắn rơi vào bẫy thu nhập trung bình.

14/2/2025

# Nghĩ về việc sắp xếp các đơn vị hành chính của quốc gia

Nguyễn Huy Vũ

Chính quyền Việt Nam đang dự định sáp nhập các tỉnh thành thêm một lần nữa. Tôi nghĩ đó là việc cần làm, tuy vậy, việc sáp nhập nó nên thực hiện như thế nào để hệ thống hiệu quả, ít xáo trộn là chuyện cần bàn.

Ai cũng thấy, một lãnh đạo chính quyền quốc gia không thể ngồi họp cùng lúc với lãnh đạo của 64 tỉnh thành hay 32 tỉnh thành để bàn chuyện quốc gia và phối hợp chính sách.

Hơn nữa, một tỉnh rất nhỏ thường không đủ nguồn lực về tài chính và năng lực lãnh đạo để có thể thực hiện những chính sách hữu hiệu trong khu vực họ quản lý. Vì vậy mà chuyện phân cấp và phân quyền không thể thực hiện được hiệu quả. Nếu không phân cấp và phân quyền, lãnh đạo quốc gia thay vì tập trung nguồn lực để thi hành chính sách vĩ mô lại phải ôm đồm thêm các chính sách ở cấp địa phương thông qua cơ chế xin và cho. Cuối cùng, chính sách ở cấp địa phương thì đứng lại, còn chính sách vĩ mô thì không thành hình vì lãnh đạo quốc gia đối mặt với sự quá tải công việc phải giải quyết.

Trong các chế độ dân chủ, một việc sáp nhập như vậy rất khó, vì các chính trị gia buộc phải thuyết phục công chúng bỏ phiếu cho những điều như vậy cho dù việc sáp nhập đó là đúng đắn, vì có một số người bị mất quyền lợi, như quan chức chẳng hạn.

Trong tình hình Việt Nam hiện nay, đảng Cộng sản với vị trí nắm giữ quyền lực duy nhất, họ ở trong một vị thế thuận lợi để thi hành một chuyện có lợi về lâu dài cho dân tộc.

Tuy vậy, vấn đề lớn hơn là làm sao thực hiện chuyện sáp nhập để quá trình nó diễn ra trôi chảy, hiệu quả, và nhiều người đồng tình với dự án đó thì sự sáp nhập đó mới có thể giữ được lâu dài. Đặng khi một chế độ khác lên kế thừa, họ sẽ tiếp tục mô hình đã có mà không phải thực hiện một cuộc cải cách nữa.

Tôi đề nghị như sau:

Chính quyền gồm 3 cấp: Quốc gia – Vùng (hay còn gọi là bang) – Huyện. Ngoài ra còn có cấp thôn tự quản, tự thu và chi, để lo cho các việc trong thôn, xóm.

Cấp huyện giữ nguyên địa giới như trước đây. Chính quyền xã được sáp nhập vào chính quyền huyện. Điều này sẽ dẫn đến việc tinh gọn bớt các cán bộ xã.

Chính quyền vùng sẽ thay chính quyền tỉnh để cai quản các tỉnh trong vùng; không còn chính quyền tỉnh. Các tỉnh vẫn giữ nguyên tên về mặt địa lý.

Như vậy, việc sắp xếp này sẽ không phải thay đổi tên địa lý các tỉnh, huyện hay xã, vốn thuộc về văn hoá, lịch sử, và sự gắn bó của người dân.

Tới đây thì nhiều người sẽ hỏi rằng sắp xếp các vùng như thế nào. Đây có thể nói là vấn đề gây tranh cãi lớn nhất. Tôi nghĩ Việt Nam có thể chia thành 11 vùng như sau, dựa vào địa lý:

(1) vùng Đông Bắc Bộ;

(2) vùng Tây Bắc Bộ;

(3) vùng Đồng Bằng Sông Hồng (trừ Hà Nội);

(4) Hà Nội;

(5) Bắc Trung Bộ;

(6) Tây Nguyên;

(7) Nam Trung Bộ;

(8) Đông Nam Bộ (trừ Sài Gòn);

(9) Sài Gòn;

(10) các tỉnh Tây Nam Bộ phía bắc sông Hậu (Tây Nam Bộ Bắc);

(11) và các tỉnh Tây Nam Bộ phía nam sông Hậu (Tây Nam Bộ Nam).

Sở dĩ vùng Tây Nam Bộ nên chia thành hai vùng vì vùng Tây Nam Bộ quá lớn và quá đông về dân số, gồm 13 tỉnh thành và có tới gần 18 triệu dân. Việc chia vùng Tây Nam Bộ làm hai vùng như vậy, trung bình mỗi vùng có gần 9 triệu dân. Sau khi phân bổ, mỗi vùng trên cả nước sẽ có từ gần 5 triệu đến 10 triệu dân.

Từ đề xuất này, một số điều chỉnh có thể cân nhắc thực hiện dựa trên các ý kiến đồng thuận. Một số ý kiến có thể cho rằng Sài Gòn và Hà Nội có diện tích quá nhỏ, cần thêm diện tích. Điều này có thể được thực hiện bằng cách gộp Sài Gòn hay Hà Nội với một hoặc hai tỉnh nữa. Một số khác có thể cho rằng Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, hay Tây Nguyên quá lớn, cần tách thành 2 vùng nhỏ hơn. Trong trường hợp như vậy, Việt Nam sẽ có thêm 3 vùng nữa là 14 vùng.

Việc người đứng đầu chính quyền quốc gia bàn thảo kế hoạch với 11 hay 14 người sẽ dễ dàng hơn rất nhiều so với việc ngồi với 64 hay 32 người.

10/11/2025.

# Giải Nobel Kinh Tế 2025 và Việt Nam

Nguyễn Huy Vũ

Giải Nobel Kinh tế năm nay được trao tặng cho Joel Mokyr, Philippe Aghion, và Peter Howitt cho những nghiên cứu nhằm giải đáp cách sáng tạo đã thúc đẩy tăng trưởng lâu dài cho nền kinh tế.

Joel Mokyr được nửa giải. Nửa giải còn lại được chia cho Philippe Aghion và Peter Howitt.

Ủy ban Nobel khen tặng Joel Mokyr vì những đóng góp của ông nhằm giải thích những điều kiện nền tảng giúp cho sự tăng trưởng bền vững dựa vào tiến bộ công nghệ. Mokyr đã giải thích một cách hệ thống điều mà những nhà quan sát chính trị ai cũng thấy, đó là sự tăng trưởng dựa vào công nghệ đứng trên hai điều kiện chính đó là văn hoá và thể chế — văn hoá sáng tạo và thể chế nuôi dưỡng sự sáng tạo đó.

Công nghệ có thể nảy sinh một cách tình cờ ở một vùng, nhưng để nó có thể lớn mạnh và phát triển đến mức đem lại nhiều công việc tốt và sự thịnh vượng của quốc gia thì nó cần một văn hoá sáng tạo của người dân ở vùng đó và cả những thể chế để hỗ trợ cho sự sáng tạo đó.

Vậy văn hoá sáng tạo ở đây là gì? Đó là văn hoá tò mò mang tính tri thức và sự cởi mở đối với các tư tưởng mới. Cả hai điều này chỉ có thể phát triển ở những xã hội tự do. Không phải tình cờ mà văn hoá này lớn mạnh ở châu Âu kể từ đầu thế kỷ 16, cùng với phong trào Khai sáng — phong trào xiển dương các giá trị tự do và thiết lập các thể chế nền tảng cho các chế độ dân chủ ngày nay.

Còn thể chế? Những thể chế hỗ trợ cho sự phát triển công nghệ có thể kể đến như quyền sở hữu tài sản, hệ thống bản quyền, và thị trường mở. Hay nói một cách ngắn gọn đó là quyền tư hữu — sự công nhận sở hữu cá nhân và cho phép cá nhân tự do mua bán những thứ thuộc về mình một cách tự do. Lịch sử nhân loại đã chỉ ra một điều đơn giản rằng quyền sở hữu khuyến khích nỗ lực của người chủ sở hữu. Có những điều không mới, nhưng để nó thuyết phục được sự chấp nhận của số đông không phải dễ, vì nó gắn liền với quyền lợi của nhiều người. Người Việt đã quá quen với câu nói “cha chung không ai khóc” — một tổ chức mà người tham gia không cảm thấy mình “sở hữu” nó thì không ai chịu làm việc, một dự án mà không ai có quyền “sở hữu” nó thì nó sẽ không chạy.

Các công trình quan trọng phải kể đến của Mokyr gồm *A Culture of Growth* (Văn Hoá Của Tăng Trưởng), *The Lever of Riches* (Đòn Bẩy Của Sự Giàu Có), và *The Gifts of Athena* (Những Món Quà Của Athena) — trong thần thoại Hy Lạp, Athena là nữ thần của trí tuệ.

Philippe Aghion và Peter Howitt phát triển những nghiên cứu của mình về “phá huỷ sáng tạo” dựa trên những ý kiến của Joseph Schumpeter — người đặt nền tảng cho khái niệm phá huỷ sáng tạo (creative destruction). Trong cuốn sách *Capitalism, Socialism and Democracy* (Tư Bản Chủ Nghĩa, Xã Hội Chủ Nghĩa, và Dân Chủ) của mình, Schumpeter đã trình bày khái niệm phá huỷ sáng tạo như là một động lực của các nền kinh tế tư bản. Giới doanh nhân trong các xã hội tư bản giới thiệu những công nghệ mới, những sản phẩm mới, hay những mô hình kinh doanh mới, và những điều mới này, nếu thành công, sẽ phá huỷ và thay thế những ngành công nghiệp cũ, mang lại tiến bộ về kinh tế cho xã hội. Xe hơi thay thế xe ngựa là một ví dụ. Sáng tạo, chứ không chỉ cạnh tranh hay hiệu quả, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế về lâu dài. Tuy vậy, sự phá huỷ sáng tạo này tạo ra sự mất ổn định khi những doanh nghiệp cũ phá sản và những công nhân của những ngành công nghiệp cũ bị mất việc. Sự xuất hiện của công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) trong thời đại ngày nay là một ví dụ khác. Các họa sỹ vẽ minh họa sẽ dần mất việc. Các lập trình viên cũng đang dần bị thay thế. Các giáo viên, bác sỹ, và nhiều nhân viên của các ngành khác cũng dần bị cho nghỉ việc, và một số ngành sẽ biết mất trong tương lai.

Nhưng không chỉ nói về sự phá huỷ sáng tạo trong xã hội tư bản, Schumpeter còn đặt góc nhìn của mình vào các chế độ xã hội chủ nghĩa — nơi mà chính quyền thông qua kế hoạch hoá tập trung kiểm soát toàn bộ nền kinh tế. Schumpeter đặt câu hỏi rằng liệu các chế độ xã hội chủ nghĩa có chạy được không như trong các xã hội tư bản. Schumpeter cuối cùng kết luận rằng về mặt lý thuyết thì các chế độ xã hội chủ nghĩa vẫn có thể chạy được, theo nghĩa là nó có thể phân bổ nguồn lực một cách có lý trí. Tuy vậy, nó sẽ đối mặt với hai thách thức. Thách thức đầu tiên đó là tính hiệu quả. Nó không thể nào biết được một cách chính xác nhu cầu và năng lực cung cấp hàng hoá của xã hội. Vì vậy mà trong các chế độ xã hội chủ nghĩa, người ta có thể sản xuất thừa một số mặt hàng trong khi lại thiếu một số mặt hàng khác. Đó là vì không có tự do sản xuất và trao đổi nên cơ chế giá cả của hàng hoá không tồn tại như trong các chế độ tư bản. Với giá cả, người ta sẽ biết mặt hàng nào thiếu, thường đi kèm với giá cao, và họ tập trung vào sản xuất để kiếm lợi và thị trường sẽ đẩy giá nó xuống vì nguồn cung đã trở nên dồi dào. Giá cả hình thành do quy luật cung cầu của thị trường và được vận hành bởi sự tham gia của vô số cá nhân trong nền kinh tế thị trường — điều này hoàn toàn thiếu vắng trong các chế độ xã hội chủ nghĩa khi mà nhà nước là tác nhân duy nhất, đóng vai người bán lẫn người mua.

Thách thức thứ hai, theo Schumpeter, đối với các chế độ xã hội chủ nghĩa đó là thiếu tính sáng tạo. Trong các xã hội này, không tồn tại các động lực đến từ doanh nhân để tạo ra các phá huỷ sáng tạo như trong các chế độ tư bản — vì trong các chế độ xã hội chủ nghĩa, làm gì có doanh nghiệp tư nhân. Vì thiếu tính sáng tạo này mà chế độ xã hội chủ nghĩa sẽ không vượt lên trên chế độ tư bản chủ nghĩa được — Schumpeter dự đoán như vậy.

Trở lại với các đóng góp của Philippe Aghion và Peter Howitt, hai kinh tế gia này đã thiết lập các mô hình kinh tế nội sinh dựa trên các ý tưởng của Schumpeter và đưa nó thành mô hình nền tảng để nghiên cứu về tác động của phá huỷ sáng tạo lên nền kinh tế. Công trình đầu tiên trình bày cái mà giới kinh tế hay gọi là Schumpeterian growth model (Mô hình tăng trưởng kinh tế Schumpeter) đăng trên tập san *Econometrica* với tên *A Model of Growth Through Creative Destruction* (Một Mô Hình Tăng Trưởng Nội Sinh Dựa Trên Phá Huỷ Sáng Tạo). Sau đó, các tác giả khai triển thêm để viết thành cuốn sách *Endogenous Growth Theory* (Lý Thuyết Tăng Trưởng Nội Sinh). Từ lý thuyết này, các tác giả đã ứng dụng nó sang các lĩnh vực khác nhau như bất bình đẳng hay biến đổi khí hậu — điều mà độc giả có thể tìm thấy trong cuốn sách gần nhất mà Aghion viết chung với Céline Antonin và Simon Bunel, *The Power of Creative Destruction* (Sức Mạnh Của Phá Huỷ Sáng Tạo).

## BÀI HỌC NÀO CHO VIỆT NAM

Rõ ràng, nếu độc giả đã đọc qua đoạn trên chắc sẽ không thể nào không liên tưởng đến trường hợp của nước Việt Nam — đất nước đã chính thức kết thúc chế độ xã hội chủ nghĩa trên thực tế với những hậu quả mà các nhà kinh tế phương Tây như Schumpeter đã nhìn thấy gần một thế kỷ trước. Sự duy trì mô hình xã hội chủ nghĩa chính nó đã kìm hãm sự sáng tạo của quốc gia, gây nên sự khủng hoảng kinh tế khi mà cung và cầu hàng hoá không đáp ứng lẫn nhau, và quan trọng nhất là không có sự sở hữu tư nhân khiến cho năng lực sản xuất không thể nào phát huy được.

Ngày nay, dù vẫn hô hào “định hướng xã hội chủ nghĩa”, lý tưởng xã hội chủ nghĩa thực chất đã được đem chôn. Tuy vậy, chế độ Việt Nam chưa thể gọi là một chế độ tư bản tự do. Nó là một sự thiết lập nửa vời chế độ tư bản cho nền kinh tế, trong khi giữ những đặc quyền xã hội chủ nghĩa về chính trị. Giới doanh nhân được khuyến khích hoạt động ở những lĩnh vực được sự cho phép của đảng Cộng sản; một số doanh nhân có quyền nhiều hơn những doanh nhân khác. Sự tồn tại của thị trường mở, nơi những doanh nhân được phép trao đổi những sản phẩm của mình đã đáp ứng nhu cầu cơ bản và giúp ổn định nền kinh tế. Nhưng sự thiếu vắng tự do đã ngăn sự phát triển và đón

nhận những ý kiến mới. Sự thiếu ý kiến mới đến lượt nó khiến cho xã hội trì trệ và không thể sáng tạo. Việc thiếu sáng tạo cuối cùng khiến cho nền kinh tế không thể tăng trưởng bền vững về lâu dài. Cho đến gần đây, sự tăng trưởng của Việt Nam chủ yếu đến từ đầu tư vào hạ tầng và xây dựng. Nhưng sự tăng trưởng này không thể giúp Việt Nam tiến bộ về công nghệ, vốn là nền tảng để tạo nên đà tăng trưởng trong lâu dài như các nghiên cứu đã đề cập ở trên.

Đến đây, có một câu hỏi lớn hơn đó là mô hình nào sẽ giúp Việt Nam phát triển. Trong cuốn sách *Entrepreneurial State* (Nhà Nước Khởi Nghiệp), Mariana Mazzucato, một kinh tế gia cánh tả, lập luận rằng nhà nước nên đóng vai trò là người dẫn dắt cho sự phát triển những công nghệ mũi nhọn, bởi vì đó là những lãnh vực chịu nhiều rủi ro, nhiều tốn kém, và các doanh nghiệp bình thường sẽ không muốn đầu tư. Nhưng sẽ có lợi nếu sau khi sự đầu tư của nhà nước tạo ra những kết quả ban đầu, giới doanh nhân được phép tiếp cận những công nghệ đột phá này và phát triển nó vì mục đích thương mại. Việc ứng dụng công nghệ vì mục tiêu thương mại sẽ giúp quốc gia dẫn đầu về công nghệ đột phá đó, giúp tăng năng suất lao động, tạo ra sự thịnh vượng chung, và trong nhiều trường hợp, công nghệ đó vừa được dùng cho dân sự lẫn quân sự. Mazzucato dẫn ra các ví dụ về các công nghệ được dùng trong iPhone, được sản xuất bởi Apple. Lý tưởng ban đầu của Apple là sản xuất ra những sản phẩm điện tử bằng cách ứng dụng các công nghệ tiên tiến có sẵn. Với lý tưởng đó, iPhone đã tích hợp các ứng dụng từ Internet, màn hình cảm ứng, GPS, các ứng dụng của bộ vi xử lý, cho tới công nghệ nhận diện giọng nói SIRI, vốn là các ứng dụng được phát triển bởi các cơ quan nghiên cứu của Bộ Quốc phòng của Hoa Kỳ. Hay gần đây hơn là câu chuyện NASA hợp tác với SpaceX của tỉ phú Elon Musk và Blue Origin của tỉ phú Jeff Bezos để phát triển ngành công nghệ không gian.

Nhưng để phát triển một “nhà nước khởi nghiệp” như lý tưởng của Mazzucato nó phải đi kèm với một thể chế minh bạch và một chính quyền có năng lực. Để bảo đảm cả hai điều này, nó phải dựa trên một nền dân chủ ổn định, khi người dân có thể chọn được những lãnh đạo có năng lực, hệ thống công chức dựa trên nhân tài, và các đảng đối lập luôn đóng vai trò kiểm soát chính phủ nhằm ngăn chặn lạm quyền, tham nhũng, và sự bất tài. Còn ngược lại, nếu không có những điều đó, việc chính phủ được quyền tự do đem tài sản đi đầu tư chỗ này chỗ kia nó chỉ là cơ hội để giới chức chính quyền kiểm soát. Các dự án phát triển tập đoàn của Việt Nam được tô vẽ là những quả đấm thép thực chất là các máy rút tiền của quan chức Đảng.

Tóm lại, sự thịnh vượng của Việt Nam về lâu dài không thể tránh khỏi con đường dân chủ hoá. Lịch sử nhân loại đã chỉ ra rằng tự do là nền tảng của thịnh vượng. Chẳng phải nhờ ở tự do hơn về kinh tế — bao gồm quyền sở hữu một số tài sản và quyền tự do trao đổi nó — mà xã hội Việt Nam đã trở nên thịnh vượng hơn sao? Nhưng sự tự do này hiện đang bị ngăn lại ở các quyền tự do về thể hiện suy nghĩ, quyền tự do thông tin, quyền tự do xuất bản, và quyền tự do trong chính trị, trong đó có các quyền bầu cử và ứng cử. Một xã hội không thể tiến lên được nếu người lãnh đạo nó không phải là những người khôn ngoan nhất. Một xã hội không thể lý trí và sáng suốt hơn nếu tri thức bị ngăn chặn bởi sự kiểm soát trong quyền xuất bản, báo chí, ngôn luận, và phản biện. Và một xã hội không thể sáng tạo hơn nếu nó không thể chấp nhận những ý kiến khác biệt.

13/10/2025

# Tô Lâm muốn thành Phác Chính Hy và Lý Quang Diệu?

---

**Nguyễn Huy Vũ**

Một người lãnh đạo quốc gia với đầu óc bình thường đều có ước muốn đem lại giàu mạnh cho nước mình và được mọi người yêu mến hay khâm phục. Ông Tô Lâm cũng như vậy, và vì lý do nào đó mà nếu ông muốn (?) trở thành Phác Chính Hy của Hàn Quốc hay Lý Quang Diệu của Singapore cũng là điều bình thường. Có điều là liệu ông có làm được điều đó hay không, và ông có thể làm được những gì trong hoàn cảnh hiện nay.

Điểm chung đầu tiên của Hàn Quốc và Singapore khi Phác Chính Hy và Lý Quang Diệu chấp chính đó là thời điểm cả hai phe quốc gia và cộng sản đấu tranh mãnh liệt. Độc tài cánh hữu mà chống cộng mãnh liệt như Phác Chính Hy và Lý Quang Diệu càng được Mỹ và các đồng minh hỗ trợ một cách nhiệt tình. Với sự hỗ trợ hết mình của Mỹ từ kinh tế cho tới công nghệ, Hàn Quốc và Singapore mới có thể cất cánh được. Hãy tưởng tượng xem có nước nào không được Mỹ hỗ trợ mà có thể trở thành cường quốc không? Không thể có. Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, Singapore — đó đều là các đối tác châu Á giàu có nhờ biết tận dụng mối quan hệ với Mỹ. Ngay cả với Trung Quốc hiện nay, họ đã ẩn mình chờ thời để trở nên lớn mạnh cũng nhờ ở công nghệ và thị trường Mỹ.

Điểm chung thứ hai đó là họ biết nuôi dưỡng tư bản tự do. Dù họ bị xem là độc tài về chính trị và kèm chế độ lập, dưới chế độ của Phác Chính Hy và Lý Quang Diệu, cả hai nước đều hỗ trợ tư bản và doanh nghiệp, họ thực hiện các chính sách kinh tế tự do tuân theo nguyên lý thị trường.

Các cổ vấn kinh tế của Phác Chính Hy được gọi là Nhóm Chicago (Chicago Boys), những người chịu ảnh hưởng của trường phái kinh tế tự do, tức chính quyền để cho các doanh nghiệp được tự do cạnh tranh và chính quyền chỉ đứng ở sau hỗ trợ các doanh nghiệp một cách công bằng. Phác Chính Hy đã thực hiện các chính sách kinh tế tự do của mình đúng như khuyến nghị của nhóm Chicago này. Nhưng sau đó Phác Chính Hy đã đi xa hơn bằng cách hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu. Lý do là Hàn Quốc lúc bấy giờ cần ngoại tệ để trả nợ, duy trì nền kinh tế, và nhập máy móc để công nghiệp hoá, và thị trường trong nước còn quá nhỏ. Một lý do khác là Hàn Quốc nhìn thấy

những thành công từ Nhật Bản, một nước đã rất thành công trong chính sách tăng trưởng dựa vào xuất khẩu. Các đại doanh nghiệp (chaebol) của Hàn Quốc nhận được những hỗ trợ khác nhau từ tài chính, đất đai, thuế và cả bảo hộ thị trường nội địa nhằm mục đích xuất khẩu. Tuy vậy, chính quyền kiểm soát chặt chẽ hệ thống ngân hàng, tránh trường hợp ngân hàng là sân sau của các đại doanh nghiệp.

Singapore cũng theo đuổi chiến lược phát triển kinh tế dựa vào xuất khẩu. Nhưng khác Hàn Quốc ở chỗ là nếu Hàn Quốc tập trung vào xuất khẩu hàng điện tử và công nghiệp nặng, thì Singapore tập trung vào xuất khẩu dịch vụ tài chính, cung cấp dịch vụ cảng biển và vận chuyển. Cố vấn kinh tế cho Lý Quang Diệu ở thời kỳ đầu là Albert Winsemius, một kinh tế gia người Hà Lan. Những kinh nghiệm phát triển một nền kinh tế dựa vào cảng biển và hệ thống thương mại quốc tế được Albert Winsemius giới thiệu với Lý Quang Diệu. Singapore vì vậy ngay từ đầu đã mở cửa hoàn toàn nền kinh tế của mình. Từ chỗ phát triển và cung cấp dịch vụ, Singapore dần dần phát triển để trở thành một trung tâm khởi nghiệp, đón nhận tất cả các doanh nghiệp điện tử, công nghệ, và y sinh học hiện diện ở đây. Nếu như Hàn Quốc hỗ trợ các đại công ty thì Singapore xây dựng mô hình nhà nước như một đại công ty Singapore Inc. mà ở đó nhà nước đóng vai trò chủ động trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng, thu hút đầu tư, và khởi xướng các ngành công nghiệp trọng điểm. Có vài lý do để Singapore làm được như vậy. Lý do đầu tiên là họ có những lãnh đạo trong sạch và có năng lực quản trị. Lý do thứ hai là Singapore quá nhỏ, dân số quá ít, nên dễ quản lý và tư bản không nhiều mà một số ngành công nghiệp đòi hỏi vốn lớn và nhiều rủi ro. Và lý do thứ ba là nếu Singapore chỉ phụ thuộc vào dịch vụ và thương mại thì không đủ để đa dạng hoá nền kinh tế, vì vậy nếu muốn nền kinh tế trở nên cân bằng trước các rủi ro buộc lãnh đạo phải có tầm nhìn mà đa dạng hoá đầu tư vào các lĩnh vực khác nhau, không chỉ dịch vụ mà cả sản xuất và đầu tư ra bên ngoài. Đó là lý do mà Singapore còn có cả một quỹ đầu tư của nhà nước.

Điểm chung thứ ba là cả hai nước đều trọng nhân tài một cách thực chất. Singapore từ lâu là một cái nôi để nhân tài khắp nơi, đặc biệt là châu Á, đổ về làm việc, đầu tư và học tập. Ở đây, từ người dân đến quan chức chính phủ ai cũng khắc ghi trong lòng rằng nhờ có nhân tài thế giới mà Singapore có được như ngày hôm nay. Mỗi cuối năm, trong các thông điệp của chính quyền, người lãnh đạo quốc gia đều nhắc đến sự đóng góp của nhân tài nước ngoài cho sự thịnh vượng của Singapore. Hàn Quốc cũng tương tự. Ngay từ lúc chấp chính Phác Chính Hy đã đón nhận các chuyên gia được đào tạo từ Chicago để lắng nghe và thi hành các chính sách kinh tế tự do theo khuyến nghị của họ. Cả hai nước không chỉ đón nhận nhân tài nước ngoài mà họ còn mở các trường đại học, các viện nghiên cứu để đào tạo nhân tài cho nước mình và khắp thế giới. Ngày nay, ai cũng

biết các trường đại học của Singapore và Hàn Quốc thuộc nhóm những trường tốt nhất về học thuật và nghiên cứu ở châu Á và thế giới.

Điểm chung thứ tư là cả hai nước dưới thời Phác Chính Hy và Lý Quang Diệu đã tập trung xây dựng hệ thống công chức chuyên nghiệp và một nền hành chính hiệu quả. Ở cả hai nước, công chức được chọn lựa một cách cạnh tranh. Họ phải được thi tuyển một cách công bằng và minh bạch. Công chức sau đó sẽ trải qua các khoá đào tạo khác nhau về quản lý công, phát triển kỹ năng lãnh đạo và quản lý dự án, từ trong nước và nước ngoài. Chế độ đãi ngộ xứng đáng và cơ hội thăng tiến đã giúp thu hút những cá nhân xuất sắc cho hệ thống công chức. Nhờ có hệ thống công chức chuyên nghiệp, các chính sách công nghiệp hoá mới có thể được triển khai một cách hiệu quả.

Tóm lại, những bài học về sự thành công ở trên của Hàn Quốc và Singapore, một cách tổng quan, dựa chủ yếu vào chính sách ngoại giao, chính sách kinh tế, chính sách đãi ngộ nhân tài, và chính sách xây dựng hệ thống hành chính hiệu quả. Lẽ dĩ nhiên từ những trụ cột này, các chính sách khác được khai triển thêm. Tuy vậy, đó là những chính sách trụ cột làm nên sự thịnh vượng của một quốc gia.

Nhìn lại những bài học thành công ở trên của Hàn Quốc và Singapore dưới sự lãnh đạo của Phác Chính Hy và Lý Quang Diệu, bạn nghĩ Tổng bí thư Tô Lâm có bao nhiêu phần trăm khả năng thành công? Tôi nghĩ không nhiều.

Việt Nam ngày nay dưới chế độ cộng sản không dựa vào Mỹ như Hàn Quốc và Singapore, mà theo chính sách đi dây giữa Trung Quốc và Mỹ. Khi đi dây như vậy, bạn không có bạn thân nhưng bạn có thể có kẻ thù.

Kinh tế Việt Nam vẫn còn bị can thiệp nặng nề bởi nhà nước và nhóm tư bản thân hữu. Tệ hơn nữa, phía sau các đại công ty của Việt Nam là các ngân hàng. Các ngân hàng này thay vì chọn những dự án tốt nhất để đầu tư nhằm tăng năng suất chung cho nền kinh tế thì chỉ bỏ tiền cho những dự án của các ông chủ của mình. Hệ thống hành chính Việt Nam không có phân quyền đáng kể và các chính quyền địa phương không có khả năng và không có trách nhiệm phát triển kinh tế địa phương. Hậu quả là chỉ có một số doanh nghiệp lớn có quan hệ chính trị với quan chức trung ương thì phát triển nhanh chóng, còn phần còn lại thì bị chèn ép hoặc bỏ rơi tự xoay sở ở địa phương nếu không có quan hệ chính trị.

Giới lãnh đạo Việt Nam hiện nay dị ứng với phản biện và như vậy thì làm sao đón nhận được nhân tài? Đi xa hơn, muốn phát triển những trường đại học và những viện nghiên cứu hàng đầu thì phải có tự do học thuật, tự do ngôn luận, tự do phản biện, và tự do thông tin, ít nhất là trong khuôn viên nhà trường, và sau khi có những thứ tự do trong khuôn viên nhà trường rồi thì sớm muộn gì nó cũng sẽ lan ra toàn xã hội. Vậy thì lãnh đạo Việt Nam có dám chấp nhận tự do ngôn luận và phản biện chẳng? Nếu không dám chấp nhận thì làm sao xây được những môi trường học thuật hàng đầu của khu vực và thế giới? Không có nhân tài thì lấy ai xây dựng quốc gia?

Và cuối cùng, để chính quyền có thể thực thi chính sách hiệu quả, nó cần một hệ thống công chức chuyên nghiệp được tuyển chọn công khai, minh bạch, và dựa trên năng lực. Nhưng nếu tuyển công chức như vậy thì lẽ nào phải giải tán các chi bộ đảng Cộng sản ở cơ sở? Những thành phần “con cháu các cụ” nằm trong hệ thống mà không có năng lực giờ phải đi đâu về đâu?

Sau một năm cầm quyền, ngoại trừ việc hô hào và giương cao những khẩu hiệu sáo rỗng, không thực chất như “kỷ nguyên mới”, “sắp xếp lại giang sơn”, tôi không thấy Tô Lâm thực hiện được những cải cách mang tính thực chất. Kể cả chuyện sắp xếp lại các cơ quan hành chính. Việc sắp xếp lại các hệ thống hành chính là việc phải làm, và có nhiều cách khác nhau đáng lẽ có thể thực hiện được nhằm làm cho hệ thống chạy hiệu quả hơn nhưng Tô Lâm và nhóm cố vấn của ông ta đã bỏ qua. Một ví dụ là chỉ cần giữ lại chính quyền huyện và hình thành các chính quyền vùng đại diện quản lý các tỉnh trong vùng là đủ. Không cần phải đổi tên các tỉnh, huyện hay xã, để tránh rối loạn hệ thống. Với các phương tiện giao thông phổ biến như hiện nay, người dân dễ dàng lên huyện để thực hiện các thủ tục giấy tờ. Các đầu mối từ tỉnh và vùng xuống huyện cũng không nhiều, dễ quản lý. Từ những chuyện nhỏ như vậy mà chính quyền của ông Tô Lâm không thể giải quyết được thì mong gì ông có thể giải quyết được những chuyện lớn, phức tạp hơn nhiều?

1/8/2025

# Hệ thống chính quyền của Hoa Kỳ

Bản tiếng Anh: [Our Government](#), White House.

Nguyễn Huy Vũ dịch.

Chính quyền Liên bang Hoa Kỳ được cấu thành từ ba nhánh quyền lực riêng biệt và độc lập: **lập pháp**, **hành pháp** và **tư pháp**. Các quyền hạn của ba nhánh này được Hiến pháp Hoa Kỳ trao cho **Quốc hội**, **Tổng thống** và **các tòa án liên bang** một cách tương ứng.

Những quyền hạn không được Hiến pháp trao cho Chính quyền Liên bang thì được dành lại cho **các tiểu bang** và **nhân dân**; tại cấp tiểu bang, các quyền hạn này tiếp tục được phân chia giữa chính quyền tiểu bang và chính quyền địa phương.

Tất cả các chính quyền tiểu bang tại Hoa Kỳ đều được tổ chức **theo mô hình của chính quyền liên bang**, bao gồm ba nhánh quyền lực độc lập: **hành pháp**, **lập pháp** và **tư pháp**.

**Hiến pháp Hoa Kỳ** (Điều IV, khoản 4) quy định rằng mọi tiểu bang đều phải duy trì một hình thức chính thể **cộng hòa** (republican form of government). Tuy nhiên, Hiến pháp **không bắt buộc** các tiểu bang phải áp dụng chính xác cơ cấu ba nhánh như chính quyền liên bang.

Trong thực tế, từ năm 1776 đến nay, **tất cả 50 tiểu bang** đều tự nguyện lựa chọn mô hình ba nhánh quyền lực phân lập – với Thống đốc (hoặc tương đương) đứng đầu nhánh hành pháp, nghị viện lưỡng viện (trừ Nebraska chỉ có một viện) đảm nhiệm lập pháp, và hệ thống tòa án tiểu bang độc lập thực thi tư pháp – nhằm bảo đảm sự cân bằng và kiểm soát quyền lực tương tự như ở cấp liên bang.

Như vậy, dù Hiến pháp chỉ yêu cầu hình thức cộng hòa mà không quy định chi tiết cấu trúc, mô hình ba nhánh đã trở thành **tiêu chuẩn thực tiễn thống nhất** trên toàn lãnh thổ Hoa Kỳ, phản ánh nguyên tắc phân quyền cốt lõi của hệ thống chính trị liên bang.

Dưới đây là cấu trúc của ba nhánh, lập pháp, hành pháp, và tư pháp, của chính quyền liên bang.

## CHƯƠNG 1. NHÁNH LẬP PHÁP

Theo quy định tại Điều 1 của Hiến pháp, nhánh lập pháp bao gồm Hạ viện (House of Representatives) và Thượng viện (Senate), hợp thành Quốc hội Hoa Kỳ (United States Congress). Hiến pháp trao cho Quốc hội quyền độc nhất trong việc ban hành luật, tuyên bố chiến tranh, quyền phê chuẩn hoặc bác bỏ nhiều đề cử của Tổng thống, cũng như các quyền điều tra đáng kể.

## 1. Hạ viện Hoa Kỳ (House of Representatives)

Gồm **435 dân biểu được bầu trực tiếp**, phân bổ theo dân số mỗi tiểu bang (cứ khoảng 760.000 dân được 1 ghế).

Ngoài ra có **6 thành viên không có quyền biểu quyết** đại diện cho Đặc khu Columbia, Puerto Rico và 4 lãnh thổ khác.

Các dân biểu có nhiệm kỳ là **2 năm**. Toàn bộ Hạ viện bầu lại cùng lúc mỗi hai năm.

Yêu cầu của dân biểu gồm: ít nhất là **25 tuổi**, là công dân Mỹ ít nhất **7 năm**, cư trú tại tiểu bang mình đại diện.

**Chủ tịch Hạ viện** (Speaker of the House) do các dân biểu bầu, đứng thứ 3 trong danh sách kế vị Tổng thống.

Quyền độc quyền của Hạ viện gồm:

- Khởi xướng mọi dự luật về ngân sách/thuế (revenue bills);
- Luận tội quan chức liên bang (impeachment);
- **Bầu Tổng thống nếu đoàn Cử tri đoàn không có ứng viên nào đạt đa số tuyệt đối.**

### Cơ chế Hạ viện bầu Tổng thống (Tu chính án thứ 12):

Khi không ứng viên nào đạt **tối thiểu 270/538** phiếu cử tri đoàn:

- Quyền bầu Tổng thống chuyển về **Hạ viện**.
- **Mỗi tiểu bang chỉ có đúng 1 phiếu** (dù có 1 hay 50 dân biểu).
- Đoàn dân biểu mỗi tiểu bang họp riêng → bỏ phiếu nội bộ → **Tiểu bang nào có đa số dân**

**biểu bỏ phiếu cho ứng viên nào thì toàn bộ tiểu bang đó được tính 1 phiếu** cho ứng viên đó.

- Ứng viên cần **ít nhất 26/50 phiếu tiểu bang** mới đắc cử.
- Nếu không bầu xong trước ngày 20/1 → Phó Tổng thống đắc cử sẽ làm Quyền Tổng thống.

## **2. Thượng viện (Senate)**

Gồm 100 thượng nghị sĩ, mỗi tiểu bang có 2 người. Trước khi Tu chính án thứ 17 được phê chuẩn năm 1913, thượng nghị sĩ do nghị viện tiểu bang bầu; từ đó trở đi, họ được dân chúng mỗi tiểu bang bầu trực tiếp với nhiệm kỳ 6 năm.

Nhiệm kỳ được sắp xếp so le sao cho cứ **mỗi 2 năm** có khoảng **một phần ba** số ghế được bầu lại.

Thượng nghị sĩ phải đủ 30 tuổi, là công dân Hoa Kỳ ít nhất 9 năm, và là cư dân của tiểu bang mình đại diện.

Phó Tổng thống Hoa Kỳ kiêm nhiệm Chủ tịch Thượng viện và có quyền bỏ phiếu quyết định trong trường hợp biểu quyết hòa.

Thượng viện nắm quyền độc quyền trong hai lĩnh vực: phê chuẩn các đề cử nhân sự của Tổng thống; và phê chuẩn hiệp ước quốc tế.

Tuy nhiên có hai ngoại lệ:

(1) Hạ viện cũng phải phê chuẩn việc bổ nhiệm Phó Tổng thống và mọi hiệp ước liên quan đến thương mại quốc tế.

(2) Xét xử các vụ luận tội do Hạ viện khởi xướng.

## **3. Thông qua dự luật**

Để một dự luật trở thành luật và được trình Tổng thống ký ban hành, cả Hạ viện và Thượng viện phải thông qua cùng một văn bản dự luật bằng đa số phiếu.

Nếu Tổng thống phủ quyết (veto), Quốc hội có thể vượt qua phủ quyết bằng cách thông qua lại dự luật ở cả hai viện với **ít nhất 2/3 số phiếu tán thành tại mỗi viện**.

Như vậy, cơ chế lưỡng viện cùng với nguyên tắc kiểm soát và cân bằng quyền lực đã tạo nên một hệ thống lập pháp vừa đại diện cho dân chúng (Hạ viện) vừa bảo vệ quyền lợi tiểu bang và sự thận trọng trong quyết sách (Thượng viện), đồng thời thiết lập các rào chắn hiệu quả chống lại sự lạm quyền của nhánh hành pháp.

#### 4. Quy trình lập pháp tại Quốc hội Hoa Kỳ

##### (1) Trình dự luật

Bước đầu tiên của quy trình lập pháp là việc **trình dự luật** (bill) lên Quốc hội. Bất kỳ ai cũng có thể soạn thảo dự luật, song chỉ có **thành viên Quốc hội** (dân biểu hoặc thượng nghị sĩ) mới có quyền chính thức trình dự luật. Một số dự luật quan trọng theo thông lệ được trình theo đề nghị của Tổng thống, ví dụ như dự luật ngân sách liên bang hàng năm. Trong quá trình lập pháp, nội dung dự luật ban đầu có thể trải qua những thay đổi đáng kể.

##### (2) Chuyển giao cho ủy ban chuyên môn

Sau khi được trình, dự luật sẽ được chuyển đến **ủy ban thích hợp** để xem xét.

- Thượng viện có **17 ủy ban** với **70 tiểu ban**.
- Hạ viện có **23 ủy ban** với **104 tiểu ban**. Số lượng và cơ cấu các ủy ban không cố định mà thay đổi theo từng kỳ Quốc hội nhằm bảo đảm hiệu quả xem xét lập pháp. Mỗi ủy ban phụ trách một lĩnh vực chính sách cụ thể, còn các tiểu ban đảm nhận những khía cạnh chuyên sâu hơn (ví dụ: Ủy ban Thuế vụ Hạ viện – House Committee on Ways and Means – có các tiểu ban về An sinh Xã hội và Thương mại).

##### (3) Xem xét tại tiểu ban và ủy ban toàn phần

Dự luật trước tiên được xem xét tại **tiểu ban**, nơi nó có thể được chấp thuận, sửa đổi hoặc bác bỏ hoàn toàn. Nếu tiểu ban đồng ý đưa dự luật tiến lên, nó sẽ được **báo cáo** lên ủy ban toàn phần và quy trình tương tự được lặp lại.

Trong giai đoạn này, các ủy ban và tiểu ban tổ chức **phiên điều trần** để đánh giá ưu điểm và nhược điểm của dự luật. Họ mời chuyên gia, đại diện các nhóm lợi ích và những người phản đối ra điều trần; khi cần thiết, ủy ban có thể sử dụng **lệnh triệu tập** (subpoena) để buộc cá nhân ra trình diện.

#### (4) Đưa ra toàn thể nghị viện (floor)

Nếu ủy ban toàn phần biểu quyết thông qua, dự luật được **báo cáo** lên sàn Hạ viện hoặc Thượng viện. Lãnh đạo đảng đa số quyết định thời điểm đưa dự luật vào lịch nghị sự. Các dự luật khẩn cấp có thể được xem xét ngay lập tức; những dự luật khác có thể phải chờ hàng tháng hoặc thậm chí không bao giờ được xếp lịch.

#### (5) Tranh luận và biểu quyết

- **Hạ viện:** Quy trình tranh luận rất có cấu trúc, mỗi thành viên chỉ được phát biểu vài phút, số lượng và loại sửa đổi bị giới hạn nghiêm ngặt.
- **Thượng viện:** Tranh luận về hầu hết dự luật là **không giới hạn thời gian**. Thượng nghị sĩ có thể phát biểu lạc đề và đưa ra bất kỳ sửa đổi nào. Họ có thể sử dụng chiến thuật **filibuster** (nói kéo dài không chịu nhường lời) để trì hoãn biểu quyết. Để chấm dứt filibuster, cần **siêu đa số 60 thượng nghị sĩ** thông qua thủ tục kết thúc tranh luận (**cloture**). Sau khi tranh luận kết thúc, dự luật được thông qua bằng **đa số đơn giản**.

#### (6) Hòa giải giữa hai viện

Dự luật phải được **cả Hạ viện và Thượng viện thông qua với cùng một nội dung văn bản**. Trong thực tế, điều này hiếm khi xảy ra ngay từ đầu. Để thống nhất hai phiên bản, một **Ủy ban Hòa giải** (Conference Committee) gồm thành viên của cả hai viện được thành lập. Ủy ban này soạn thảo **báo cáo hòa giải** – được xem là phiên bản cuối cùng của dự luật. Mỗi viện sau đó biểu quyết lại để phê chuẩn báo cáo hòa giải. Văn bản cuối cùng sẽ được Thư ký Hạ viện hoặc Thư ký Thượng viện (tùy nơi khởi xướng) hoàn thiện, trình Chủ tịch Hạ viện và Chủ tịch Thượng viện ký, rồi chuyển đến Tổng thống.

#### (7) Thẩm quyền của Tổng thống

Khi nhận được dự luật từ Quốc hội, Tổng thống có các lựa chọn sau:

- a. **Ký ban hành**: Dự luật trở thành luật và được in trong Bộ luật Tổng hợp (Statutes at Large).
- b. **Phủ quyết (veto)**: Trả lại Quốc hội kèm lý do. Quốc hội có thể vượt qua phủ quyết bằng **2/3 phiếu tán thành tại mỗi viện**, khi đó dự luật trở thành luật mà không cần chữ ký Tổng thống.
- c. **Không hành động trong 10 ngày (không kể Chủ nhật)** khi Quốc hội đang họp → dự luật tự động trở thành luật.
- d. **Phủ quyết gián tiếp (pocket veto)**: Nếu Quốc hội giải tán trước khi hết 10 ngày và Tổng thống không ký → dự luật bị hủy hoàn toàn; Quốc hội muốn thông qua lại phải bắt đầu toàn bộ quy trình từ đầu.

Như vậy, quy trình lập pháp Hoa Kỳ là một cơ chế phức tạp, đa tầng, được thiết kế nhằm bảo đảm sự cân nhắc kỹ lưỡng, sự đại diện đa dạng và các rào chắn chống lại việc ban hành luật một cách vội vã hoặc lạm quyền.

## 5. Quyền hạn của Quốc hội Hoa Kỳ

Quốc hội, với tư cách là một trong ba nhánh quyền lực ngang nhau của chính quyền liên bang, được Hiến pháp trao cho những quyền hạn quan trọng và rộng lớn. Toàn bộ **quyền lập pháp** của chính quyền được tập trung vào Quốc hội, nghĩa là chỉ có Quốc hội mới có thẩm quyền ban hành luật mới hoặc sửa đổi các đạo luật hiện hành. Các cơ quan thuộc nhánh hành pháp tuy có thể ban hành các quy định hành chính mang hiệu lực pháp luật, nhưng các quy định này chỉ được thực hiện trong khuôn khổ thẩm quyền do các đạo luật của Quốc hội trao cho. Tổng thống có quyền phủ quyết các dự luật do Quốc hội thông qua, song Quốc hội có thể vượt qua quyền phủ quyết đó bằng **phiếu tán thành của hai phần ba** thành viên tại cả Thượng viện và Hạ viện.

**Điều 1** của Hiến pháp liệt kê cụ thể các quyền hạn của Quốc hội và những lĩnh vực mà Quốc hội được phép lập pháp. Đồng thời, Quốc hội còn được trao quyền ban hành các đạo luật được coi là **“cần thiết và thích đáng”** (necessary and proper) để thực thi các quyền hạn mà Hiến pháp quy định cho bất kỳ thành phần nào của chính quyền liên bang – điều khoản này thường được gọi là **Điều khoản Linh hoạt** (Elastic Clause).

Một phần quan trọng trong việc thực thi quyền lập pháp của Quốc hội là việc **xây dựng ngân sách hàng năm** cho chính phủ. Để thực hiện điều đó, Quốc hội áp đặt các loại thuế và thuế quan nhằm tạo nguồn thu cho các dịch vụ công thiết yếu. Trong trường hợp nguồn thu không đủ để đáp ứng nhu cầu chi tiêu, Quốc hội có thể cho phép vay nợ để bù đắp khoản thiếu hụt. Quốc hội cũng có quyền chỉ định chi tiêu cho những mục tiêu cụ thể thông qua cơ chế **chi tiêu theo chỉ đạo lập pháp** (legislatively directed spending), thường được gọi là “**earmarks**” – tức là phân bổ ngân sách trực tiếp cho một dự án cụ thể thay vì dành cho một cơ quan hành pháp.

Cả hai viện của Quốc hội đều sở hữu **quyền điều tra rộng lớn** và có thể buộc cá nhân hoặc tổ chức cung cấp chứng cứ hoặc lời khai vì bất kỳ mục đích nào mà Quốc hội cho là cần thiết. Các thành viên Quốc hội dành phần lớn thời gian tổ chức các phiên điều trần và điều tra trong khuôn khổ ủy ban. Việc từ chối tuân thủ **lệnh triệu tập** của Quốc hội có thể dẫn đến cáo buộc **khinh thường Quốc hội** (contempt of Congress), hậu quả có thể là tù giam.

Thượng viện giữ một số quyền hạn độc quyền:

- Phê chuẩn các hiệp ước quốc tế bằng **phiếu siêu đa số hai phần ba**;
- Phê chuẩn các đề cử của Tổng thống bằng **đa số đơn giản**;
- Sự đồng thuận của Hạ viện cũng là bắt buộc đối với việc phê chuẩn các hiệp ước thương mại và xác nhận Phó Tổng thống.

Cuối cùng, Quốc hội nắm giữ **quyền duy nhất tuyên bố chiến tranh**.

Như vậy, với hệ thống quyền hạn được thiết kế chặt chẽ và có tính cân bằng, Quốc hội không chỉ là cơ quan lập pháp mà còn là một nhánh quyền lực có khả năng kiểm soát và giám sát hiệu quả hai nhánh còn lại, bảo đảm nguyên tắc phân quyền và chế ước trong mô hình nhà nước liên bang Hoa Kỳ.

## **6. Giám sát nhánh hành pháp**

Việc giám sát nhánh hành pháp là một trong những cơ chế kiểm soát và đối trọng quan trọng của Quốc hội đối với quyền lực Tổng thống. Đồng thời nó cũng đóng vai trò cân bằng trước sự tự do quyết định của Tổng thống trong việc thực thi pháp luật và ban hành quy định hành chính.

Một trong những phương thức chủ đạo mà Quốc hội sử dụng để thực hiện việc giám sát là **các phiên điều trần**. Ủy ban Giám sát và Cải cách Chính phủ của Hạ viện (House Committee on Oversight and Government Reform) cùng Ủy ban An ninh Nội địa và Các vấn đề Chính phủ của Thượng viện (Senate Committee on Homeland Security and Governmental Affairs) đều được thành lập với nhiệm vụ chuyên trách giám sát và cải tổ hoạt động của chính phủ; mỗi ủy ban tập trung vào lĩnh vực chính sách riêng biệt.

Quốc hội còn duy trì một cơ quan điều tra độc lập là **Văn phòng Trách nhiệm Giải trình Chính phủ (Government Accountability Office – GAO)**. Được thành lập năm 1921 với tên gọi ban đầu là Văn phòng Kế toán Tổng hợp (General Accounting Office), sứ mệnh nguyên thủy của GAO là kiểm toán ngân sách và báo cáo tài chính do Bộ trưởng Tài chính và Giám đốc Văn phòng Quản lý và Ngân sách trình lên Quốc hội. Ngày nay, GAO tiến hành kiểm toán và lập báo cáo về mọi khía cạnh hoạt động của chính phủ, nhằm bảo đảm rằng đồng tiền thuế của người dân Mỹ được chi tiêu một cách **hiệu quả và tiết kiệm** như họ đáng được hưởng.

Bên cạnh đó, nhánh hành pháp cũng tự giám sát nội bộ thông qua hệ thống **64 Tổng Thanh tra** (Inspectors General), mỗi người chịu trách nhiệm đối với một cơ quan riêng biệt. Các Tổng Thanh tra định kỳ tiến hành kiểm toán và báo cáo về cơ quan mà mình được phân công, góp phần tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong bộ máy hành pháp.

## **CHƯƠNG 2. HÀNH PHÁP**

Quyền hành pháp của chính phủ liên bang được Hiến pháp trao cho **Tổng thống Hoa Kỳ**, người đồng thời là **Nguyên thủ quốc gia** và **Tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang**. Tổng thống chịu trách nhiệm **thực thi và bảo vệ** các đạo luật do Quốc hội ban hành; để thực hiện nhiệm vụ này, Tổng thống bổ nhiệm các lãnh đạo của các cơ quan liên bang, trong đó có **Nội các** (Cabinet). **Phó Tổng thống** cũng thuộc nhánh hành pháp và sẵn sàng kế nhiệm chức vụ Tổng thống khi cần thiết.

**Nội các** cùng các cơ quan liên bang độc lập chịu trách nhiệm thực thi và quản lý hàng ngày các đạo luật liên bang. Nhiệm vụ và phạm vi hoạt động của các cơ quan này hết sức đa dạng, từ **Bộ Quốc phòng**, **Cơ quan Bảo vệ Môi trường** (Environmental Protection Agency), **Cơ quan Quản lý An sinh Xã hội** (Social Security Administration) cho đến **Ủy ban Chứng khoán và Giao dịch** (Securities and Exchange Commission).

Tính cả lực lượng vũ trang, nhánh hành pháp hiện sử dụng hơn **4 triệu công dân Mỹ**.

## 1. Tổng thống

Tổng thống là **Nguyên thủ quốc gia** kiêm **Người đứng đầu chính phủ** Hoa Kỳ, đồng thời là **Tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang**.

Theo **Điều II** của Hiến pháp, Tổng thống chịu trách nhiệm **thực thi và bảo vệ** các đạo luật do Quốc hội ban hành. Mười lăm bộ hành pháp – mỗi bộ do một thành viên Nội các do Tổng thống bổ nhiệm đứng đầu – thực hiện công việc quản lý hàng ngày của chính phủ liên bang.

Cùng với các bộ này, còn có các cơ quan hành pháp khác như **Cơ quan Tình báo Trung ương (CIA)** và **Cơ quan Bảo vệ Môi trường (EPA)**, lãnh đạo các cơ quan này đều chịu sự chỉ đạo trực tiếp và đầy đủ của Tổng thống. Tổng thống còn bổ nhiệm lãnh đạo của hơn 50 ủy ban liên bang độc lập (như Hội đồng Dự trữ Liên bang, Ủy ban Chứng khoán và Giao dịch), cùng các thẩm phán liên bang, đại sứ và các quan chức liên bang khác.

**Văn phòng Hành pháp của Tổng thống (Executive Office of the President – EOP)** bao gồm đội ngũ cố vấn trực tiếp của Tổng thống và các cơ quan như Văn phòng Quản lý và Ngân sách (OMB), Văn phòng Đại diện Thương mại Hoa Kỳ (USTR).

Tổng thống có quyền **ký ban hành** luật hoặc **phủ quyết** các dự luật do Quốc hội thông qua; Quốc hội có thể vượt qua phủ quyết bằng **phiếu tán thành hai phần ba** tại cả hai viện.

Nhánh hành pháp tiến hành ngoại giao với các quốc gia khác; Tổng thống có quyền đàm phán và ký kết hiệp ước, song hiệp ước chỉ có hiệu lực sau khi được **Thượng viện phê chuẩn bằng siêu đa số hai phần ba**.

Tổng thống có thể ban hành **sắc lệnh hành pháp** (executive orders) để chỉ đạo các quan chức hành pháp hoặc làm rõ, thúc đẩy việc thực thi các đạo luật hiện hành. Tổng thống còn nắm quyền **ân xá và giảm nhẹ vô hạn** đối với các tội liên bang (trừ các trường hợp bị luận tội).

Bên cạnh các quyền hạn, Hiến pháp cũng quy định một số trách nhiệm, trong đó có nghĩa vụ **“định kỳ báo cáo trước Quốc hội về Tình hình Liên bang và đề xuất những biện pháp mà Tổng thống xét thấy cần thiết và thích hợp”**. Dù Hiến pháp không quy định hình thức cụ thể, theo thông lệ, các Tổng thống thường đọc **Bài diễn văn Tình hình Liên bang** (State of the Union Address) trước phiên họp liên tịch của Quốc hội vào tháng 1 hàng năm (trừ năm nhậm chức), trong đó trình bày chương trình nghị sự cho năm tới.

Hiến pháp chỉ quy định ba điều kiện để trở thành Tổng thống:

- Đủ **35 tuổi**;
- Là **công dân Hoa Kỳ bẩm sinh** (natural-born citizen);
- Đã cư trú tại Hoa Kỳ ít nhất **14 năm**.

Mặc dù hàng triệu cử tri Mỹ tham gia bầu cử tổng thống cứ bốn năm một lần, song Tổng thống **không được dân chúng bầu trực tiếp**. Thay vào đó, vào tháng 11 của mỗi năm thứ tư, cử tri bầu ra các **Đại cử tri** thuộc Đoàn Cử tri đoàn (Electoral College). Đoàn này hiện có **538 đại cử tri**, được phân bổ theo dân số của 50 tiểu bang (số đại cử tri bằng tổng số dân biểu và thượng nghị sĩ của tiểu bang đó) và Đặc khu Columbia được 3 phiếu. Sau đó, các Đại cử tri bỏ phiếu bầu Tổng thống.

Theo thông lệ, Tổng thống và Đệ nhất Gia đình cư trú tại **Nhà Trắng** ở Washington, D.C. – nơi cũng đặt **Phòng Bầu dục** (Oval Office) và văn phòng của các cố vấn cao cấp. Khi di chuyển bằng máy bay, chuyên cơ của Tổng thống được gọi là **Air Force One**; bằng trực thăng Thủy quân Lục chiến là **Marine One**; còn khi di chuyển trên mặt đất, Tổng thống sử dụng xe bọc thép chuyên dụng của Tổng thống.

Như vậy, với sự kết hợp giữa quyền hạn rộng lớn và trách nhiệm nặng nề, chức vụ Tổng thống Hoa Kỳ không chỉ là biểu tượng của quyền lực hành pháp mà còn là trung tâm điều hành thực tế của toàn bộ hệ thống chính trị liên bang.

## 2. Phó Tổng thống Hoa Kỳ

Nhiệm vụ chính và quan trọng nhất của **Phó Tổng thống Hoa Kỳ** là luôn sẵn sàng **kế nhiệm ngay lập tức** chức vụ Tổng thống trong trường hợp Tổng thống không còn khả năng thực thi nhiệm vụ. Tình huống này có thể phát sinh do:

- Tổng thống qua đời,
- từ chức,
- mất khả năng tạm thời,

- hoặc khi Phó Tổng thống cùng đa số thành viên Nội các xác định rằng Tổng thống không còn đủ năng lực thực hiện trách nhiệm hiến định (theo quy định của Tu chính án thứ 25).

Phó Tổng thống được bầu **cùng lúc** và **cùng phiếu** với Tổng thống thông qua **Đoàn Cử tri đoàn**. Mỗi đại cử tri bỏ **một phiếu bầu Tổng thống** và **một phiếu bầu Phó Tổng thống**. Trước khi **Tu chính án thứ 12** được phê chuẩn năm 1804, các đại cử tri chỉ bỏ phiếu cho Tổng thống; người nhận được số phiếu cao thứ hai sẽ tự động trở thành Phó Tổng thống.

Phó Tổng thống đồng thời giữ chức vụ **Chủ tịch Thượng viện Hoa Kỳ** (President of the Senate) theo Hiến pháp. Trong trường hợp Thượng viện biểu quyết hòa, Phó Tổng thống có quyền bỏ **phiếu quyết định** (tie-breaking vote). Tuy nhiên, trừ những trường hợp cần bỏ phiếu quyết định, Phó Tổng thống hiếm khi thực sự chủ trì các phiên họp hàng ngày của Thượng viện. Thay vào đó, Thượng viện thường chỉ định một thượng nghị sĩ – thường là thành viên trẻ của đảng đa số – đảm nhiệm vai trò chủ tọa thường trực.

Phó Tổng thống có văn phòng làm việc tại **Tây sảnh Nhà Trắng** (West Wing) và tại **Tòa nhà Văn phòng Hành pháp Eisenhower** lân cận. Kể từ năm 1974, nơi cư trú chính thức của Phó Tổng thống là **Đài Thiên văn Hải quân Hoa Kỳ** (United States Naval Observatory) nằm ở phía tây bắc Washington, D.C. – một biệt thự yên tĩnh và trang nghiêm. Trước đó, các Phó Tổng thống thường sử dụng nơi ở tư nhân của mình.

Giống như Tổng thống, Phó Tổng thống được bảo vệ bởi **Cơ quan Mật vụ Hoa Kỳ**, sử dụng đoàn xe bọc thép riêng và di chuyển bằng cùng loại máy bay/trực thăng với Tổng thống. Khi Phó Tổng thống có mặt trên phương tiện đó, chúng được gọi là **Air Force Two** (máy bay) và **Marine Two** (trực thăng).

Như vậy, dù vai trò thường nhật có thể mang tính nghi thức, chức vụ Phó Tổng thống vẫn là một vị trí then chốt trong hệ thống kế vị và duy trì sự ổn định của nhánh hành pháp Hoa Kỳ.

### 3. Văn phòng Hành pháp của Tổng thống

Để cung cấp cho Tổng thống sự hỗ trợ cần thiết nhằm thực hiện hiệu quả nhiệm vụ quản trị quốc gia, **Văn phòng Hành pháp của Tổng thống** (Executive Office of the President – EOP) được Tổng thống **Franklin D. Roosevelt** thành lập năm 1939 theo Sắc lệnh Hành pháp số 8248. EOP chịu trách nhiệm thực hiện nhiều nhiệm vụ đa dạng, từ việc truyền tải thông điệp của Tổng thống

tới nhân dân Mỹ cho đến thúc đẩy lợi ích thương mại của Hoa Kỳ ở nước ngoài.

Đứng đầu EOP là **Chánh Văn phòng Nhà Trắng** (White House Chief of Staff), cơ quan này từ lâu đã trở thành nơi làm việc của nhiều cố vấn thân cận nhất của Tổng thống. Một số vị trí cố vấn đòi hỏi phải được Thượng viện phê chuẩn (ví dụ: Giám đốc Văn phòng Quản lý và Ngân sách – Office of Management and Budget), song phần lớn được Tổng thống bổ nhiệm theo quyền tự quyết hoàn toàn. Kể từ khi thành lập, số lượng và quy mô các văn phòng thành viên thuộc EOP đã không ngừng gia tăng: một số do Quốc hội lập ra, số khác được Tổng thống thành lập khi thấy cần thiết.

Trong số các đơn vị thuộc EOP, nổi bật và dễ nhận diện nhất với công chúng là **Văn phòng Truyền thông Nhà Trắng** và **Văn phòng Thư ký Báo chí**. Thư ký Báo chí chịu trách nhiệm tổ chức các buổi họp báo định kỳ để thông tin về hoạt động và chương trình nghị sự của Tổng thống. Ít được công chúng biết đến hơn là **Hội đồng An ninh Quốc gia** (National Security Council – NSC), cơ quan cố vấn trực tiếp cho Tổng thống về chính sách đối ngoại, tình báo và an ninh quốc gia.

Ngoài ra còn có nhiều văn phòng đảm nhận các công việc thực tiễn liên quan đến việc duy trì hoạt động của Nhà Trắng và hỗ trợ hậu cần cho Tổng thống, tiêu biểu là:

- **Văn phòng Quân sự Nhà Trắng** (White House Military Office), phụ trách từ chuyên cơ Air Force One đến các dịch vụ ăn uống;
- **Văn phòng Chuẩn bị Hành trình Tổng thống** (Office of Presidential Advance), chịu trách nhiệm chuẩn bị địa điểm ở xa Nhà Trắng cho các chuyến công du của Tổng thống.

Phần lớn các cố vấn cấp cao của EOP làm việc gần Tổng thống tại **Tây sảnh Nhà Trắng** (West Wing). Tuy nhiên, đa số nhân viên được bố trí tại **Tòa nhà Văn phòng Hành pháp Eisenhower** (Eisenhower Executive Office Building) – cách Nhà Trắng chỉ vài bước chân và thuộc cùng khu phức hợp Nhà Trắng.

Như vậy, với cơ cấu linh hoạt và ngày càng mở rộng, Văn phòng Hành pháp của Tổng thống đã và đang đóng vai trò xương sống trong việc hỗ trợ Tổng thống thực thi quyền hành pháp một cách hiệu quả và liên tục.

#### 4. Nội các Hoa Kỳ

**Nội các** (The Cabinet) là cơ quan tư vấn gồm lãnh đạo của **15 bộ hành pháp**. Các thành viên do Tổng thống bổ nhiệm và được Thượng viện phê chuẩn; họ thường là những cộng sự thân tín nhất của Tổng thống. Ngoài việc điều hành các cơ quan liên bang lớn, các thành viên Nội các còn nằm trong **danh sách kế vị Tổng thống** – sau Phó Tổng thống, Chủ tịch Hạ viện và Chủ tịch lâm thời Thượng viện, thứ tự kế vị tiếp tục theo trật tự thành lập của các bộ. Tất cả thành viên Nội các đều mang danh xưng **Bộ trưởng** (Secretary), ngoại trừ lãnh đạo Bộ Tư pháp được gọi là **Tổng Chương lý** (Attorney General).

### **(1) Bộ Nông nghiệp (Department of Agriculture – USDA)**

Phát triển và thực thi chính sách về nông nghiệp, chăn nuôi và an toàn thực phẩm; hỗ trợ nông dân, thúc đẩy thương mại nông sản, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, phát triển cộng đồng nông thôn và xóa đói trong nước lẫn quốc tế.

### **(2) Bộ Thương mại (Department of Commerce)**

Chịu trách nhiệm tạo việc làm, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; thu thập dữ liệu kinh tế – dân số, cấp bằng sáng chế và nhãn hiệu, bảo vệ môi trường biển, định hướng chính sách viễn thông – công nghệ và hỗ trợ xuất khẩu Mỹ.

### **(3) Bộ Quốc phòng (Department of Defense – DOD)**

Cung cấp lực lượng quân sự cần thiết để sẵn sàng chiến tranh và bảo vệ an ninh quốc gia. Trụ sở tại Lầu Năm Góc; bao gồm các quân chủng Lục quân, Hải quân, Không quân, Lực lượng Vũ trụ và nhiều cơ quan tình báo, tham mưu.

### **(4) Bộ Năng lượng (Department of Energy – DOE)**

Thúc đẩy năng lượng sạch, đáng tin cậy, giá rẻ; tài trợ nghiên cứu khoa học, bảo đảm an ninh hạt nhân và xử lý di sản vũ khí hạt nhân.

### **(5) Bộ Y tế và Dịch vụ Nhân sinh (Department of Health and Human Services – HHS)**

Cơ quan chính bảo vệ sức khỏe và phúc lợi của toàn dân Mỹ; quản lý Medicare, Medicaid, Viện Y tế Quốc gia (NIH), Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA), Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh (CDC).

#### **(6) Bộ An ninh Nội địa (Department of Homeland Security – DHS)**

Ngăn chặn và ứng phó khủng bố, bảo vệ cơ sở hạ tầng trọng yếu, tuần tra biên giới, thực thi luật di trú, ứng phó thiên tai. Thành lập năm 2002 sau vụ 11/9.

#### **(7) Bộ Nhà ở và Phát triển Đô thị (Department of Housing and Urban Development – HUD)**

Xây dựng chính sách nhà ở quốc gia, hỗ trợ sở hữu nhà cho tầng lớp trung lưu và thu nhập thấp, thực thi luật nhà ở công bằng, phát triển cộng đồng.

#### **(8) Bộ Nội vụ (Department of the Interior – DOI)**

Quản lý và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, động vật hoang dã, di sản văn hóa trên gần 1/5 diện tích lãnh thổ Mỹ; cung cấp nước cho 17 bang miền Tây; thực hiện trách nhiệm ủy thác với các bộ tộc thổ dân.

#### **(9) Bộ Tư pháp (Department of Justice – DOJ)**

Thực thi pháp luật liên bang, bảo vệ lợi ích quốc gia, phòng chống tội phạm, bảo đảm công lý công bằng. Lãnh đạo là Tổng Chương lý – quan chức thực thi pháp luật cao nhất chính phủ liên bang.

#### **(10) Bộ Lao động (Department of Labor)**

Giám sát các chương trình đào tạo nghề, an toàn lao động, lương tối thiểu, chống phân biệt đối xử việc làm, bảo hiểm thất nghiệp.

#### **(11) Bộ Ngoại giao (Department of State)**

Chủ trì xây dựng và thực thi chính sách đối ngoại của Tổng thống; duy trì quan hệ ngoại giao với gần 190 quốc gia và các tổ chức quốc tế.

#### **(12) Bộ Giao thông Vận tải (Department of Transportation – DOT)**

Đảm bảo hệ thống giao thông nhanh, an toàn, hiệu quả, dễ tiếp cận; quản lý các cơ quan như Cục Hàng không Liên bang (FAA), Cục Quản lý Đường cao tốc Liên bang (FHWA).

### (13) Bộ Tài chính (Department of the Treasury)

Thúc đẩy thịnh vượng kinh tế, bảo vệ hệ thống tài chính quốc gia và quốc tế; in tiền, thu thuế, quản lý nợ công, áp đặt cấm vận kinh tế đối với các mối đe dọa an ninh quốc gia.

### (14) Bộ Các vấn đề Cựu chiến binh (Department of Veterans Affairs)

Quản lý các chương trình phúc lợi cho cựu chiến binh và gia đình: lương hưu, bảo hiểm y tế, vay mua nhà, mai táng. Trở thành bộ cấp Nội các từ năm 1989.

Như vậy, Nội các không chỉ là tập hợp các cơ quan hành pháp lớn nhất mà còn là công cụ chính để Tổng thống thực thi chính sách trên mọi lĩnh vực đời sống quốc gia, đồng thời là một phần quan trọng trong cơ chế kế vị và duy trì tính liên tục của quyền lực hành pháp Hoa Kỳ.

## CHƯƠNG 3. TƯ PHÁP

Trong khi nhánh Hành pháp và nhánh Lập pháp được hình thành thông qua bầu cử dân chủ, các thành viên của **nhánh Tư pháp** lại do **Tổng thống bổ nhiệm** và phải được **Thượng viện phê chuẩn**.

**Điều III** Hiến pháp – điều khoản đặt nền móng cho nhánh Tư pháp – trao cho Quốc hội quyền tự do quyết định đáng kể về hình thái và cơ cấu của hệ thống tư pháp liên bang. Thậm chí số lượng thẩm phán Tòa án Tối cao cũng nằm trong thẩm quyền của Quốc hội: đã từng có thời kỳ chỉ có sáu vị, trong khi con số hiện hành – chín thẩm phán, gồm một **Chánh án** và tám **Phó án** – chỉ được duy trì ổn định từ năm 1869 đến nay. Hiến pháp đồng thời ủy quyền cho Quốc hội thành lập các tòa án cấp dưới Tòa án Tối cao. Thực thi quyền này, Quốc hội đã thiết lập hệ thống **các tòa sơ thẩm liên bang** (United States District Courts) – nơi xét xử phần lớn các vụ án liên bang – và **mười ba tòa phúc thẩm liên bang** (United States Courts of Appeals) – có nhiệm vụ xem xét lại các bản án của tòa sơ thẩm.

Các thẩm phán liên bang chỉ có thể bị cách chức thông qua quy trình **luận tội** do Hạ viện khởi xướng và Thượng viện kết tội. Họ không bị ràng buộc bởi nhiệm kỳ cố định, mà **phục vụ suốt đời** – cho đến khi qua đời, tự nguyện nghỉ hưu hoặc bị Thượng viện tuyên có tội. Thiết kế này cố ý cách ly họ khỏi những biến động cảm xúc nhất thời của dư luận, cho phép họ áp dụng pháp luật chỉ dựa trên nguyên tắc công lý, không bị chi phối bởi những tính toán chính trị hay áp lực bầu cử.

Thông thường, **Quốc hội** xác định thẩm quyền tài phán của các tòa án liên bang. Tuy nhiên, trong một số trường hợp đặc thù – chẳng hạn tranh chấp giữa hai hoặc nhiều tiểu bang – Hiến pháp trao cho Tòa án Tối cao **thẩm quyền nguyên thủy** (original jurisdiction), quyền hạn này nằm ngoài khả năng tước bỏ của Quốc hội.

Các tòa án chỉ thụ lý những **vụ việc và tranh chấp thực tế**: nguyên đơn phải chứng minh mình thực sự chịu thiệt hại mới có tư cách khởi kiện. Do đó, hệ thống tư pháp không ban hành **ý kiến tư vấn** (advisory opinions) về tính hợp hiến của đạo luật hay tính hợp pháp của hành vi nếu phán quyết không tạo ra hiệu lực thực tiễn. Các vụ án thường đi theo lộ trình: tòa sơ thẩm → tòa phúc thẩm → và có thể kết thúc tại Tòa án Tối cao, dù Tòa này chỉ chọn thụ lý một số lượng rất hạn chế mỗi năm.

Các tòa án liên bang nắm giữ **quyền độc quyền** giải thích pháp luật, xác định tính hợp hiến của pháp luật và áp dụng pháp luật vào từng vụ án cụ thể. Giống Quốc hội, chúng có thể buộc cung cấp chứng cứ hoặc lời khai bằng **lệnh triệu tập** (subpoena). Các tòa án cấp dưới bị ràng buộc tuyệt đối bởi tiền lệ của Tòa án Tối cao: một khi Tòa án Tối cao đã đưa ra cách hiểu về một đạo luật, các tòa cấp dưới bắt buộc phải tuân theo cách hiểu đó khi xét xử các tình tiết cụ thể của vụ án.

Nhờ cơ chế bổ nhiệm suốt đời và tính độc lập được bảo vệ chặt chẽ, nhánh Tư pháp được kiến tạo để trở thành lực lượng **cân bằng và kiểm soát tối hậu** đối với hai nhánh còn lại, bảo đảm sự thống trị tuyệt đối của Hiến pháp và nguyên tắc pháp quyền trong toàn bộ hệ thống chính trị Hoa Kỳ.

## 1. Tòa án Tối cao Hoa Kỳ

**Tòa án Tối cao Hoa Kỳ** (Supreme Court of the United States) là tòa án cao nhất quốc gia và là **thành phần duy nhất** của hệ thống tư pháp liên bang được Hiến pháp quy định một cách rõ ràng và bắt buộc.

Hiến pháp không ấn định số lượng thẩm phán Tòa án Tối cao; con số này do **Quốc hội** quyết định. Trong lịch sử đã từng có lúc chỉ có sáu thẩm phán, nhưng từ năm 1869 đến nay, số lượng được duy trì ổn định ở mức **chín vị**, gồm một **Chánh án** (Chief Justice) và tám **Phó án** (Associate Justices). Tất cả các thẩm phán đều do **Tổng thống đề cử**, được **Thượng viện phê chuẩn** và nắm giữ chức vụ **suốt đời**. Nhờ không phải tranh cử hay vận động tái cử, các thẩm phán được coi là được **cách ly** khỏi áp lực chính trị khi đưa ra phán quyết. Họ chỉ rời ghế khi tự nguyện từ chức, qua đời, hoặc bị **luận tội bởi Hạ viện** và kết tội bởi **Thượng viện**.

Công việc của Tòa án Tối cao gần như hoàn toàn mang tính **phức thẩm**; phán quyết của Tòa là **tối hậu** và không thể bị kháng cáo lên bất kỳ cơ quan quyền lực nào khác, bởi đây là cơ quan tài phán cuối cùng của Hoa Kỳ trong các vấn đề pháp luật liên bang. Tuy nhiên, Tòa có thể thụ lý kháng cáo từ các tòa án cao nhất của tiểu bang hoặc từ các tòa phúc thẩm liên bang. Tòa cũng nắm **thẩm quyền nguyên thủy** (original jurisdiction) trong các vụ liên quan đến đại sứ, các nhà ngoại giao khác, và các tranh chấp giữa các tiểu bang.

Dù có thẩm quyền xét xử mọi vấn đề pháp lý thuộc phạm vi của mình, Tòa án Tối cao **thường không tổ chức phiên tòa sơ thẩm**. Nhiệm vụ chính của Tòa là **giải thích ý nghĩa của luật**, xác định một đạo luật có áp dụng được cho một tập hợp sự kiện cụ thể hay không, hoặc quyết định **cách thức áp dụng** một đạo luật. Các tòa án cấp dưới bắt buộc phải tuân theo **tiền lệ** (precedent) do Tòa án Tối cao thiết lập khi đưa ra phán quyết.

Trong hầu hết các trường hợp, Tòa án Tối cao **không có nghĩa vụ** phải thụ lý kháng cáo; các đương sự phải nộp **đơn xin lệnh chứng nhận** (petition for a writ of certiorari). Theo thông lệ lâu đời, Tòa chỉ “chấp thuận chứng nhận” (grant cert) nếu **ít nhất bốn trong chín thẩm phán** đồng ý rằng vụ việc cần được Tòa xem xét. Trong số khoảng **7.500 đơn xin chứng nhận** nộp mỗi năm, Tòa thường chỉ chấp thuận dưới **150 vụ** – thường là những vụ việc được đánh giá có tầm quan trọng đặc biệt, chẳng hạn khi hai hoặc nhiều tòa phúc thẩm liên bang đưa ra các phán quyết trái ngược nhau về cùng một vấn đề pháp luật liên bang.

Khi chấp thuận chứng nhận, các thẩm phán tiếp nhận **bản tóm tắt pháp lý** (legal briefs) từ các bên đương sự và từ các **amicus curiae** (“bạn của tòa án”) – có thể là hiệp hội ngành nghề, học giả, hoặc chính phủ liên bang. Trước khi ban hành phán quyết, Tòa thường tổ chức **phiên tranh luận miệng** (oral arguments), nơi các bên trình bày lập luận và các thẩm phán đặt câu hỏi. Nếu vụ việc liên quan đến chính phủ liên bang, **Tổng biện lý Hoa Kỳ** (Solicitor General) sẽ đại diện tranh luận. Sau đó, các thẩm phán họp kín, đưa ra quyết định và – thường sau vài tháng – công bố **ý kiến chính thức của Tòa án** (Court’s opinion) kèm theo các ý kiến bất đồng (dissenting opinions) nếu có.

Như vậy, với vị thế là cơ quan tài phán tối cao và độc lập tuyệt đối, Tòa án Tối cao không chỉ là người giải thích cuối cùng của Hiến pháp và pháp luật liên bang, mà còn là lực lượng bảo vệ lâu dài cho nguyên tắc pháp quyền và sự cân bằng quyền lực trong hệ thống chính trị Hoa Kỳ.

## 2. Quy trình tư pháp Hoa Kỳ

**Điều III** Hiến pháp Hoa Kỳ bảo đảm rằng mọi cá nhân bị cáo buộc phạm tội đều có quyền được **xét xử công bằng** trước một thẩm phán có thẩm quyền và một **bồi thẩm đoàn** gồm những người ngang hàng (jury of one's peers).

Các **Tu chính án thứ Tư, thứ Năm và thứ Sáu** bổ sung thêm những bảo vệ quan trọng cho người bị buộc tội, bao gồm:

- Bảo đảm không ai bị tước đoạt tính mạng, tự do hoặc tài sản mà **không qua thủ tục pháp luật chính đáng** (due process of law);
- Bảo vệ khỏi việc bị **xét xử hai lần về cùng một tội danh** (double jeopardy);
- Quyền được **xét xử nhanh chóng** bởi một bồi thẩm đoàn vô tư;
- Quyền **đối chất** với nhân chứng buộc tội và quyền triệu tập nhân chứng bảo vệ;
- Quyền được **bào chữa bởi luật sư**;
- Quyền **không buộc phải tự buộc tội**;
- Bảo vệ khỏi tiền bảo lãnh quá mức, tiền phạt quá cao và hình phạt **tàn bạo, bất thường**.

### (1) Quy trình tố tụng hình sự

Tố tụng hình sự có thể được tiến hành theo luật tiểu bang hoặc luật liên bang tùy theo tính chất và mức độ của tội phạm. Quy trình thường bắt đầu bằng việc **bắt giữ** do nhân viên thực thi pháp luật thực hiện. Nếu **đại bồi thẩm đoàn** (grand jury) quyết định ban hành cáo trạng, bị can sẽ ra trước thẩm phán để chính thức bị buộc tội và đưa ra lời biện hộ (plea).

Bị cáo được dành thời gian xem xét toàn bộ chứng cứ và xây dựng lập luận pháp lý. Sau đó vụ án được đưa ra **xét xử** và quyết định bởi **bồi thẩm đoàn**. Nếu bị cáo được tuyên **không có tội**, cáo buộc bị hủy bỏ. Ngược lại, thẩm phán sẽ tuyên **mức án** – có thể là tù giam, phạt tiền, hoặc thậm chí tử hình.

### (2) Quy trình tố tụng dân sự

Vụ án dân sự khác với hình sự ở chỗ không giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước và cá nhân/tổ chức, mà xử lý **tranh chấp giữa các cá nhân hoặc tổ chức**. Bên bị thiệt hại có thể khởi kiện tại tòa dân sự nhằm yêu cầu tòa ra lệnh **ngừng hành vi sai trái, thay đổi hành vi**, hoặc **bồi thường thiệt hại bằng tiền**. Sau khi đơn kiện được nộp và các bên trình bày chứng cứ, phiên tòa diễn ra tương tự vụ án hình sự. Nếu các bên từ bỏ quyền xét xử bởi bồi thẩm đoàn, thẩm phán sẽ độc quyết; nếu không, bồi thẩm đoàn sẽ quyết định và ấn định mức bồi thường.

### (3) Quy trình kháng cáo

Sau khi vụ án hình sự hoặc dân sự được xét xử sơ thẩm, đương sự có quyền **kháng cáo** lên tòa án cấp cao hơn – tòa phúc thẩm liên bang hoặc tòa phúc thẩm tiểu bang. Người kháng cáo (appellant) phải chứng minh rằng tòa sơ thẩm hoặc cơ quan hành chính đã mắc **lỗi pháp lý** ảnh hưởng đến kết quả vụ án. Tòa phúc thẩm chỉ xem xét **hồ sơ vụ án** đã được tòa sơ thẩm lập, không tiếp nhận chứng cứ mới hay lấy lời khai nhân chứng. Tòa phúc thẩm chỉ lật ngược phán quyết thực tế của tòa sơ thẩm nếu các kết luận đó **rõ ràng sai lầm** (clearly erroneous). Một khi bị cáo được tuyên không có tội trong tố tụng hình sự, họ **không thể bị xét xử lại** về cùng một tập hợp sự kiện.

Các vụ kháng cáo liên bang được quyết định bởi **hội đồng ba thẩm phán**. Người kháng cáo trình bày lập luận pháp lý bằng văn bản gọi là **bản tóm tắt kháng cáo** (brief), trong đó cố gắng thuyết phục rằng tòa sơ thẩm đã sai và cần đảo ngược phán quyết. Bên bị kháng cáo (appellee/respondent) thì lập luận bảo vệ tính đúng đắn của phán quyết hoặc chứng minh rằng lỗi của tòa sơ thẩm (nếu có) không đủ nghiêm trọng để thay đổi kết quả.

Thông thường, **tòa phúc thẩm có tiếng nói cuối cùng**, trừ khi vụ án được trả lại tòa sơ thẩm để xét xử bổ sung. Trong một số trường hợp đặc biệt, phán quyết có thể được xem xét lại **toàn thể** (en banc) bởi một hội đồng lớn hơn của tòa phúc thẩm khu vực.

### (4) Kháng cáo lên Tòa án Tối cao

Đương sự thua kiện tại tòa phúc thẩm liên bang hoặc tại tòa cao nhất của tiểu bang có thể nộp **đơn xin lệnh chứng nhận** (petition for a writ of certiorari) yêu cầu Tòa án Tối cao xem xét lại. Tuy nhiên, Tòa án Tối cao **không có nghĩa vụ** chấp thuận. Tòa thường chỉ đồng ý thụ lý khi vụ việc liên quan đến một **nguyên tắc pháp lý mới và quan trọng**, hoặc khi các tòa phúc thẩm liên bang đưa ra cách hiểu **trái ngược nhau** về cùng một vấn đề luật liên bang (cùng một số trường hợp đặc biệt mà luật bắt buộc Tòa phải thụ lý). Khi Tòa án Tối cao thụ lý, các bên phải nộp bản tóm tắt

pháp lý và Tòa có thể tổ chức **phiên tranh luận miệng**.

Như vậy, hệ thống quy trình tư pháp Hoa Kỳ được kiến tạo nhằm bảo đảm tối đa quyền bào chữa của bị can/bị cáo, tính công bằng của xét xử, và cơ chế kiểm soát, đối trọng đa tầng giữa các cấp tòa án, từ đó củng cố nguyên tắc **pháp quyền** và bảo vệ quyền tự do của công dân trước sức mạnh của Nhà nước.

# Hệ thống chính trị của Hàn Quốc (Cộng hòa Hàn Quốc)

**Bản tiếng Anh:** *The Political system of the Republic of Korea*, European Parliament.

**Nguyễn Huy Vũ dịch.**

## Tóm tắt:

Sau khi bán đảo Triều Tiên bị chia cắt thành hai miền nam – bắc vào cuối Chiến tranh Thế giới thứ Hai, Cộng hòa Hàn Quốc (Hàn Quốc) được thành lập tại miền nam vào năm 1948. Cuộc tấn công năm 1950 của chính quyền cộng sản miền bắc đã châm ngòi cho cuộc chiến tranh ba năm, khiến toàn bộ bán đảo bị tàn phá nặng nề.

Khi hiệp định đình chiến được ký năm 1953, Cộng hòa Hàn Quốc thuộc nhóm những quốc gia nghèo nhất thế giới. Hệ thống chính trị thời kỳ này mang đậm dấu ấn của thái độ chống cộng cực kỳ quyết liệt, thể hiện rõ qua việc áp dụng nghiêm ngặt Luật An ninh Quốc gia năm 1948.

Sau cuộc đảo chính quân sự năm 1961, hai đời tổng thống liên tiếp là Park Chung-hee và Chun Doo-hwan đã tập trung thúc đẩy phát triển kinh tế với tốc độ nhanh chóng, đồng thời đàn áp nghiêm trọng các quyền tự do dân sự và tự do chính trị. Sự chấm dứt chế độ độc tài vào năm 1987 và quá trình chuyển đổi thành công sang một nền dân chủ vận hành tốt được đánh dấu bằng việc soạn thảo lại Hiến pháp cùng việc chuyển giao quyền lực một cách dân chủ cho ứng cử viên đối lập vào các năm 1997–1998.

Hiến pháp Đế lục Cộng hòa trao cho chức vụ tổng thống một vị thế cực kỳ mạnh mẽ: tổng thống không chỉ có quyền đề trình dự luật mà còn được sở hữu những quyền hạn rất rộng trong trường hợp khẩn cấp. Nhánh lập pháp được thể hiện qua Quốc hội đơn viện – Quốc hội Hàn Quốc (National Assembly). Trong số các thẩm quyền của Quốc hội có quyền khởi xướng thủ tục luận tội tổng thống – quyền này đã được thực thi thành công vào tháng 12 năm 2016. Nhánh tư pháp do Tòa án Tối cao và Tòa Bảo hiến đảm nhiệm; cả hai cơ quan này vào tháng 3 năm 2017 đã xác nhận tính hợp pháp của bản luận tội, dẫn đến việc phế truất Tổng thống Park Geun-hye và tổ chức bầu cử tổng thống mới.

Sự gia tăng vai trò của phụ nữ trong Quốc hội cùng tính chất hòa bình của các sự kiện 2016–2017 là dấu hiệu rõ ràng của sự trưởng thành dân chủ tại Hàn Quốc. Tuy nhiên, ảnh hưởng quá lớn của các chaebol (tập đoàn kinh tế gia đình) vẫn tiếp tục là một thách thức nghiêm trọng đối với sự vận hành thông suốt của trật tự dân chủ Hàn Quốc.

## 1. GIỚI THIỆU

Hàn Quốc nằm ở một vị trí địa chính trị đặc biệt khó khăn, bị kẹp giữa ba cường quốc lớn là Trung Quốc, Nhật Bản và Nga. Cuộc tranh giành ảnh hưởng trên bán đảo Triều Tiên đã dẫn đến việc Nhật Bản chiếm đóng toàn bộ bán đảo từ năm 1910, tình trạng này chỉ chấm dứt khi Đế quốc Nhật Bản đầu hàng vô điều kiện vào tháng 8 năm 1945. Sau khi Chiến tranh Thái Bình Dương đột ngột kết thúc, [một đề xuất](#) tạm thời của Dean Rusk (sau này trở thành Ngoại trưởng Hoa Kỳ) đã dẫn đến việc bán đảo bị chia cắt theo vĩ tuyến 38: miền bắc do Liên Xô chiếm đóng, miền nam do Hoa Kỳ kiểm soát.<sup>1</sup>

Khi Chiến tranh Lạnh bắt đầu, ngày 15 tháng 8 năm 1948, Cộng hòa Hàn Quốc (Republic of Korea – RoK) được thành lập tại miền nam, còn ngày 9 tháng 9 năm 1948, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên (Democratic People's Republic of Korea – DPRK) ra đời ở miền bắc. Cuộc tấn công của DPRK năm 1950 – rất có thể được Stalin hậu thuẫn – vào RoK đã châm ngòi một cuộc chiến tranh tàn khốc. Trong cuộc chiến này, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa mới thành lập và một liên minh quốc tế do Hoa Kỳ lãnh đạo dưới danh nghĩa Liên Hợp Quốc đã can thiệp vào hai phía đối lập.

Chiến tranh kết thúc bằng việc [ký hiệp định đình chiến](#) ngày 27 tháng 7 năm 1953 giữa các tướng lĩnh của Trung Quốc, Triều Tiên và Hoa Kỳ (đại diện cho Bộ Tư lệnh Liên Hợp Quốc), nhưng phía Cộng hòa Hàn Quốc không trực tiếp đặt bút ký. Hiệp định này xác nhận lại đường biên giới năm 1945 theo vĩ tuyến 38.

Khi chiến tranh kết thúc, Cộng hòa Hàn Quốc là một trong những quốc gia nghèo nhất thế giới; bảy năm sau đó (1960), [GDP bình quân đầu người](#) chỉ đạt 158 USD (theo thời giá hiện hành).

Ngày nay, Hàn Quốc có diện tích khoảng 100.000 km<sup>2</sup> (hơi lớn hơn Bồ Đào Nha hoặc Hungary), [dân số](#) ước tính 51,672 triệu người (so với khoảng 25,887 triệu người ở Triều Tiên). Theo [Ngân hàng Thế giới](#), GDP bình quân đầu người năm 2020 đạt 31.597 USD. Về [chỉ số phát triển con người](#) (HDI) năm 2020, Hàn Quốc đứng thứ 23/188 quốc gia; trong [Chỉ số Tự do Báo chí Thế giới](#)

đứng thứ [42/180](#) (Đài Loan 43, Nhật Bản 67, Triều Tiên 179). Trong [Chỉ số Dân chủ](#) của Economist Intelligence Unit, Hàn Quốc xếp hạng 23, trong khi Triều Tiên xếp thứ 167.

Từ một trong những quốc gia nghèo nhất hành tinh sau chiến tranh, Hàn Quốc đã vươn mình trở thành một nền dân chủ phát triển và một trong những nền kinh tế tiên tiến nhất châu Á chỉ trong vòng chưa đầy ba phần tư thế kỷ.

## 2. HÌNH THÁI NHÀ NƯỚC

Kể từ khi Cộng hòa Hàn Quốc được thành lập năm 1948 và Hiến pháp đầu tiên được ban hành ngày 17 tháng 7 năm 1948, văn bản này đã trải qua [chín lần](#) sửa đổi hoặc (thực chất) được viết lại hoàn toàn. [Rhee Syngman \(Lý Thừa Vãn\)](#) – người đã sống 35 năm tại Hoa Kỳ – được Quốc hội Hàn Quốc bầu làm Tổng thống đầu tiên của Chính phủ Lâm thời Đại Hàn Dân Quốc (thành lập tại Thượng Hải năm 1919). Trước khi chuyển đổi sang một nền dân chủ thực sự vào cuối thập niên 1980, chế độ chính trị Hàn Quốc được Routledge Handbook of Korean Politics and Diplomacy (2020) mô tả là “một chế độ độc tài quân sự lấy tổng thống làm trung tâm, được củng cố bởi các bộ máy quan liêu và an ninh dày đặc”.

Những thay đổi quan trọng nhất và mang tính bước ngoặt của Hiến pháp được thực hiện vào tháng 10 năm 1987, quy định tổng thống phải được bầu trực tiếp bởi toàn dân và chỉ được giữ một nhiệm kỳ duy nhất 5 năm, không tái cử. Theo Điều 40 [Hiến pháp 1987](#) – được thông qua trong giai đoạn chuyển tiếp dân chủ – quyền lập pháp thuộc về Quốc hội Hàn Quốc (Korean National Assembly), quyền hành pháp do Tổng thống đứng đầu (Điều 66), và quyền tư pháp được thực thi bởi các tòa án (Điều 101).

Những sửa đổi này được coi là dấu mốc chấm dứt chế độ độc tài và khai sinh [Đệ lục Cộng hòa](#).<sup>2</sup> Tuy nhiên, các quyền tự do dân sự vẫn bị hạn chế đáng kể bởi [Luật An ninh quốc gia](#) năm 1948 – đạo luật không chỉ trừng phạt hành vi tuyên truyền ủng hộ CHDCND Triều Tiên mà còn xử lý “bất kỳ cá nhân nào tham gia hoặc xúi giục người khác tham gia một tổ chức chống chính quyền”. Theo tổ chức Theo dõi Nhân quyền (Human Rights Watch – HRW), khái niệm “tổ chức chống chính quyền” không được định nghĩa rõ ràng và đã bị áp dụng không chỉ cho Triều Tiên mà còn cho những tổ chức bày tỏ quan điểm ý thức hệ trái với chính phủ. Để ngăn ngừa lạm quyền trong tương lai, HRW nhiều lần kêu gọi [bãi bỏ hoàn toàn đạo luật này](#).

Việc [ứng phó với đại dịch COVID-19](#) cũng gây lo ngại cho các tổ chức nhân quyền khi quyền tự do dân sự bị hạn chế vượt quá mức cần thiết. Theo HRW, chính quyền Hàn Quốc đã sử dụng dữ liệu từ điện thoại di động, máy ATM và thẻ tín dụng để công bố bản đồ theo dõi hành trình của người nhiễm bệnh, cho phép công chúng biết liệu mình có từng tiếp xúc gần với ca nhiễm hay không. Dù chính quyền đã điều chỉnh sau khi bị phản đối, HRW vẫn bày tỏ quan ngại sâu sắc về việc thu thập và xử lý thông tin cá nhân nhạy cảm mà không có sự bảo vệ đầy đủ.

### **3. NHÁNH HÀNH PHÁP**

#### **3.1. Tổng thống**

Theo Điều 66 Hiến pháp, Tổng thống là nguyên thủ quốc gia, người đứng đầu nhánh hành pháp và Tổng tư lệnh tối cao các lực lượng vũ trang (Điều 74), đồng thời có quyền tuyên chiến và ký kết hòa bình (Điều 73). Vị thế của Tổng thống cực kỳ mạnh mẽ, bởi Điều 52 trao cho người đứng đầu hành pháp quyền đệ trình dự luật. Theo Điều 53(2), Tổng thống có thể trả lại dự luật về Quốc hội Hàn Quốc (Korean National Assembly – KNA); tuy nhiên, theo Điều 53(4), Quốc hội có thể vượt qua quyền phủ quyết của Tổng thống bằng đa số hai phần ba.

Tổng thống còn được trao những quyền hạn khẩn cấp đặc biệt theo Điều 76 và Điều 77 Hiến pháp:

Điều 76 quy định: “Trong trường hợp có biến động nội bộ, mối đe dọa từ bên ngoài, thiên tai hoặc khủng hoảng tài chính – kinh tế nghiêm trọng, Tổng thống có quyền thực hiện những biện pháp tài chính và kinh tế tối thiểu cần thiết hoặc ban hành các lệnh có hiệu lực pháp luật.”

Điều 77 cho phép Tổng thống công bố thiết quân luật “khi cần thiết để đối phó với nhu cầu quân sự hoặc duy trì an ninh và trật tự công cộng bằng việc huy động lực lượng vũ trang trong thời chiến, xung đột vũ trang hoặc tình trạng khẩn cấp quốc gia tương đương”.

Điều 76 nhấn mạnh rằng các quyền khẩn cấp này chỉ được sử dụng khi “không kịp chờ Quốc hội triệu tập” hoặc “không thể triệu tập Quốc hội”. Dù vậy, Tổng thống phải xin phê chuẩn không chậm trễ từ Quốc hội đối với mọi quyết định đã ban hành theo các điều khoản này. Tuy nhiên, kể từ sửa đổi Hiến pháp năm 1987, Tổng thống không còn quyền giải tán Quốc hội. Ngược lại, Hiến pháp trao cho Quốc hội quyền khởi xướng thủ tục luận tội Tổng thống (xem phần sau).

Cuộc bầu cử tổng thống ngày 9 tháng 3 năm 2022 đã xác định người kế nhiệm Tổng thống Moon Jae-in. Ứng cử viên của đảng Dân chủ trung-tả cầm quyền (Democratic Party of Korea), ông [Lee Jae-myung](#), đã [thua sát nút](#) trước ông [Yoon Suk-yeol](#) – nguyên công tố viên cấp cao và ứng cử viên của đảng bảo thủ đối lập People Power Party. Ông Yoon Suk-yeol tuyên thệ nhậm chức Tổng thống thứ tám của Hàn Quốc vào ngày 10 tháng 5 năm 2022.

### 3.2. Thủ tướng và Quốc vụ viện

Theo Điều 86 Hiến pháp 1987, Thủ tướng do Tổng thống bổ nhiệm với sự phê chuẩn của Quốc hội, có nhiệm vụ “hỗ trợ Tổng thống” và giữ vai trò Phó Chủ tịch Quốc vụ viện (Hội đồng Nội các). Khi chức vụ Tổng thống bị khuyết hoặc Tổng thống vì bất kỳ lý do gì [không thể thực thi nhiệm vụ](#), Thủ tướng sẽ thay mặt Tổng thống chỉ đạo các bộ trong chính phủ.

Quốc vụ viện do Tổng thống bổ nhiệm theo đề cử của Thủ tướng; cơ quan này cũng “hỗ trợ Tổng thống” – người là Chủ tịch chính thức – và thảo luận các chính sách quốc gia quan trọng. Tuy nhiên, các quyết định của Quốc vụ viện không có tính ràng buộc pháp lý đối với chính phủ.

Điều 89 Hiến pháp liệt kê các vấn đề thuộc thẩm quyền thảo luận của Quốc vụ viện, ngoài những quyền hạn nội các thông thường (như ngân sách, phân định thẩm quyền trong hành pháp, các vấn đề quân sự quan trọng), còn bao gồm: tuyên chiến và ký kết hòa bình, dự thảo sửa đổi Hiến pháp, đề xuất trưng cầu dân ý, các lệnh khẩn cấp, công bố và dỡ bỏ thiết quân luật.

Tóm lại, Quốc vụ viện Hàn Quốc gồm Tổng thống, Thủ tướng và toàn bộ 18 bộ trưởng (tổng 20 thành viên biểu quyết), do Tổng thống chủ trì, họp hàng tuần, nhưng quyền quyết định tối hậu vẫn nằm trong tay Tổng thống.

Trong nhánh hành pháp còn có:

- Hội đồng Cố vấn các Nguyên lão Quốc gia (Điều 90);
- Hội đồng An ninh Quốc gia (Điều 91);
- Hội đồng [Tur vấn Thống nhất Hòa bình](#) (Điều 92) và Hội đồng Tư vấn Kinh tế Quốc gia (Điều 93) – hai cơ quan này “có thể được thành lập”. Hội đồng Thống nhất Hòa bình đầu tiên ra đời ngày 5/6/1981 (hiện là khóa 20); [Hội đồng Tư vấn Kinh tế Quốc gia](#) bắt đầu hoạt động từ tháng 11/1999 (hiện là khóa thứ tư).

Cuối cùng, Hiến pháp dành một mục riêng (Điều 97–101) cho Ủy ban Kiểm toán và Thanh tra. Cơ quan này hoạt động “dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng thống”, có nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra tài chính nhà nước cũng như hiệu quả công việc của các cơ quan hành pháp và công chức.

Tính đến cuối năm 2020, [nhánh hành pháp](#) bao gồm 23 bộ, 18 cơ quan hành chính, 2 ban, 4 văn phòng và 7 ủy ban. Thủ tướng hiện tại – vị thứ 47 kể từ năm 1948 – là ông [Kim Boo-kyum](#), thuộc Đảng Dân chủ Hàn Quốc (Democratic Party of Korea).

| Position                         | Name             | Date started      |
|----------------------------------|------------------|-------------------|
| President                        | Yoon Seok-yeol   | Since 10 May 2022 |
| Prime Minister                   | Han Duck-soo     | 2022              |
| Speaker of the National Assembly | Park Byeong-seug | 2020              |
| Chief Justice (Supreme Court)    | Kim Myeong-soo   | 2017 (up to 2023) |
| Head Constitutional Court        | Yoo Nam-seok     | 2018 (up to 2023) |

Source: EPRS.

Hình 1. Lãnh đạo chính trị cho đến ngày 21/5/2022.

#### 4. NHÁNH LẬP PHÁP – QUỐC HỘI HÀN QUỐC

Nhánh lập pháp của Cộng hòa Hàn Quốc được thể hiện bởi [Quốc hội Hàn Quốc](#) (Korean National Assembly – KNA). Quốc hội Hàn Quốc là một cơ quan nhất viện, gồm 300 nghị sĩ, được bầu với nhiệm kỳ bốn năm. Trong đó, 253 ghế được bầu theo hình thức đa số (first past the post), tức quốc gia được chia thành 253 đơn vị bầu cử nhỏ và ở mỗi đơn vị bầu cử nhỏ sẽ được đại diện bởi một ứng viên nhận được nhiều phiếu bầu nhất; còn 47 ghế còn lại được phân bổ theo tỷ lệ phiếu của các đảng phái (danh sách đảng).

[Tòa nhà Quốc hội](#) (National Assembly Proceedings Hall) tọa lạc tại đảo Yeouido, bên dòng sông Hàn chảy qua thủ đô Seoul.

Ngoài quyền đệ trình, thông qua, và sửa đổi luật (Điều 52), Quốc hội còn có thẩm quyền đề xuất sửa đổi Hiến pháp, phê chuẩn việc ký kết và phê chuẩn các hiệp ước quốc tế cũng như tuyên chiến (Điều 60). Điều 54 trao cho Quốc hội quyền quyết định dự toán ngân sách quốc gia, trong khi Điều 63 cho phép kiến nghị Tổng thống cách chức Thủ tướng hoặc thành viên Quốc vụ viện. Cuối cùng, theo Điều 65 Hiến pháp 1987, Quốc hội có quyền khởi xướng thủ tục luận tội đối với Tổng thống,

Thủ tướng, các thành viên Quốc vụ viện và thẩm phán Tòa Bảo hiến (nhưng không áp dụng đối với thẩm phán Tòa án Tối cao – xem phần sau).

Đối với trường hợp Tổng thống, đề xuất luận tội phải “được ít nhất quá nửa tổng số nghị sĩ Quốc hội đề xuất” và được thông qua bởi ít nhất hai phần ba tổng số nghị sĩ. Ngay khi kiến nghị luận tội được thông qua và “cho đến khi Tòa Bảo hiến đưa ra phán quyết cuối cùng”, Tổng thống sẽ bị đình chỉ thực thi quyền hạn.

Gần đây nhất, Quốc hội đã sử dụng quyền hạn theo Điều 65 để khởi xướng thủ tục luận tội Tổng thống Park Geun-hye (tháng 12/2016), dẫn đến việc bà bị phế truất chính thức vào tháng 3/2017 và trở thành Tổng thống đầu tiên trong lịch sử Hàn Quốc bị bãi nhiệm thông qua quy trình luận tội hợp hiến.

### **Thủ tục luận tội Tổng thống Park Geun-hye**

Ngày 9 tháng 12 năm 2016, Quốc hội Hàn Quốc đã thông qua kiến nghị [luận tội](#) Tổng thống Park Geun-hye với tỷ lệ áp đảo (234/300 phiếu) với các cáo buộc [lạm quyền, gian lận và cưỡng ép](#). Số phận của bà được giao phó cho [Tòa Bảo hiến Hàn Quốc](#), cơ quan có tối đa 180 ngày để quyết định việc có duy trì hiệu lực của [kiến nghị luận tội](#) hay không.

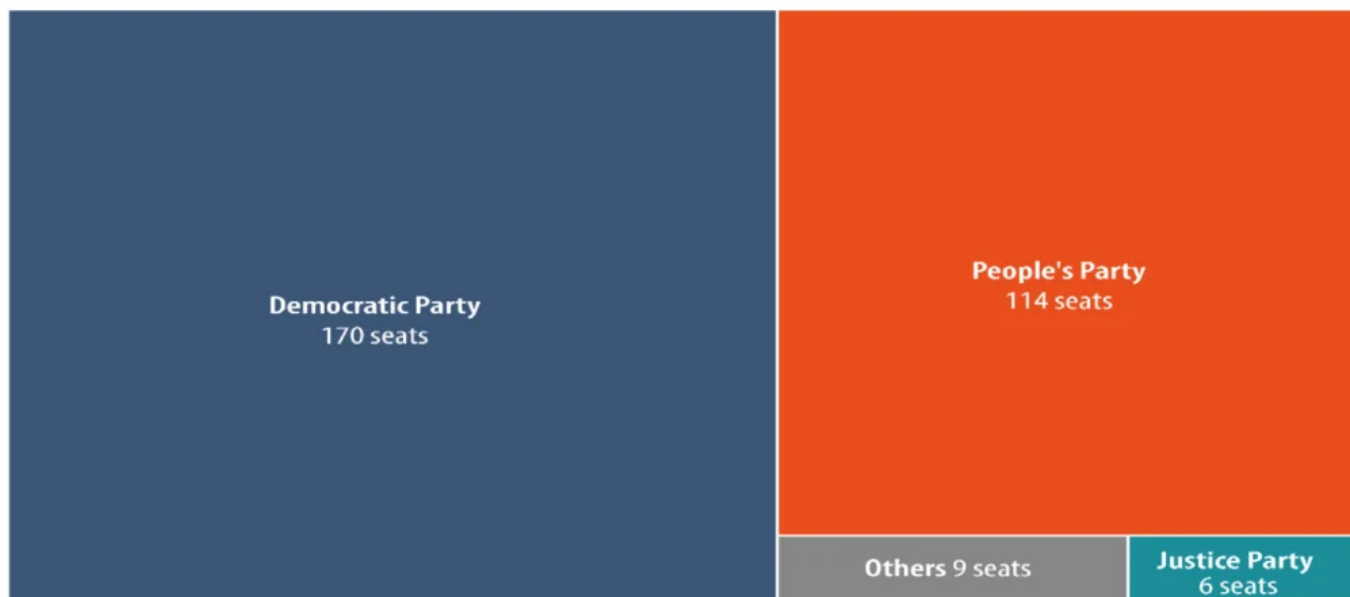
Ngày 10 tháng 3 năm 2017, Tòa Bảo hiến đã nhất trí (8/8 thẩm phán) xác nhận quyết định của Quốc hội, chính thức phế truất bà Park Geun-hye. Bà trở thành Tổng thống dân cử đầu tiên trong lịch sử Hàn Quốc bị bãi nhiệm thông qua quy trình luận tội hợp hiến.

Trước đó, năm 2004, Tòa Bảo hiến từng [bác bỏ kiến nghị luận tội](#) của Quốc hội đối với Tổng thống Roh Moo-hyun với các cáo buộc lạm quyền và quản trị yếu kém, đồng thời khôi phục chức vụ cho ông.

Cho đến nay, hai kiến nghị luận tội của Tổng thống Roh Moo-hyun (2004) và Park Geun-hye (2016) là **hai trường hợp duy nhất** trong lịch sử Hàn Quốc được Quốc hội thông qua, trong đó chỉ trường hợp của bà Park dẫn đến việc bị phế truất thành công.

Quốc hội khóa 21 hiện tại của Hàn Quốc được bầu ngày 15 tháng 4 năm 2020. Với 170 ghế, Đảng Dân chủ Hàn Quốc (Democratic Party of Korea – DPK) – đảng thân cận với cựu Tổng thống Moon Jae-in – nắm đa số rõ rệt. Đảng đối lập chính là People Power Party (PPP) với 114 ghế.

Chủ tịch Quốc hội đương nhiệm là ông [PARK Byeong Seug](#), được bầu ngày 5 tháng 6 năm 2020.



Data source: EPRS based on information delivered by the KNA (as of 1 June 2022)

Hình 2. Thành phần quốc hội cho đến ngày 1/6/2022.

## 5. CÁC ỦY BAN QUỐC HỘI

Điều 36 [Luật Quốc hội](#) quy định các **ủy ban thường trực** có nhiệm vụ thẩm tra dự luật và kiến nghị thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình trước khi đưa ra phiên họp toàn thể. Ngoài Ủy ban Điều hành Quốc hội (House Steering Committee), hiện nay có **16 ủy ban thường trực**.

Điều 44 Luật Quốc hội cho phép thành lập **các ủy ban đặc biệt**, còn Điều 45 quy định thành lập một ủy ban thường trực đặc biệt là **Ủy ban Đặc biệt về Ngân sách và Quyết toán** (Special Committee on Budget and Accounts).

Các ủy ban được trao những quyền hạn quan trọng:

- sửa đổi dự luật,
- tổ chức điều trần công khai,
- yêu cầu cung cấp thông tin từ nhánh hành pháp,
- triệu tập và chất vấn các quan chức cấp cao, kể cả Thủ tướng (Điều 122 Luật Quốc hội).

Như vậy, hệ thống ủy ban là công cụ giám sát và lập pháp then chốt của Quốc hội Hàn Quốc, góp phần đáng kể vào việc kiểm chế quyền lực hành pháp.

### **Các ủy ban thường trực của Quốc hội Hàn Quốc (KNA)**

- 1- Ủy ban Điều hành Quốc hội (House Steering Committee)
- 2- Ủy ban Lập pháp và Tư pháp (Legislation and Judiciary Committee)
- 3- Ủy ban Chính sách Quốc gia (National Policy Committee)
- 4- Ủy ban Chiến lược và Tài chính (Strategy and Finance Committee)
- 5- Ủy ban Giáo dục (Education Committee)
- 6- Ủy ban Khoa học, Công nghệ Thông tin, Truyền thông và Phát sóng (Science, ICT, Broadcasting and Communications Committee)
- 7- Ủy ban Ngoại giao và Thống nhất (Foreign Affairs and Unification Committee)
- 8- Ủy ban Quốc phòng (National Defence Committee)
- 9- Ủy ban Hành chính và An ninh Công cộng (Public Administration and Security Committee)
- 10- Ủy ban Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Culture, Sports and Tourism Committee)
- 11- Ủy ban Nông nghiệp, Lương thực, Nông thôn, Đại dương và Ngư nghiệp (Agriculture, Food, Rural Affairs, Oceans and Fisheries Committee)
- 12- Ủy ban Thương mại, Công nghiệp, Năng lượng, Doanh nghiệp vừa và nhỏ và Khởi nghiệp (Trade, Industry, Energy, SMEs and Startups Committee)
- 13- Ủy ban Y tế và Phúc lợi (Health and Welfare Committee)
- 14- Ủy ban Môi trường và Lao động (Environment and Labour Committee)
- 15- Ủy ban Đất đai, Hạ tầng và Giao thông (Land, Infrastructure and Transport Committee)

16- Ủy ban Tình báo (Intelligence Committee)

17- Ủy ban Bình đẳng Giới và Gia đình (Gender Equality and Family Committee)

Nguồn: Quốc hội Hàn Quốc (Korean National Assembly)

## 6. VAI TRÒ CỦA CÁC CHÍNH ĐẢNG

Trong giai đoạn cao trào của chế độ quân sự độc tài từ đầu thập niên 1960 đến giữa thập niên 1980, các chính đảng bị đẩy ra rìa; tổng thống gần như độc quyền hoạch định chính sách, chỉ sử dụng “một đảng cầm quyền để tô điểm cho chế độ”.

Tình trạng này thay đổi căn bản sau quá trình chuyển đổi từ độc tài sang nền dân chủ vận hành tốt vào cuối năm 1987. Kể từ năm 2020, đã có tới 36 đảng phái khác nhau tham gia các cuộc bầu cử quốc gia với tuổi thọ trung bình khoảng bốn năm. Sự thay đổi thường xuyên này thoát nhìn có vẻ rối rắm đối với người quan sát bên ngoài, song một phân tích sâu hơn<sup>3</sup> cho thấy các đảng này về cơ bản có thể được quy về bốn dòng chính: hai đảng lớn (một trung hữu bảo thủ, một trung tả/trung tả tiến bộ) và hai đảng nhỏ hơn (một bảo thủ, một tiến bộ).

Đảng lớn trung/trung tả hiện nay là [Đảng Dân chủ Hàn Quốc](#) (**Democratic Party of Korea**), được Kim Dae-jung thành lập năm 1995 với tên gọi ban đầu là Đại hội Quốc dân vì Chính trị Mới (National Congress for New Politics). Kim Dae-jung là lãnh đạo đối lập đầu tiên đắc cử tổng thống năm 1997; người kế nhiệm ông, [Roh Moo-hyun](#), từng là bộ trưởng trong nội các Kim. Tổng thống Moon Jae-in (2017–2022) từng là [Chánh văn phòng dân sự cao cấp](#) của Roh Moo-hyun. Đảng này chủ trương tăng cường nhân quyền, cải thiện quan hệ liên Triều và thực thi chính sách kinh tế được mô tả là “chủ nghĩa tiến bộ mới”.

Về [phía bảo thủ](#), **đảng Nhân Dân (People’s Party)** hiện nay có nguồn gốc ít nhất từ năm 1997, khi ba đảng cũ hợp nhất thành Đại Quốc dân Đảng (Grand National Party). Những chiến thắng bầu cử mang tính bước ngoặt của dòng bảo thủ là cuộc bầu cử tổng thống năm 2008 của Lee Myung-bak và năm 2012 của [Park Geun-hye](#) – con gái cố Tổng thống [Park Chung-hee](#), người đã lên nắm quyền thông qua cuộc đảo chính quân sự năm 1961. Nhìn chung, phe bảo thủ chủ trương trách nhiệm tài chính công, phát triển kinh tế dựa trên cơ chế thị trường tự do và duy trì thái độ thận trọng, cứng rắn trong quan hệ với Triều Tiên. Tổng thống Yoon Suk-yeol, nhậm chức ngày 10 tháng 5 năm 2022, cũng thuộc [dòng chính trị bảo thủ](#) này.

Tại cuộc bầu cử lập pháp gần nhất ngày 15/4/2020:

- Ở khu vực bầu trực tiếp: Đảng Dân chủ đạt 49,9 %, đảng bảo thủ United Future Party đạt 41,5 %.
- [Ở danh sách tỷ lệ](#): Đảng Dân chủ 33,36 %, United Future Party 33,84 %. [Tỷ lệ cử tri đi bỏ phiếu](#) đạt 66,2 % – cao nhất kể từ năm 1992.

## 7. VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ TRONG NGHỊ VIỆN

Kể từ khi chuyển đổi sang dân chủ năm 1987, vị thế của phụ nữ trong chính trường Hàn Quốc đã có những tiến bộ đáng kể, dù khởi đầu còn rất khiêm tốn. Trong những năm đầu của nền dân chủ, sự hiện diện của phụ nữ trong chính trị [vẫn còn rất hạn chế](#).

Tình hình bắt đầu cải thiện rõ rệt sau các cải cách bầu cử đầu thập niên 2000, trong đó nổi bật là quy định khuyến nghị hạn ngạch giới 30 % đối với ứng cử viên nữ trong danh sách bầu theo tỷ lệ (proportional representation – PR) của các đảng phái. Đến năm 2004, hạn ngạch khuyến nghị này được nâng lên 50 % cho mọi cấp bầu cử. Hiện nay, các đảng bắt buộc phải sắp xếp xen kẽ nam-nữ trong danh sách PR, và việc tuân thủ hạn ngạch đã trở thành yêu cầu bắt buộc trong các cuộc bầu cử khu vực và địa phương.

Kết quả là tỷ lệ nữ nghị sĩ được bầu qua hệ thống danh sách tỷ lệ tăng mạnh: tại Quốc hội khóa 20 (2016–2020) đã có 25/47 ghế PR thuộc về phụ nữ. Tổng số nữ nghị sĩ (bao gồm cả ghế bầu trực tiếp) cũng tăng đều qua các khóa:

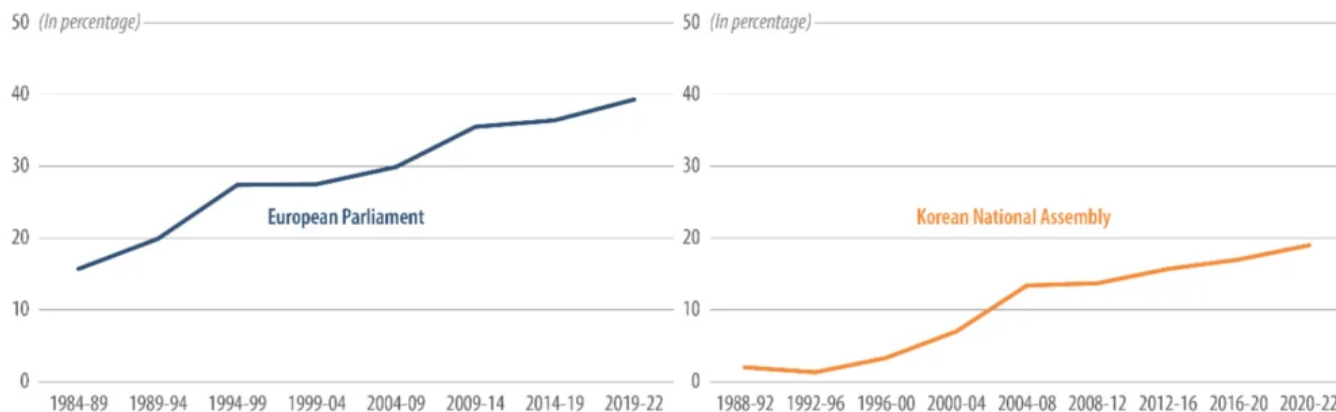
- Khóa 20: 51 người (17 %).
- Khóa 21 hiện nay (2020–2024): 57 người, chiếm 19 % tổng số ghế.

So với giai đoạn đầu chuyển đổi dân chủ năm 1988 (chỉ 2 %), đây là một bước tiến vượt bậc (đến năm 2008 đã đạt 13,7 %).<sup>4</sup> Để so sánh, tại Nghị viện châu Âu, [tỷ lệ nữ đại biểu](#) năm 1988 là 15,7 %, năm 2008 là 29,9 % và hiện nay đạt 40,4 %.

Ở cấp địa phương, tỷ lệ ghế dành cho nữ giới trong các hội đồng địa phương thập niên 1990 còn cực kỳ thấp, nhưng cũng tăng mạnh sau khi áp dụng ghế bầu theo tỷ lệ vào đầu thập niên 2000, đạt 28,3 % tổng số ghế địa phương vào năm 2018.

Như vậy, dù vẫn còn khoảng cách so với nhiều nền dân chủ phát triển, Hàn Quốc đã đạt được những tiến bộ đáng kể về đại diện giới trong lập pháp chỉ trong vòng chưa đầy ba thập kỷ dân chủ.

Figure 3 – A comparison of women's representation in the European Parliament and the Korean National Assembly



Data source: EPRS, author's own calculations.

Hình 3. So sánh mức độ đại diện của phụ nữ tại Nghị viện châu Âu và Quốc hội Hàn Quốc.

## 8. NHÁNH TƯ PHÁP

Hệ thống tư pháp Hàn Quốc gồm [Tòa án Tối cao](#), [Tòa Bảo hiến](#) và các tòa án cấp dưới.

**Tòa án Tối cao** gồm Chánh án và [13 thẩm phán khác](#), nhiệm kỳ sáu năm.

- Theo Điều 104 Hiến pháp, Chánh án Tòa án Tối cao do Tổng thống bổ nhiệm với sự phê chuẩn của Quốc hội.
- Các thẩm phán Tòa án Tối cao còn lại do Tổng thống bổ nhiệm theo đề cử của Chánh án và với sự phê chuẩn của Quốc hội.
- Điều 105 quy định Chánh án không được tái bổ nhiệm.
- Các thẩm phán thường (ngoài Chánh án và thẩm phán Tòa án Tối cao) do Chánh án bổ nhiệm với sự đồng ý của Hội nghị Thẩm phán Tòa án Tối cao.

Việc kiểm tra tính hợp hiến của luật pháp và hành vi hành chính được quy định tại Điều 107:

- Khi tính hợp hiến của một đạo luật được đặt ra trong một vụ án, Tòa án Tối cao phải yêu cầu Tòa Bảo hiến phán quyết và phải xét xử theo phán quyết đó.

- Đối với hành vi hành chính, Tòa án Tối cao có quyền “phúc thẩm cuối cùng”.
- Tòa án Tối cao cũng có quyền phúc thẩm cuối cùng đối với các tòa án quân sự thông thường, nhưng không áp dụng đối với nhiều trường hợp xét xử theo thiết quân luật đặc biệt (Điều 110) – những vụ này không được kháng cáo.

**Tòa Bảo hiến** được dành riêng một chương độc lập (Chương 6 – Điều 111 đến 113).

Thẩm quyền của Tòa Bảo hiến bao gồm:

1. Phán quyết về tính hợp hiến của luật (theo yêu cầu của các tòa án).
2. Xét xử các vụ luận tội (đối với Tổng thống, Thủ tướng, thành viên Quốc vụ viện, thẩm phán Tòa Bảo hiến, v.v.).
3. Quyết định giải tán một chính đảng.
4. Giải quyết tranh chấp thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước, giữa trung ương và địa phương, hoặc giữa các cơ quan địa phương.

Như vậy, Tòa Bảo hiến là cơ quan tư pháp tối cao và độc lập về kiểm hiến và bảo vệ trật tự hiến định, trong khi Tòa án Tối cao giữ vai trò cao nhất trong hệ thống tư pháp thông thường.

Tòa Bảo hiến gồm **chín thẩm phán**, đều do **Tổng thống chính thức bổ nhiệm**, nhưng được phân bổ nguồn đề cử như sau:

- 03 thẩm phán do **Quốc hội Hàn Quốc** bầu chọn;
- 03 thẩm phán do **Chánh án Tòa án Tối cao** đề cử;
- 03 thẩm phán còn lại do **Tổng thống trực tiếp lựa chọn**.

Nhiệm kỳ của thẩm phán Tòa Bảo hiến là **sáu năm**, có thể được tái bổ nhiệm “theo các điều kiện do luật quy định”.

[Luật Tòa Bảo hiến](#) xác nhận quy định này tại **Điều 7(1)** và bổ sung tại **Điều 7(2)** rằng tuổi nghỉ hưu bắt buộc của thẩm phán là **70 tuổi**.

Tòa Bảo hiến chỉ ra phán quyết hợp lệ khi có **đa số ít nhất sáu trong chín thẩm phán** đồng ý. Quy định này đảm bảo tính thận trọng và tính chính danh cao của các phán quyết (đặc biệt trong các vụ luận tội tổng thống hoặc giải tán đảng phái chính trị).

## 9. CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Về mặt hành chính, Cộng hòa Hàn Quốc [được chia](#) thành:

- 9 tỉnh (do),
- 6 thành phố trực thuộc trung ương (gwangyeoksi),
- 1 thành phố đặc biệt (thủ đô Seoul),
- 1 thành phố tự trị đặc biệt (Sejong).

Các đơn vị này tiếp tục được [chia nhỏ thành các cấp địa phương](#): thành phố (si), huyện (gun), quận (gu), thị trấn (eup), xã (myeon), phường (dong) và thôn/làng (ri).

Trong giai đoạn từ năm 1963 đến khi chuyển đổi dân chủ năm 1987, bầu cử địa phương bị bãi bỏ và chính quyền trung ương kiểm soát chặt chẽ mọi hoạt động của chính quyền địa phương. Khi Tổng thống Roh Tae-woo – vị tổng thống đầu tiên của Đế lục Cộng hòa dân chủ – trì hoãn việc khôi phục bầu cử địa phương, lãnh đạo đối lập Kim Dae-jung (sau này là tổng thống) đã tuyệt thực, buộc chính quyền Roh phải tổ chức bầu cử địa phương vào năm 1991.

Hiện nay, bầu cử địa phương được tổ chức **cứ bốn năm một lần**, [gần đây nhất](#) vào ngày 1 tháng 6 năm 2022.

Tuy nhiên, về mặt tài chính, chính quyền địa phương vẫn phụ thuộc rất lớn vào trung ương: giai đoạn 2014–2015, các khoản chuyển từ ngân sách trung ương chiếm tới **52 %** tổng chi tiêu của các chính quyền địa phương.

Như vậy, dù đã đạt được tự trị chính trị đáng kể, quyền tự chủ tài chính của địa phương vẫn là một hạn chế lớn trong hệ thống phân quyền của Hàn Quốc.

## 10. VAI TRÒ CỦA CÁC PHONG TRÀO XÃ HỘI

Các phong trào xã hội đã đóng vai trò quyết định trong việc đưa Hàn Quốc chuyển đổi thành công sang dân chủ năm 19875 và tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong quá trình củng cố dân chủ sau đó.6 Những phong trào này được ghi nhận đã góp phần làm giảm mạnh nạn “mua phiếu bầu”: tỷ lệ cử tri được khảo sát thừa nhận từng bị mua chuộc giảm từ 18 % trong cuộc bầu cử Quốc hội năm 1992 xuống còn 1 % vào năm 2008.

Đáp lại các phong trào xã hội mang màu sắc “tiến bộ” ấy, một làn sóng “phản huy động” (counter-mobilisation)<sup>7</sup> đã xuất hiện trong nhiệm kỳ Tổng thống Roh Moo-hyun (2003-2008). Sự phân hóa trong xã hội dân sự giữa phe tiến bộ và phe bảo thủ ngày càng sâu sắc và hiện nay tập trung chủ yếu vào các vấn đề bình đẳng giới (gender (in)equality). Trong chiến dịch bầu cử tổng thống năm 2022, những vấn đề này trở nên nổi bật đến mức tờ The New York Times [đã mô tả](#) đó là “cuộc chiến giới tính đã thấm đẫm toàn bộ cuộc đua vào phủ tổng thống” (a gender war that has infused the presidential race).

Như vậy, từ động lực thúc đẩy dân chủ hóa, các phong trào xã hội hiện đã trở thành một trong những trục phân cực chính trị – xã hội quan trọng nhất của Hàn Quốc đương đại.

## 11. VAI TRÒ CỦA CÁC CHAEBOL

[Các chaebol](#) – những tập đoàn kinh tế khổng lồ do gia đình kiểm soát và thống trị nền kinh tế Hàn Quốc – cùng với [liên đoàn của chúng](#) (Federation of Korean Industries – FKI) đã giữ vai trò trung tâm trong chính sách công nghiệp hóa của nhà nước kể từ cuộc đảo chính quân sự năm 1961. Tuy nhiên, chính sự gắn bó quá mức của chúng với chính trị đồng thời đã nuôi dưỡng tham nhũng quy mô lớn thông qua việc hối lộ các chính khách hàng đầu, bao gồm cả các tổng thống. [Số tiền hối lộ](#) được cho là lên tới hàng trăm triệu, thậm chí hàng tỷ đô la Mỹ.

Một số nghiên cứu cho rằng dưới chế độ dân chủ, ảnh hưởng chính trị của các chaebol thậm chí còn gia tăng, ví dụ thông qua việc thành lập các viện nghiên cứu chính sách (think-tank) riêng hoặc vận động hành lang tinh vi hơn. Năm 2018, cựu Tổng thống Park Geun-hye – người đã bị phế truất thành công năm 2017 – [bị kết án tù](#) vì nhận hơn 17 triệu USD tiền hối lộ từ lãnh đạo các tập đoàn Samsung, Lotte và SK.

Kiểm soát hoạt động của chaebol và vị thế độc quyền cá nhân hoặc độc quyền nhóm của chúng luôn là [khẩu hiệu thường trực trong các chiến dịch tranh cử](#), nhưng hầu hết các nỗ lực cải cách đều không đạt hiệu quả đáng kể do:

(i) sức mạnh vận động hành lang của doanh nghiệp,

(ii) sự kháng cự từ bên trong bộ máy quan liêu<sup>8</sup>, và

(iii) lập luận chiến lược rằng chaebol là lực lượng không thể thiếu trong trường hợp cần [tái thiết Triều Tiên](#) trong tương lai.

Do đó, dù dân chủ hóa đã làm thay đổi nhiều lĩnh vực, quan hệ quyền lực giữa nhà nước và các chaebol vẫn là một trong những đặc trưng dai dẳng và gây tranh cãi nhất của mô hình phát triển Hàn Quốc.

## 12. VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ VÀ CÁC NHÓM THIỂU SỐ

[Các tổ chức nhân quyền](#) đặc biệt chỉ trích tình trạng phân biệt đối xử có hệ thống đối với phụ nữ và cộng đồng người đồng tính, song tính, chuyển giới (LGBT) tại Cộng hòa Hàn Quốc.

Phân biệt đối xử với phụ nữ thể hiện rõ nhất trên thị trường lao động. [Một nghiên cứu gần đây](#) cho thấy trong số các quốc gia thành viên OECD, Hàn Quốc là nước còn cách xa nhất trong việc đạt được Mục tiêu Phát triển Bền vững số 5 của Liên Hợp Quốc (bình đẳng giới). Năm 2019, [khoảng cách lương](#) theo giới tại Hàn Quốc là 32,5 % – một trong những mức cao nhất OECD, trong khi phụ nữ chỉ chiếm 5,2% [vị trí thành viên hội đồng quản trị](#) tại các doanh nghiệp niêm yết. [Báo cáo về khoảng cách giới toàn cầu](#) năm 2021 của Diễn đàn Kinh tế Thế giới xếp Hàn Quốc ở vị trí 102/156 quốc gia (so với Trung Quốc hạng 107 và Nhật Bản hạng 120).

[Sau phán quyết](#) của Tòa Bảo hiến năm 2019, phá thai đã được phi hình sự hóa kể từ ngày 1/1/2021.

Về cộng đồng LGBT, [báo cáo gần đây](#) của Human Rights Watch tập trung vào tình trạng phân biệt đối xử đối với học sinh LGBT trong trường học – phản ánh [vấn đề rộng lớn hơn](#) tồn tại trong quân đội và nhiều lĩnh vực khác. Tháng 12/2021, [30 tổ chức](#) đã gửi thư ngỏ tới Quốc hội Hàn Quốc yêu cầu thông qua Luật Chống phân biệt đối xử toàn diện. Thư nhấn mạnh rằng hiện Hàn Quốc vẫn chưa có bất kỳ đạo luật nào cấm phân biệt đối xử dựa trên khuynh hướng tình dục, khiến người LGBT dễ trở thành nạn nhân của quấy rối và ngược đãi. Thư đồng thời chỉ trích tình trạng phân biệt đối xử đối với phụ nữ và trẻ em gái, người cao tuổi, người khuyết tật và các nhóm dân tộc thiểu số.

Như vậy, dù đã đạt được những tiến bộ đáng kể về dân chủ và phát triển kinh tế, Hàn Quốc vẫn còn khoảng cách lớn trong việc bảo đảm bình đẳng thực chất cho phụ nữ và các nhóm thiểu số tính dục – đây là một trong những thách thức nhân quyền dai dẳng nhất của quốc gia này.

### 13. QUAN HỆ GIỮA NGHỊ VIỆN CHÂU ÂU VÀ QUỐC HỘI HÀN QUỐC

[Ủy ban Quan hệ với Bán đảo Triều Tiên](#) (Delegation for Relations with the Korean Peninsula – DKOR) của Nghị viện châu Âu được thành lập năm 2004, có nhiệm vụ giám sát quan hệ với cả Cộng hòa Hàn Quốc và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên.

Ủy ban này tổ chức các cuộc họp định kỳ, tập trung trao đổi với các nhà ngoại giao và chuyên gia nghiên cứu về tình hình phát triển trên bán đảo Triều Tiên, đặc biệt là quan hệ liên Triều.

Trong điều kiện bình thường (không có đại dịch),

- Các thành viên DKOR đến thăm và làm việc với Quốc hội Hàn Quốc hai năm một lần;
- Năm tiếp theo, một phái đoàn Quốc hội Hàn Quốc đến thăm và làm việc tại Nghị viện châu Âu (Strasbourg và Brussels).

Cơ chế trao đổi luân phiên này đã trở thành thông lệ ổn định và hiệu quả từ gần hai thập kỷ qua.

Ngược lại, dù trong quá khứ từng có một số tiếp xúc giữa Nghị viện châu Âu và Đại hội Nhân dân Tối cao (Quốc hội) Triều Tiên, nhưng các tiếp xúc này diễn ra rất hiếm hoi và không đều đặn.

Như vậy, quan hệ nghị viện giữa châu Âu và Hàn Quốc là một trong những kênh hợp tác nghị viện tích cực và liên tục nhất mà Nghị viện châu Âu duy trì với một quốc gia châu Á.

#### **Tham khảo chính:**

Hayes L., *Political systems of East Asia: China, Korea and Japan*, Routledge, 2012.

Moon C-i; Moon, J-m (ed.), *Routledge Handbook of Korean Politics and Public Administration*, Routledge, 2020.

#### **Chú thích:**

(1) Bản tóm tắt này được biên soạn dựa chủ yếu trên các nguồn tài liệu sau:

Cumings, B., *Korea's place in the sun: A modern history*, W. W. Norton, 2005.

Cumings, B., *The Korean War*; Modern Library Edition, 2010.

Moon, C.-i. and Moon, M.-j. (eds), *Routledge Handbook of Korean politics and public administration*, Routledge, 2020.

Hayes, L.D., *Political systems of East Asia*, Routledge, 2012.

(2) Tổng quan về cả sáu nền cộng hòa có thể xem tại: chẳng hạn, trong Routledge (2020) trang 22.

(3) Routledge Handbook (2020), trang 83.

(4) Tác giả tự tính.

(5) Yun, S., *Democratization in South Korea: 'Social Movements and their political opportunity structures'* in: *Asian Perspectives*, Volume 21, number 3 (đông 1997).

(6) Kim, Ho-ki, *'The state and civil society in South Korea 1987-1999'* in: *Civil movements and democratic consolidation*, Volume 25, number 1 (2001).

(7) Kim, Sun-hyunk and Jeong, Jong-ho, *'Historical developments of Civil Society in Korea since 1987'* in: *Journal of international and area studies*, Vol. 24, Number 2, tháng 12 2017.

(8) Routledge Handbook (2020), trang 66.

# Sai lầm chí mạng của Mô hình Trung Quốc

*Tại sao Bắc Kinh không thể vượt qua tình trạng dư thừa công suất.*

**Tác giả:** Lizzi C. Lee

**Biên dịch:** Phong trào Duy Tân.

**Nguồn:** Lizzi C. Lee, "[The China Model's Fatal Flaw](#)," Foreign Affairs, 21/10/2025.

Vai trò của Trung Quốc với tư cách là “công xưởng của thế giới” — sản xuất và xuất khẩu hàng hóa đi khắp toàn cầu — đã bước sang một giai đoạn mới. Trong thập niên vừa qua, Trung Quốc đã nỗ lực đáng kể nhằm nâng cao vị thế của ngành sản xuất trong chuỗi giá trị toàn cầu, qua đó tạo ra một làn sóng sản phẩm công nghệ xanh giá rẻ, bao gồm xe điện, pin và tấm pin năng lượng mặt trời. Hiện nay, Trung Quốc đã sản xuất các mẫu xe điện có giá dưới 10.000 USD — trong khi hầu hết các mẫu xe giá rẻ tại Hoa Kỳ có giá khởi điểm khoảng 30.000 USD — và chiếm khoảng 80% chuỗi cung ứng năng lượng mặt trời toàn cầu.

Tuy nhiên, thay vì hoan nghênh làn sóng sản phẩm năng lượng tái tạo này, hai thị trường tiêu dùng lớn nhất thế giới lại lên án các mặt hàng nhập khẩu từ Trung Quốc như một mối đe dọa mang tính cơ cấu đối với cạnh tranh công bằng. Tháng 5 năm 2024, [chính quyền Tổng thống Biden](#) đã áp dụng mức tăng thuế quan lên tới 100% đối với nhiều loại hàng hóa Trung Quốc, với lý do đây là biện pháp phòng vệ trước việc Bắc Kinh “làm tràn ngập thị trường toàn cầu bằng hàng xuất khẩu với giá thấp do can thiệp.” Ủy ban châu Âu cũng có động thái tương tự, họ áp thuế đối với xe điện Trung Quốc vào tháng 10 năm 2024 và cho rằng các “khoản trợ cấp không công bằng bởi chính phủ” của Trung Quốc đang gây ra “nguy cơ thiệt hại kinh tế” cho các nhà sản xuất trong Liên minh châu Âu. Bất kể hiệu quả thực tế của các biện pháp thương mại này ra sao, thông điệp đã trở nên rõ ràng: Trung Quốc sản xuất nhiều hơn mức mà thế giới có thể hấp thụ.

Dĩ nhiên, căng thẳng này không phải là điều mới mẻ. “Tình trạng dư thừa công suất” của Trung Quốc — thuật ngữ chỉ việc sản xuất vượt quá nhu cầu — từ lâu đã là nguyên nhân khiến các chính phủ khác phàn nàn. Trước đây, Trung Quốc từng sản xuất dư thừa thép, than, xi măng và các loại hàng hóa khác, gây sức ép lên các đối thủ cạnh tranh ở nơi khác và kéo giá toàn cầu xuống mức

không có lợi nhuận. Xu hướng dư thừa công suất của Trung Quốc thường được quy cho sự mất cân đối cơ bản trong nền kinh tế: mức trợ cấp của chính phủ và đầu tư vào sản xuất cùng cơ sở hạ tầng cao bất thường so với các nền kinh tế phát triển khác, trong khi tiêu dùng hộ gia đình tính theo tỷ trọng GDP lại thấp một cách bất thường. Nói một cách đơn giản, Trung Quốc thiếu hụt nhu cầu nội địa đủ lớn để hấp thụ sản lượng từ các nhà máy trong nước, dẫn đến tình trạng dư thừa xuất khẩu.

Tuy nhiên, làn sóng phát triển công nghệ xanh hiện nay của Trung Quốc đang phơi bày một khía cạnh nghiêm trọng và mang tính hệ thống hơn trong cơ cấu chính trị – kinh tế của nước này. Thực tế, tình trạng dư thừa công suất của Trung Quốc ngày nay không bắt nguồn từ sự bão hòa của nhu cầu trong nước hay do mức trợ cấp quá mức. Hãy xem xét ngành năng lượng mặt trời: nhu cầu lắp đặt trong nước vẫn đang tăng mạnh. Chỉ riêng năm 2024, Trung Quốc đã lắp đặt 277 gigawatt công suất năng lượng mặt trời mới — hơn gấp đôi tổng công suất tích lũy từng được lắp đặt tại Hoa Kỳ — và năm 2025 dự kiến sẽ đạt hoặc vượt con số đó. Đồng thời, quan niệm cho rằng các khoản trợ cấp đang duy trì đà tăng trưởng của ngành năng lượng mặt trời Trung Quốc đã trở nên lỗi thời; chính phủ trung ương Trung Quốc đã chấm dứt trợ cấp cho ngành này từ năm 2021. Trong khi đó, ở các lĩnh vực xe điện và pin, nhu cầu của người tiêu dùng Trung Quốc vẫn đang tăng mạnh, và các chương trình trợ cấp trực tiếp khi mua hàng cũng đã được loại bỏ.

Thách thức thực sự, do đó, không nằm ở nhu cầu nội địa yếu hay các khoản hỗ trợ nhà nước quá mức, mà ở sự bùng nổ nguồn cung một cách phi thường và dường như khó kiểm soát — một hiện tượng mà Bắc Kinh đang vật lộn để kiềm chế. Kể từ giữa năm 2024, các cơ quan trung ương của Trung Quốc đã liên tục cảnh báo về tình trạng “mở rộng mù quáng” trong các lĩnh vực năng lượng mặt trời, pin và xe điện. Mùa hè năm nay, sau khi một cuộc chiến giá khốc liệt trong ngành năng lượng mặt trời khiến giá giảm khoảng 40% so với cùng kỳ năm trước, các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã chỉ đạo giới chức xử lý tình trạng dư thừa công suất và hiện tượng định giá “phi lý” trong các ngành công nghiệp chủ chốt, bao gồm năng lượng mặt trời. Ngay sau đó, các quan chức cấp cao đã tổ chức cuộc họp với các lãnh đạo doanh nghiệp nhằm kêu gọi các công ty hạn chế chiến tranh giá cả và tăng cường quy định trong ngành.

Tuy nhiên, những nỗ lực của Bắc Kinh khó có thể giải quyết được vấn đề một cách căn bản. Khác với các giai đoạn dư thừa công suất trước đây, các tác nhân chính hiện nay chủ yếu là doanh nghiệp tư nhân, chứ không phải doanh nghiệp nhà nước. Nếu Bắc Kinh can thiệp bằng cách buộc các doanh nghiệp sáp nhập hoặc đóng cửa nhà máy, điều đó có thể gây ra thất nghiệp và làm đình

trệ các động lực tăng trưởng địa phương vốn đang phụ thuộc vào những ngành này. Hơn nữa, xuất khẩu hiện là một trong số ít điểm sáng còn lại trong bức tranh tăng trưởng GDP đang chững lại của Trung Quốc. Nếu chính phủ thực sự hạn chế sản xuất và xuất khẩu, điều đó có thể gây tổn hại nghiêm trọng đến toàn bộ nền kinh tế.

Vấn đề cốt lõi nằm ở chỗ: bằng cách ưu tiên tốc độ và quy mô thay vì năng suất và khả năng khác biệt hóa, cơ chế vận hành nội tại của nền kinh tế chính trị Trung Quốc đã khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất vượt mức cần thiết. Mặc dù đây luôn là hệ quả có thể dự đoán của hệ thống chính trị – tài chính Trung Quốc, nhưng trong phần lớn thời kỳ tăng trưởng ngoạn mục của quốc gia này, các khiếm khuyết đó vẫn được kiềm chế ở mức độ nhất định. Tuy nhiên, kể từ năm 2020, những biến động trong nền kinh tế — bao gồm sự sụp đổ của thị trường bất động sản và các biện pháp siết chặt đối với khu vực tư nhân cũng như hoạt động đầu tư — đã làm trầm trọng thêm các động lực cơ cấu dẫn đến tình trạng dư thừa công suất.

Hệ quả không chỉ là tổn hại đối với quan hệ thương mại của Trung Quốc, mà còn là sự sụt giảm mạnh trong lợi nhuận doanh nghiệp, áp lực giảm phát đáng kể và những hạn chế đối với đổi mới sáng tạo. Theo thời gian, các cuộc chiến giá cả khốc liệt này còn lan sang thị trường lao động, khiến doanh nghiệp đóng băng tiền lương hoặc cắt giảm việc làm, từ đó làm suy yếu tiêu dùng hộ gia đình, làm sâu sắc thêm tình trạng suy giảm cơ cấu của nền kinh tế và khiến tăng trưởng ngày càng khó duy trì. Nếu không có những cải cách đáng kể, Trung Quốc có nguy cơ lặp lại những sai lầm trong quá khứ khi tìm cách tiến xa hơn trong chuỗi giá trị, vươn tới các lĩnh vực công nghệ cao như trí tuệ nhân tạo và công nghệ sinh học — và hậu quả tiềm tàng đối với nền kinh tế có thể còn nghiêm trọng hơn.

## NHÀ QUẢN THUẾ

Xu hướng sản xuất dư thừa của Trung Quốc bắt nguồn từ một yếu tố tưởng chừng không liên quan: hệ thống đánh giá và thăng tiến trong Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ). Trong bộ máy quan liêu của ĐCSTQ, các quan chức địa phương được đánh giá chủ yếu dựa trên khả năng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm và đóng góp ngân sách thuế. Tuy nhiên, sắc thuế lớn nhất của Trung Quốc — thuế giá trị gia tăng (VAT) — lại được chia đều giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương nơi hàng hóa hoặc dịch vụ được **sản xuất**, chứ không phải nơi chúng được **tiêu thụ**. Bởi hệ thống này phân bổ nguồn thu thuế theo địa điểm sản xuất, nó khuyến khích các địa phương mở rộng quy mô công nghiệp để gia tăng nguồn thu. Các quan chức địa phương

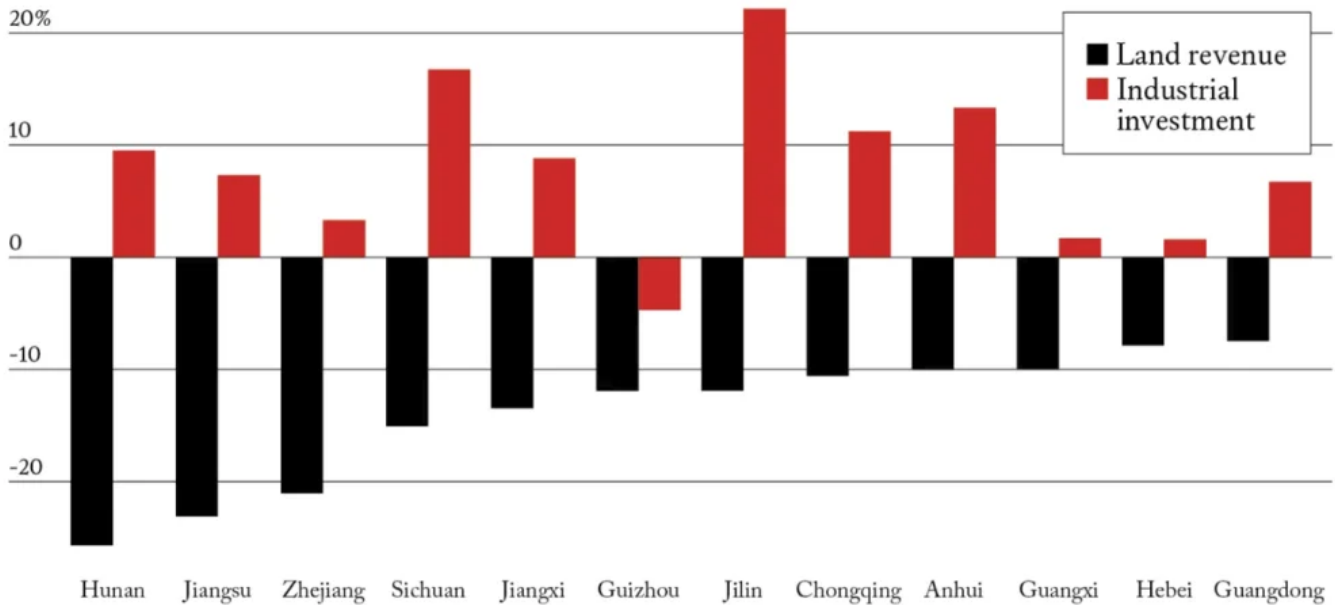
tìm cách giữ lại càng nhiều hoạt động sản xuất ở thượng nguồn và hạ nguồn càng tốt nhằm mở rộng cơ sở thuế của họ. (Ngược lại, trong hệ thống thuế của Hoa Kỳ, phần lớn cơ sở thuế doanh nghiệp được phân bổ theo nơi có khách hàng của doanh nghiệp, thay vì nơi sản xuất hàng hóa, khiến nguồn thuế được phân bổ đồng đều hơn giữa các khu vực pháp lý.)

Chính đặc điểm này của hệ thống thuế Trung Quốc đã lý giải sự phổ biến của các **cụm công nghiệp “toàn chuỗi” (full stack)** trên khắp đất nước: các dây chuyền lắp ráp xe điện được đặt gần các cơ sở sản xuất pin, còn các nhà máy sản xuất tấm pin năng lượng mặt trời được tích hợp chặt chẽ với các nhà cung cấp nguyên vật liệu và linh kiện.

Hệ thống này trên thực tế khuyến khích các lãnh đạo cấp tỉnh và thành phố hành xử như những **nhà đầu tư công nghiệp** hoặc **quỹ đầu tư mạo hiểm**. Trong nhiều trường hợp, cách tiếp cận này đã mang lại hiệu quả đáng kể. Trong thập niên qua, thành phố Hợp Phì (Hefei) — thủ phủ của tỉnh An Huy — đã đầu tư khoảng 25 tỷ USD vốn nhà nước vào nhiều doanh nghiệp đang gặp khó khăn, bao gồm hãng sản xuất xe điện Nio và nhà sản xuất màn hình phẳng BOE, và thu được kết quả ấn tượng. Bằng việc đóng vai trò là nhà đầu tư sớm và chấp nhận rủi ro ban đầu, Hợp Phì đã kích thích khoảng 96 tỷ USD vốn đầu tư tiếp theo và tạo ra khoảng 9 tỷ USD doanh thu thuế. **“Mô hình Hợp Phì”** kể từ đó đã được nhiều địa phương khác học tập, với các tỉnh thành đua nhau xây dựng những cụm công nghiệp của riêng mình.

# REVENUE REPLACEMENT

Industrial investment in Chinese provinces where land revenues fell the most from 2023 to 2024



Sources: Author's calculations; National Bureau of Statistics of China. Research assistance by Shengyu Wang.

*Thay thế thu nhập. Ở những nơi mà thu nhập từ đất giảm, chính quyền địa phương chuyển hướng sang tìm kiếm thu nhập thông qua đầu tư vào các ngành công nghiệp.*

Tuy nhiên, thành công của Hợp Phi phụ thuộc vào những điều kiện đặc thù—cụ thể là thành phố này đã đầu tư vào các công ty đã tương đối trưởng thành. Khi các tỉnh khác cố gắng sao chép mô hình này, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghệ cao mà Bắc Kinh đã thể hiện sự hỗ trợ, họ thường thiếu nền tảng tương tự; kết quả là, nhiều dự án đã không đạt kỳ vọng, gây căng thẳng tài chính cho chính quyền địa phương. Tuy nhiên, các quan chức tỉnh vẫn tiếp tục đổ xô vào những ngành công nghiệp này, vì các khoản trợ cấp được chỉ định từ chính phủ trung ương thực tế đã biến Bắc Kinh thành một đồng tài trợ. Các tỉnh đổ vốn đối ứng, cung cấp đất đai và dịch vụ tiện ích với giá ưu đãi, và đảm bảo phê duyệt nhanh chóng các quy định để đảm bảo nhận được tiền từ Bắc Kinh và đủ điều kiện nhận hỗ trợ từ chính phủ trung ương. Sau khi Bắc Kinh công bố **Kế hoạch 5 năm lần thứ 14** vào năm 2011, trong đó xác định xe điện, tấm pin năng lượng mặt trời và pin là “các ngành công nghiệp chiến lược mới nổi,” các kế hoạch 5 năm của các tỉnh bắt đầu giống hệt nhau, mỗi tỉnh đều hứa hẹn sẽ xây dựng những cụm công nghiệp tương tự trong các ngành

công nghiệp tương tự. Đây là kết quả hợp lý của một hệ thống thuế và trợ cấp khuyến khích quy mô thay vì sự lựa chọn có tính chọn lọc.

Tuy nhiên, trong phần lớn ba thập kỷ qua, các động lực hành chính thúc đẩy hệ thống sao chép này đã được giảm bớt nhờ vào vai trò của thị trường bất động sản trong nền kinh tế chính trị của Trung Quốc. Do nhà nước sở hữu tất cả đất đai đô thị tại Trung Quốc và cho các nhà phát triển bất động sản thuê, các quan chức địa phương đã dựa vào việc bán đất để cung cấp một phần ba hoặc hơn vào ngân sách của họ—điều này có nghĩa là họ không phải tập trung hoàn toàn vào việc thu hút đầu tư công nghiệp. Phát triển đất đai là động lực chính của tăng trưởng và ngân sách địa phương. Tuy nhiên, vào năm 2021–2022, bong bóng bất động sản của Trung Quốc đã vỡ; Evergrande, một trong những nhà phát triển lớn nhất của quốc gia này, đã vỡ nợ với hơn 300 tỷ USD nợ và tiến hành thủ tục thanh lý. Các chính quyền địa phương chứng kiến doanh thu từ bán đất giảm mạnh từ 1,3 nghìn tỷ USD vào năm 2021 xuống còn 670 tỷ USD vào năm 2024.

Cùng lúc đó, khi Bắc Kinh thắt chặt giám sát các công cụ tài chính đã dẫn đến bong bóng này ngay từ đầu—như trái phiếu đặc biệt và các khoản vay ngắn hạn—chính quyền địa phương đã rơi vào tình trạng không còn cách nào để lấp đầy khoảng trống ngân sách của mình. Với không gian tài chính bị hạn chế nghiêm trọng, việc mở rộng công suất công nghiệp trở thành công cụ cuối cùng mà các quan chức địa phương có thể sử dụng để đảm bảo tăng trưởng, tạo ra việc làm mới và mở rộng cơ sở thuế. Đối với những quan chức hành chính ngại rủi ro rằng đang đối mặt với một cuộc khủng hoảng tài chính sắp xảy ra, sự lựa chọn an toàn nhất là tham gia vào xu hướng này.

## **CHO TÔI THẤY TIỀN**

Cũng giống như cấu trúc của hệ thống thuế Trung Quốc giúp giải thích vì sao công suất sản xuất ở đây lại mở rộng nhanh chóng, cấu trúc của hệ thống tài chính quốc gia này cũng giúp lý giải tại sao công suất đó lại thường xuyên bị trùng lặp và kém hiệu quả. Cứ liên tục như vậy, dòng tín dụng củng cố cùng một khuynh hướng—xây dựng nhanh, xây dựng dễ nhìn thấy, và xây dựng với sự hậu thuẫn của nhà nước.

Hệ thống ngân hàng do nhà nước chi phối của Trung Quốc từ lâu đã ưu tiên những dự án hữu hình được chính phủ bảo trợ hơn là các dự án tư nhân có mục tiêu trả lợi nhuận dài hạn hoặc mang tính rủi ro cao, như phát triển dược phẩm và các ngành công nghệ sinh học khác. Các ngân hàng Trung Quốc thường phải tuân thủ những quy định nghiêm ngặt về cho vay và đầu tư, do đó họ thích cho vay vào các dự án ít rủi ro, có tài sản vật chất làm tài sản thế chấp và đã có giấy phép quy định

cũng như sự bảo trợ của chính phủ. Từ góc độ quản lý rủi ro, sở thích này là có thể hiểu được. Tuy nhiên, kết quả là một hệ thống chuyển hướng nguồn vốn khan hiếm vào các nhà máy, dây chuyền sản xuất và cơ sở hạ tầng vật lý, vốn thường chỉ mang lại lợi nhuận tương đối thấp.

Đây là một trong những lý do giải thích tại sao, trong một thời kỳ trước đây, Trung Quốc đã trở thành quốc gia thống trị ngành sản xuất toàn cầu các mặt hàng như quần áo, đồ chơi và điện tử—và tại sao, ngày nay, nước này lại thống trị các ngành xe điện, tấm pin năng lượng mặt trời và pin. Tuy nhiên, hậu quả của việc này là một nền kinh tế có tốc độ xây dựng vượt trội, nhưng lợi nhuận lại luôn mỏng manh. Khi nhu cầu giảm sút hoặc thị trường trở nên bão hòa, các công ty buộc phải giảm giá và mở rộng xuất khẩu để duy trì sản xuất, điều này càng làm suy yếu tỷ suất lợi nhuận của họ. Các nhà sản xuất ô tô của Trung Quốc, chẳng hạn, đã chứng kiến tỷ suất lợi nhuận trung bình giảm từ 5,0% vào năm 2023 xuống còn 4,4% vào năm 2024, khi họ đua nhau chiếm thị phần thông qua các đợt giảm giá mạnh.

Tỷ suất lợi nhuận liên tục thấp cũng có nghĩa là các công ty không có đủ tiền mặt để tái đầu tư vào phát triển sản phẩm và tuyển dụng lao động; điều này lại khiến tăng trưởng thu nhập hộ gia đình và nhu cầu tiêu dùng bị kìm hãm. Theo cách này, tình trạng dư thừa công suất không chỉ là một vấn đề ngành mà còn trở thành yếu tố kéo nền kinh tế Trung Quốc nói chung, tạo ra một vòng luẩn quẩn của lợi nhuận thấp, đầu tư yếu, tạo việc làm chậm và nhu cầu tiêu dùng yếu ớt kéo dài.

Tuy nhiên, các công ty hiếm khi hoàn toàn đóng cửa hoạt động, bởi vì các ngân hàng được chính phủ hỗ trợ thường xuyên gia hạn các khoản vay hiện có để các công ty này có vẻ vẫn có khả năng thanh toán trên giấy tờ. Theo cách này, ngay cả khi các công ty này chỉ đang trả lãi vay mà không tạo ra lợi nhuận mạnh mẽ, các ngân hàng cũng tránh được việc phải ghi nhận tổn thất ngay lập tức—và tránh khả năng góp phần vào sự sụp đổ của một nhà tuyển dụng lớn tại địa phương. Tín dụng tiếp tục đổ vào những ngành và công ty “xác sống” này, dù năng suất của chúng đang giảm sút, trong khi chúng lại kéo nền kinh tế rộng lớn hơn xuống theo thời gian.

Trong khi đó, các doanh nghiệp tư nhân không theo đuổi ngành nghề được chính phủ bảo trợ từ lâu đã gặp khó khăn trong việc tiếp cận tín dụng ngân hàng giá rẻ, điều này có nghĩa là họ phải tìm nguồn vốn từ các kênh không phải ngân hàng có chi phí cao, chẳng hạn như vốn đầu tư mạo hiểm, vốn cổ phần tư nhân và phát hành cổ phiếu ra công chúng. Những kênh này đã giúp thúc đẩy phần lớn sự tăng trưởng kỷ lục của Trung Quốc trong hai thập kỷ đầu của thế kỷ 21: tính đến tháng 10 năm 2020, có 217 công ty Trung Quốc niêm yết trên các sàn giao dịch lớn của Mỹ với tổng giá trị

thị trường lên tới 2,2 nghìn tỷ USD, cho thấy mức độ sâu rộng mà các công ty tư nhân Trung Quốc đã khai thác từ các thị trường cổ phiếu toàn cầu. Các nền tảng đầu tư mạo hiểm hàng đầu cũng đã mở rộng mạnh mẽ. Ví dụ, chi nhánh Sequoia tại Trung Quốc (nay là HongShan) đã hỗ trợ hàng trăm công ty tư nhân, trong đó có những câu chuyện thành công nổi bật nhất của Trung Quốc, như công ty truyền thông xã hội ByteDance và nền tảng vận tải Didi.

Tuy nhiên, trong năm năm qua, các doanh nghiệp tư nhân đã chứng kiến các lựa chọn tài chính ngày càng khan hiếm. Bắt đầu từ cuối năm 2020, Bắc Kinh đã tiến hành một chiến dịch mạnh mẽ chống lại các nền tảng công nghệ, dạy thêm tư nhân và các ngành công nghiệp tăng trưởng cao khác, những lĩnh vực trước đây thu hút lượng lớn vốn đầu tư mạo hiểm. Điều này đã tạo ra một hiệu ứng làm chùn bước. Các nhà đầu tư đột ngột nhận ra rằng toàn bộ ngành công nghiệp có thể bị đảo lộn chỉ trong một đêm do các quyết định hành chính. Sự bất ổn này khiến các nhà đầu tư tư nhân trở nên thận trọng hơn, và nhiều người bắt đầu rút lại vốn. Trong quý đầu tiên của năm 2024, các công ty tư nhân tại khu vực **Greater China** (bao gồm Trung Quốc đại lục, Hồng Kông, Ma Cao và Đài Loan) chỉ huy động được 12 tỷ USD, giảm 42% so với quý trước đó. (Sự giảm sút toàn cầu trong cùng kỳ chỉ là 12%.) Các công ty đầu tư mạo hiểm nước ngoài cũng đã rút lui, với đầu tư xuyên biên giới vào Trung Quốc giảm mạnh từ 67 tỷ USD trong năm 2021 xuống chỉ còn 19 tỷ USD vào năm 2023. Các nhà đầu tư Mỹ, đặc biệt, vắng mặt trong các giao dịch lớn nhất.

Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ) đã cố gắng lấp đầy khoảng trống tài chính này, nhưng chưa đạt được kết quả. Các số liệu chính thức, chẳng hạn, cho thấy từ năm 2023 đến 2024, số dư trung bình của các khoản vay bao trùm cho các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ là khoảng 67.000 USD, gần như không đủ để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của hầu hết các khoản vay này, hướng chỉ là các dự án đổi mới sáng tạo dài hạn, vốn có tiềm năng mang lại lợi nhuận bền vững và chất lượng cao. (So với đó, trong năm tài chính 2024, chương trình cho vay 7(a) nổi bật của **Cơ quan Quản lý Doanh nghiệp Nhỏ Hoa Kỳ** đã cung cấp mức tài trợ trung bình là 448.400 USD.) Các doanh nghiệp tư nhân cũng vẫn phải đối mặt với chi phí vay cao hơn đáng kể so với các doanh nghiệp nhà nước.

Những nỗ lực của Bắc Kinh trong việc lấp đầy khoảng trống vốn đầu tư mạo hiểm và cổ phần tư nhân bằng các quỹ hỗ trợ từ nhà nước cũng đã tỏ ra vụng về, vì chúng phụ thuộc vào các phương tiện tài chính yêu cầu các cam kết bảo đảm, bao gồm các điều khoản mua lại khắt khe và tập trung vốn vào một vài ngành nhất định. Các quan chức quản lý các quỹ này cũng ngần ngại thực hiện các khoản đầu tư mạo hiểm lớn vì bất kỳ thất bại nào cũng có thể bị xem là lãng phí tiền công—

hoặc tệ hơn, là tham nhũng. Ngay cả trong những ngành chiến lược như bán dẫn và công nghệ sinh học, các công ty tư nhân Trung Quốc muốn đổi mới sáng tạo cũng gặp khó khăn trong việc tiếp cận vốn. Mặc dù động lực gần đây của Bắc Kinh nhằm thúc đẩy “những lực lượng sản xuất chất lượng mới”—những ngành mà Trung Quốc coi là động lực tăng trưởng tiếp theo—là thực sự đầy tham vọng về mặt chính trị, nhưng lại thiếu mạnh mẽ trong hỗ trợ tài chính cho khu vực tư nhân.

## **THẤT BẠI LẠI THĂNG TIẾN**

Những động lực định hình hành vi của chính quyền địa phương và các tổ chức tài chính cũng ảnh hưởng đến các doanh nghiệp. Trong những ngành bị cạnh tranh gay gắt nhất của Trung Quốc, các nhà doanh nghiệp hoạt động trong một khuôn khổ cực kỳ lý tính: sao chép nhanh chóng, mở rộng quy mô càng nhanh càng tốt, và định giá một cách quyết liệt.

Các nhà doanh nghiệp có xu hướng sao chép lẫn nhau một phần lớn vì gánh nặng thuế và các khoản đóng góp vô cùng cao ở Trung Quốc làm nản lòng việc chấp nhận rủi ro. Các công ty Trung Quốc không chỉ phải trả thuế cao mà còn phải đóng góp bắt buộc vào các quỹ hưu trí, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và quỹ nhà ở. Theo dữ liệu từ Ngân hàng Thế giới và PwC, tỷ lệ thuế và đóng góp tổng cộng đối với một doanh nghiệp vừa và nhỏ điển hình ở Trung Quốc là 59,2% lợi nhuận vào năm 2019. (Trong khi đó, ở Hoa Kỳ, tỷ lệ này là 36,6% lợi nhuận).

Trong khi đó, các công ty có xu hướng mở rộng nhanh chóng, vì điều này mang lại cho họ quyền lực trong các cuộc đàm phán giá với các nhà cung cấp phía trên và tạo cơ hội cho họ có được sự chú ý từ các chủ nợ, những người thường đánh giá quy mô lớn là ít rủi ro. Bằng cách mở rộng nhanh chóng, các công ty cũng hy vọng nhận được sự ưu đãi từ các quan chức địa phương, những người khao khát trình diễn những “người khổng lồ công nghiệp” lớn.

Cuối cùng, nhiều công ty kết thúc bằng cách giảm giá mạnh vì họ bị cuốn vào một vòng xoáy chết: khi một công ty cắt giảm giá, các công ty khác phải làm theo để bảo vệ thị phần của mình, ngay cả khi điều này làm xói mòn lợi nhuận của tất cả các bên. Lấy ngành công nghiệp ô tô điện (EV) làm ví dụ. Năm 2022, các nhà sản xuất ô tô Trung Quốc đã giảm giá cho 95 mẫu xe. Đến năm 2023, con số này tăng lên 148 và đến cuối năm 2024, con số đã lên tới 227. Mặc dù doanh số bán hàng của BYD ở nước ngoài tiếp tục tăng, lợi nhuận ròng của công ty trong quý II năm 2025 đã giảm 29,9% so với cùng kỳ năm ngoái.

Những tính toán ở cấp độ công ty này được củng cố bởi những áp lực cấu trúc tương tự ảnh hưởng đến cách suy nghĩ của các quan chức địa phương. Chính quyền địa phương không muốn để các công ty trùng lặp hoặc không có lãi rời khỏi thị trường, đặc biệt khi doanh thu từ bất động sản giảm sút. Dù sao đi nữa, các công ty không có lãi vẫn đóng góp vào ngân sách địa phương thông qua thuế giá trị gia tăng (VAT), thuế tiền lương và các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội bắt buộc. Điều này giúp giải thích tại sao chính quyền địa phương lại nâng đỡ các công ty thua lỗ, ít nhất là trên giấy tờ: một nhà máy thất bại vẫn duy trì công ăn việc làm cho người lao động, do đó vẫn phải trả thuế lao động và đóng góp xã hội; nó vẫn mua nguyên vật liệu, tạo ra VAT; và nó vẫn đóng góp vào thống kê sản lượng công nghiệp, điều này rất quan trọng đối với việc đánh giá cán bộ. Nói cách khác, các công ty không có lãi vẫn có giá trị tài chính không phải vì chúng tạo ra lợi nhuận, mà vì chúng tạo ra thuế.

## **TẠI RANH GIỚI**

Nếu các công ty, nhà tài chính và quan chức địa phương đều hành động một cách hợp lý trong hệ thống hiện tại và kết quả là tình trạng dư thừa công suất, thì cách duy nhất để thay đổi hướng đi sẽ là thay đổi chính hệ thống. Tuy nhiên, cho đến nay, Bắc Kinh chỉ mới thực hiện những điều chỉnh nhỏ. Gần đây, ví dụ, các quan chức đã giới thiệu dự thảo luật sẽ cấm các công ty sử dụng thuật toán để điều chỉnh giá một cách động học dựa trên nhu cầu, chi phí hoặc đối thủ cạnh tranh. Bắc Kinh cũng đã đưa ra các quy định mới yêu cầu các công ty lớn phải thanh toán cho các nhà cung cấp vừa và nhỏ trong vòng 60 ngày—một phản ứng đối với cuộc chiến giá cả trong ngành ô tô điện (EV), trong đó các công ty đã tài trợ cho các khoản giảm giá của mình bằng cách kéo dài thời gian thanh toán cho các nhà cung cấp. Vào tháng 7, Đảng Cộng sản Trung Quốc công bố một dự thảo sửa đổi luật giá năm 1998—sửa đổi lớn đầu tiên đối với luật này—bao gồm, giữa các điều khoản khác, việc cấm định giá dưới chi phí nhằm loại bỏ đối thủ, làm rõ hình phạt đối với định giá không công bằng và cấm việc bán hàng bóc tách hoặc giảm giá dựa trên dữ liệu.

Tuy nhiên, các cuộc chiến giá cả chỉ là một triệu chứng của vấn đề dư thừa công suất. Bắc Kinh không thể hy vọng đạt được tiến bộ đáng kể nếu không tái cấu trúc lại hệ thống động lực cơ bản đang gây ra tình trạng này. Hãy xem xét, ví dụ, cách mà ĐCSTQ đánh giá các quan chức địa phương. Hiện tại, các cán bộ được thăng chức chủ yếu dựa trên mức độ tăng trưởng mà họ mang lại; điều đó có nghĩa là đánh giá họ dựa trên việc họ xây dựng được bao nhiêu diện tích nhà máy mới và bao nhiêu con đường hoặc khu công nghiệp họ mở rộng. Những chỉ tiêu này thiên về quy mô hơn là chất lượng. Nếu Trung Quốc muốn phá bỏ những rào cản và sự dư thừa gây lãng phí

vốn và làm giảm năng suất, họ sẽ sử dụng các chỉ số đánh giá quan chức dựa trên các mục tiêu cụ thể về việc hình thành doanh nghiệp mới cũng như khả năng tồn tại của các doanh nghiệp đó; không chỉ là số lượng các công ty tư nhân được đăng ký mỗi năm, ví dụ, mà còn là số lượng công ty còn hoạt động trong một khoảng thời gian dài hơn.

Tuy nhiên, chỉ có các chỉ số mới thôi vẫn chưa đủ. Hệ thống thuế của Trung Quốc cũng sẽ cần phải được cải cách. Một số cải cách đã được thảo luận ở Bắc Kinh, như chuyển nhiều nguồn thu thuế từ chính phủ trung ương sang các tỉnh hoặc tái cấu trúc nợ chính quyền địa phương, nhưng cho đến nay, ĐCSTQ vẫn chưa thực hiện thay đổi nào có thể làm thay đổi hành vi của các quan chức địa phương. Miễn là đất đai và các nhà máy giúp các chính quyền địa phương duy trì tài chính ổn định, tình trạng dư thừa công suất sẽ vẫn là một phương án dự phòng hấp dẫn.

**Nếu ĐCSTQ muốn thực hiện đúng khẩu hiệu đã được nhắc đi nhắc lại “Đầu tư sớm, đầu tư nhỏ, đầu tư lâu dài và đầu tư vào công nghệ cứng”, thì họ cũng cần phải tái cấu trúc đáng kể hệ thống tài chính.** Các cơ quan quản lý sẽ phải yêu cầu, ví dụ, các ngân hàng lớn phải dành một phần danh mục cho vay dài hạn cho các công ty công nghệ. Đồng thời, thị trường cổ phiếu và trái phiếu của Trung Quốc cần phải phát triển nhanh chóng để trở thành những lựa chọn thực sự thay thế cho các khoản vay ngân hàng, vốn yêu cầu tài sản thế chấp. Điều này có nghĩa là cần phải đẩy nhanh quy trình phê duyệt chậm chạp và tăng cường các quy tắc kế toán và bảo vệ nhà đầu tư, để các nhà sáng lập và nhà đầu tư có thể coi các thị trường công khai là đáng tin cậy. Hiện tại, trái phiếu và cổ phiếu chỉ chiếm 31% tổng số vốn có sẵn từ cả nguồn ngân hàng và phi ngân hàng ở Trung Quốc — ít hơn một nửa so với các nguồn tương đương ở Hoa Kỳ.

Để mở khóa thêm tài chính, Trung Quốc sẽ phải phát triển các công cụ tài chính để huy động và tái chế vốn. Các công cụ phổ biến ở Hoa Kỳ—như trái phiếu chuyển đổi, các khoản vay có thể chuyển thành cổ phần nếu công ty thành công, hoặc nợ mạo hiểm (tín dụng cho các công ty khởi nghiệp mà không có tài sản thế chấp cứng)—gần như không tồn tại ở nền kinh tế lớn thứ hai thế giới. Tuy nhiên, Trung Quốc lại đang ngồi trên một nguồn tiết kiệm nội địa khổng lồ; tiền gửi của hộ gia đình và tiết kiệm gộp đứng trong nhóm cao nhất thế giới, chiếm tới 43% GDP tính đến năm 2023. Việc xây dựng một thị trường thứ cấp hoạt động mạnh mẽ cho các cổ phần tư nhân, khuyến khích các công ty mua lại các công ty khởi nghiệp và khôi phục lòng tin vào việc niêm yết công khai sẽ đảm bảo rằng vốn tiếp tục được luân chuyển vào hàng loạt các công ty trẻ tiếp theo.

Cuối cùng, nếu Bắc Kinh muốn thấy sự đổi mới thay vì chỉ là sự bắt chước, họ sẽ phải thiết kế và thực thi một chính sách cạnh tranh khen thưởng sự sáng tạo. Các cải cách dự thảo đối với luật giá (pricing law) của Trung Quốc và các quy định mới về giảm giá theo thuật toán là những bước đi đúng hướng, nhưng nếu không có sự thực thi mạnh mẽ hơn về quyền sở hữu trí tuệ và luật cạnh tranh công bằng, những kẻ bắt chước sẽ tiếp tục phát triển. Việc thực thi sở hữu trí tuệ của Trung Quốc còn yếu kém: Phòng Thương mại Hoa Kỳ xếp Trung Quốc đứng thứ 24 trong số 55 nền kinh tế trong chỉ số Sở hữu trí tuệ Quốc tế năm 2024. Việc ngăn chặn chiến lược định giá hủy diệt và các chiến thuật ép buộc của các nền tảng sẽ giúp các công ty có ít vốn, nhưng bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ sẽ nâng cao lợi nhuận từ sự đổi mới thật sự.

## **KHÁNG CỰ LẠI CÁC KHẢ NĂNG**

Hệ thống Trung Quốc đã sản sinh ra một số sáng tạo xuất sắc. Tuy nhiên, các đột phá tại Trung Quốc thường đến từ sự sáng tạo kỹ thuật thuần túy và quyết tâm. Ví dụ, DeepSeek, công ty AI đã làm kinh ngạc các quan sát viên toàn cầu với những tiến bộ trong các mô hình ngôn ngữ lớn, phần lớn đã đạt được động lực nhờ vào khả năng tự lực nội bộ và một văn hóa kỹ thuật nghiêm ngặt. Thực tế là họ không phụ thuộc vào các kênh tài chính chính thống càng làm nổi bật các điểm yếu của hệ thống hơn là các điểm mạnh của nó.

Mô hình tương tự cũng có thể quan sát được ở các ngành khác. Những đối thủ mới của Trung Quốc trong ngành bán dẫn, chẳng hạn, đang chống lại sự thống trị của công ty công nghệ Mỹ Nvidia bằng cách khai thác những ưu thế kỹ thuật hẹp, tận dụng hệ sinh thái kỹ thuật sâu rộng của quốc gia và phản ứng với nhu cầu cấp thiết của thị trường đối với các lựa chọn thay thế nội địa. Các công ty khởi nghiệp trong lĩnh vực robot cũng đang tiến bộ thông qua hoạt động tinh gọn, tạo mẫu nhanh và sự kết hợp chặt chẽ với các chuỗi cung ứng nội địa. Một số quan sát viên nhìn nhận những phát triển này một cách tích cực và kết luận rằng hệ sinh thái công nghệ của Trung Quốc là hiệu quả và có tính cạnh tranh. Tuy nhiên, những công ty Trung Quốc thành công là những công ty có thể kiên trì trong một môi trường không công bằng đối với họ. Trong lĩnh vực robot công nghiệp, chẳng hạn, đã có dấu hiệu cho thấy tình trạng dư thừa công suất sẽ làm suy yếu sự tiến bộ: một số giá bán được cho là thậm chí còn thấp hơn chi phí nguyên vật liệu, làm giảm lợi nhuận trước khi các công ty này có thể tạo ra lợi nhuận.

Để tạo ra một mô hình bền vững hơn—một mô hình khuyến khích sự đổi mới nhưng không rơi vào vòng xoáy dư thừa công suất—Trung Quốc sẽ phải trải qua một sự điều chỉnh thể chế. Logic của tốc độ vượt qua chất lượng, quy mô vượt qua đổi mới, và khối lượng đầu tư vượt qua lợi nhuận đã ăn sâu vào hệ thống. Đảo ngược logic này có nghĩa là phải thực hiện các sự hy sinh đã bị trì hoãn từ lâu và vượt qua những cấu trúc từng thúc đẩy sự phát triển ấn tượng của Trung Quốc.

Theo nghĩa này, việc tháo gỡ dư thừa công suất không chỉ là một điều chỉnh kinh tế. Đó là thử thách cuối cùng đối với khả năng tự điều chỉnh của Bắc Kinh—và liệu mô hình Trung Quốc đã đạt đến điểm bão hòa hay có thể một lần nữa bay cao lên những tầm cao mới.

*Lizzi C. Lee là Nghiên cứu viên về Kinh tế Trung Quốc tại Trung tâm Phân tích Trung Quốc của Viện Chính sách Châu Á (Asia Society Policy Institute).*